

**TÔI GÁNH TỘI AĐAM
HAY TÔI ĐANG LÀ AĐAM?**

Sách Sáng Thế

SR. CẢNH TUYẾT, O.P

Tiền Sĩ Thần Học Kinh Thánh (STD) Tại Paris
& Sinh Viên Thực Thụ (Élève titulaire)
Trường Kinh Thánh Khảo Cổ France Tại Giêrusalem
Giáo Sư Kinh Thánh Học Viện Công Giáo

lời gánh tội *học* **ĐAM** **TÔI ĐANG LÀ ĐAM?**

✧ **Sách Sáng Thế** ✧



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

IMPRIMATURE

Buôn Mê Thuột, ngày 18 tháng 03 năm 2022



Vincent Nguyễn Văn Bán

Giám mục Ban Mê Thuột

Sách Sáng Thế, đặc biệt là 11 chương đầu, có thể được hiểu như là một sưu tập các mẫu chuyện mang tính bình dân, dễ đọc, dễ hiểu nhưng lại chất chứa trong đó những chân lý đức tin. Thế nên, nếu đọc giả không đọc với một phương pháp tiếp cận đúng mực thì thật khó để có thể nhận ra những chân lý mà qua các câu chuyện ấy Thiên Chúa muốn mạc khải cho con người.

Nữ tu Agnes Cảnh Tuyết, qua cuốn sách với tựa đề ‘TÔI GÁNH TỘI ADAM HAY TÔI ĐANG LÀ ADAM?’, đã thử đề nghị cho chúng ta một chìa khóa giúp tiếp cận các câu chuyện trong sách Sáng Thế để có thể lãnh hội các chân lý đức tin. Phương pháp mà tác giả muốn đề nghị với chúng ta đó là “người đọc Kinh Thánh ‘nhập cuộc’ để nghe những lời trong Kinh Thánh đang ngỏ với chính mình.”

Với lối trình bày ngắn gọn dưới dạng những câu hỏi thưa thật đơn giản và ngắn gọn nhưng

không kém phần sâu sắc, cách lập luận có nền tảng và logic, tác giả như muốn dẫn độc giả vào trong từng vấn đề mà sách Sáng Thế đặt ra qua các câu chuyện kể, để từng bước từng bước một hiểu ra những chân lý đức tin được chất chứa trong đó.

Bên cạnh việc giúp độc giả gọi mở những nút thắt của vấn đề, tính thời sự cũng được tác giả đặc biệt chú trọng khi độc giả được mời gọi lý giải những vấn đề vốn rất cổ xưa nhưng trong bối cảnh của một cuộc sống đang rất hiện đại.

Chắc chắn cuốn sách là một gọi mở thật hữu ích và lý thú cho những ai đang thao thức kiếm tìm chân lý qua những trang Lời Chúa của Sách Sáng Thế.

Hiểu biết thêm về mặt kiến thức giáo lý và suy tư hơn trong lãnh vực đức tin – đó chính là hai điều mà độc giả sẽ dễ dàng thu đắc được qua mỗi trang nội dung của cuốn sách này.

✠ Giuse Đỗ Quang Khang

Giám mục Phó Gp. Bắc Ninh

Với những chương đầu của sách Sáng Thế, người ta thường thắc mắc vì sao tôi phải gán tội Adam? Trong phần thứ hai của sách Sáng Thế, St 12–50, khởi đầu với việc Thiên Chúa gọi Ápraham, tổ phụ của Ítraen, dân riêng Chúa chọn; và một thắc mắc nữa thường được đặt ra: vì sao Chúa chọn người này mà không chọn người kia?

Những thắc mắc trên sẽ được sáng tỏ hơn nếu người đọc Kinh Thánh “nhập cuộc” để nghe những lời trong Kinh Thánh đang ngỏ với chính mình. Đây là lối tiếp cận Kinh Thánh theo cách mà ngôn sứ Nathan đã làm với vua Đavít: sau khi nghe ngôn sứ Nathan kể về câu chuyện người giàu bắt con chiên của một người nghèo để giết thịt đãi khách, vua Đavít bùng bùng nổi giận về cách hành xử của người giàu trong câu chuyện; lúc bấy giờ ngôn sứ Nathan nói với vua Đavít: **“Kẻ đó chính là ngài”** (2Sm 12,7). Theo cách này, người đọc được mời

gọi “phản tỉnh” để nhìn thấy mình là người trong câu chuyện Kinh Thánh. Bởi lẽ Kinh Thánh là Lời Chúa đang ngỏ với chính mỗi người chúng ta. Người đọc được mời gọi nhìn ra hình ảnh Adam nơi chính mình, nhận ra lời Chúa ngỏ với mình qua việc Ngài gọi Ápraham.

❖ Tập sách nhỏ này sẽ lần lượt rảo qua một số đoạn Kinh Thánh trong Sách Sáng Thế để giúp sáng tỏ những thắc mắc nêu trên.¹

¹ Trích dẫn Lời Chúa: Nhóm phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ

PHẦN I

THIÊN CHÚA LÀ AI? CON NGƯỜI LÀ AI?

St 1-2

Việc Adam Evà nghe theo lời con rắn, ăn trái cây Thiên Chúa cấm, để trở nên như Thiên Chúa, chứng tỏ con người không nhận biết con người là ai và Thiên Chúa là ai. Con người không hiểu sự khác biệt giữa Thiên Chúa và con người là sự khác biệt về căn tính: một bên là Đấng sáng tạo và một bên là thụ tạo. Kinh Thánh cho biết con người chỉ là thụ tạo được Thiên Chúa dựng nên, và chỉ có một Thiên Chúa là Đấng sáng tạo; đồng thời Kinh Thánh cũng cho thấy tình yêu và

sự tốt lành của Thiên Chúa dành cho con người. Qua hai chương đầu của sách Sáng Thế, Kinh Thánh sẽ đặt nền tảng cho câu hỏi căn bản của đức tin: Con người là ai và Thiên Chúa là ai? Nhận biết con người là ai và Thiên Chúa là ai là điều căn bản để con người nhận ra tội Ađam hệ tại ở điều gì.

**THIÊN CHÚA LÀ ĐẮNG
SÁNG TẠO DUY NHẤT
CHỨ KHÔNG PHẢI THỨ NHẤT,
CÓ THẬT VẬY KHÔNG?**

St 1,1–2,4a

1. Niềm tin của Ítraen là niềm tin độc thần²

✓ Trong khi các dân nước xung quanh đều theo tôn giáo đa thần, thì Ítraen chỉ thờ một Thiên Chúa duy nhất. Cốt lõi niềm tin Ítraen được tóm lược trong Đnl 6,4: “Nghe đây, hỡi Ítraen! ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa chúng ta, là ĐỨC CHÚA duy nhất”.

² Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1^{er} 1980), p. 20.

✓ Về ý nghĩa lễ nghi tôn giáo: các dân thờ tà thần tìm cách làm hài lòng các thần minh bằng những lễ nghi, để các thần minh ban lại cho họ những điều họ xin về nhu cầu vật chất. Với Ítraen, lễ nghi không nhằm đòi Thiên Chúa làm theo điều mình xin, nhưng là tạ ơn Chúa về những ân huệ Ngài ban.

Cuộc chiến chống tà thần là cuộc chiến triền miên của Ítraen, được phản ánh trong suốt cuốn Kinh Thánh Cựu Ước. Những trang đầu của Kinh Thánh là lời tuyên xưng về một Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo Duy Nhất đã bao hàm cuộc bút chiến chống tà thần.

2. Vũ trụ được tạo dựng trong sáu ngày: đây không phải là bản thông tin khoa học

✓ Trình thuật sáng tạo ở St 1 nổi bật với nhiều điệp khúc, trong đó có điệp khúc “Qua một buổi chiều và một buổi sáng” trải dài theo trình thuật, các ngày tuần tự xuất hiện, bắt đầu từ “ngày thứ nhất” cho đến “ngày thứ bảy”. Theo trình thuật, vũ trụ được tạo dựng trong sáu ngày, đến ngày thứ

bảy Thiên Chúa dừng công việc tạo dựng, Thiên Chúa nghỉ.

Tuy nhiên, khi nói vũ trụ được tạo dựng trong sáu ngày và ngày thứ bảy Chúa nghỉ, tác giả Kinh Thánh không nhằm ghi lại thông tin khoa học về quá trình hình thành vũ trụ. St 1,1–2,4a là bài thơ thuộc truyền thống tư tế nhằm diễn tả niềm tin vào Thiên Chúa, Đấng Sáng Tạo Duy Nhất. Tác giả Kinh Thánh muốn cho thấy cả vũ trụ và muôn loài sinh vật đang sống trong khung phụng vụ của tuần lễ³, với đỉnh điểm là việc cử hành ngày sabat⁴.

Chúng ta, những Kitô hữu, chúng ta đang sống trong dòng thời gian chóng vánh trôi qua nơi trần thế, theo nhịp phụng vụ trong dòng thời gian của trần thế; nhưng chung cuộc, chúng ta quy hướng về vĩnh cửu trong Đấng Phục Sinh và Thiên Chúa vĩnh hằng.

³ *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 55.

⁴ *La Bible et sa culture – Ancien Testament*, sous la direction de Michel Quesnel et Philippe Gruson, Desclée de Brouwer, 2000, p. 41-42.

3. Ý nghĩa về hình ảnh “thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước”

✓ Mở đầu Sách Thánh là hình ảnh về thế giới trước khi tạo dựng: “Lúc khởi đầu, Thiên Chúa tạo dựng trời đất. Đất còn trống rỗng, chưa có hình dạng, bóng tối bao trùm vực thẳm, và thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước” (St 1,1-2).

✓ Theo nguyên ngữ Hípri cụm từ “trống rỗng, không hình dạng” là hình ảnh về khối hỗn mang thiếu vắng sự sống⁵, còn hình ảnh bóng tối và vực thẳm, gợi đến vẻ thâm u, tiềm tàng mối đe dọa, đáng sợ⁶. Tiếp đến, là hình ảnh “thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước”, hình ảnh này diễn tả quyền cai trị của Thiên Chúa trên khối hỗn mang nguyên thủy.

Qua những hình ảnh trên, hai câu mở đầu của sách Sáng Thế cho thấy, nếu vũ trụ trước khi tạo thành là một khối hỗn mang ghê sợ, thì chúng vẫn thuộc quyền cai trị của Thiên Chúa, bởi vì thần khí Chúa bao phủ trên đó.

⁵ *La Bible - Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 55.

⁶ x. Xh 10,21-22; St 7,11; Xh 10,21-22.

4. Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ từ hư vô hay từ một chất liệu có trước?

✓ Câu mở đầu của trình thuật: “Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo trời đất. Đất còn trống rỗng, chưa có hình dạng, bóng tối bao trùm vực thẳm” (St 1,1-2), có thể gây thắc mắc cho người đọc: vì sao có hỗn mang, chẳng lẽ Thiên Chúa tạo dựng nên hỗn mang! Hoặc hỗn mang hiện hữu trước khi Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ chăng? Cũng vậy, theo cách miêu tả của trình thuật tạo dựng ở St 1,3-5, bản văn không nói rõ Thiên Chúa đã dựng nên bóng tối, mà chỉ nói Thiên Chúa tách bóng tối ra khỏi ánh sáng, và gọi tên nó là “đêm”. Vậy bóng tối hiện hữu trước khi vũ trụ được tạo thành chăng?

Nếu trước khi tạo thành đã có sẵn cái gì đó, rồi từ chất liệu đã có sẵn đó Thiên Chúa làm ra vũ trụ, thì xem ra Thiên Chúa không tạo dựng vũ trụ từ hư vô! Có ý kiến cho rằng, St 1 trình bày tạo dựng như là việc Thiên Chúa sắp xếp trật tự các vật, hơn là việc Thiên Chúa tạo dựng từ hư vô. Đây là điều đã gây tranh luận giữa các nhà chú giải.

✓ Thật ra khái niệm về tạo dựng từ hư vô hay tạo dựng từ một chất liệu có trước (Ex nihilo/

Ex materia) là khái niệm của triết học Hy Lạp cổ đại, do triết gia Parmenides (sinh năm 515) đưa ra. Còn với Kinh Thánh, chưa hẳn tác giả Kinh Thánh đã bận tâm đến khái niệm của triết học Hy Lạp khi nói đến sự hiện diện của hồn mang và bóng tối. Nói cách khác điều mà tác giả Kinh Thánh bận tâm ở đây là diễn tả niềm tin vào một Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo Duy Nhất hơn là bàn về khái niệm sáng tạo từ hư vô.

Với câu mở đầu của trình thuật tạo dựng ở St 1,1-2, Sách Thánh ngầm cho thấy không một lĩnh vực nào trong vũ trụ bị khống chế bởi các thần lực huyền bí hay các thần dữ. Tất cả đều thuộc quyền cai trị của Thiên Chúa. Cũng vậy, ánh sáng hay bóng tối đều thuộc về công trình tạo dựng của Thiên Chúa, bởi chính Thiên Chúa đặt tên cho bóng tối là “đêm”. Chỉ mình Thiên Chúa là Chủ Tể vũ trụ, Ngài là Đấng Sáng Tạo Duy Nhất.

✓ Tuy nhiên, ý tưởng tạo dựng từ hư vô vẫn hàm chứa trong trình thuật tạo dựng theo cách riêng của nó. Trước hết, trong tiếng Hípri, từ tạo dựng (בָּרָא - dạng Qal) được dùng ở đây là từ mà

trong Cựu Ước chỉ dành riêng cho Thiên Chúa⁷; hơn nữa, kiểu nói: “Thiên Chúa phán: “Phải có”-Liền có...”, diễn tả rõ ràng ý tưởng Thiên Chúa tạo dựng từ hư vô.

Mặt khác, nếu ý tưởng tạo dựng từ hư vô không rõ ràng trong trình thuật tạo dựng, thì vẫn có những đoạn Kinh Thánh khác khẳng định rõ điều này, chẳng hạn 2Mcb 7,28: “... con hãy nhìn xem trời đất và muôn loài trong đó, mà nhận biết rằng Thiên Chúa đã làm nên tất cả từ **hư vô**”.

✓ Thiên Chúa tạo dựng từ hư vô, nghĩa là Ngài là khởi nguyên và là cùng đích của mọi loài. Nhờ Ngài chúng ta có sự sống, và cuối cùng chúng ta sẽ trở về với Ngài.

5. Ánh sáng được dựng nên trước cả khi có mặt trời mặt trăng

✓ Theo trình thuật, thụ tạo đầu tiên được dựng nên là ánh sáng: “Thiên Chúa phán: ‘Phải có ánh sáng.’ Liền có ánh sáng. Thiên Chúa thấy rằng ánh

⁷ *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 55.

sáng tốt đẹp. Thiên Chúa phân rẽ ánh sáng và bóng tối. Thiên Chúa gọi ánh sáng là 'ngày', bóng tối là 'đêm'. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ nhất.” (St 1,3-5).

Còn mặt trời và mặt trăng, mãi đến ngày thứ tư mới được dựng nên: “Thiên Chúa phán: 'Phải có những vầng sáng trên vòm trời, để phân rẽ ngày với đêm, để làm dấu chỉ xác định các đại lễ, ngày và năm'... Thiên Chúa đặt các vầng sáng trên vòm trời để chiếu soi mặt đất, để điều khiển ngày và đêm, và để phân rẽ ánh sáng với bóng tối. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ tư” (St 1,14.17-19).

Những ghi nhận trên cho thấy: ánh sáng xuất hiện trước cả khi mặt trời mặt trăng được dựng nên, điều này đối với khoa học xem ra không phù hợp. Cũng vậy, theo trình thuật thì đã có “ngày” và có “đêm”, và trình thuật còn nói đến “ngày thứ nhất” “ngày thứ hai” “ngày thứ ba”, trong khi đó đến ngày thứ tư mới có mặt trời mặt trăng, vậy chưa có mặt trời mặt trăng làm sao lại có ngày và đêm. Một lần nữa, bản văn Kinh Thánh xem ra không phù hợp với cái nhìn của khoa học.

✓ Tuy nhiên, điều xem ra không hợp lý với khoa học, lại là điều mà sách Thánh muốn dùng để chuyển tải một thông điệp mang tính bút chiến chống tà thần. Kinh Thánh cho thấy chính Thiên Chúa mới là nguồn sáng, còn mặt trời mặt trăng không tự mình ban ánh sáng. Chúng được dựng nên để thi hành nhiệm vụ Chúa giao: “vàng sáng lớn hơn để điều khiển ban ngày” và “vàng sáng nhỏ hơn để điều khiển ban đêm”. Cũng vậy, trình thuật không hề nhắc đến tên gọi “mặt trời” “mặt trăng”, bởi lẽ đó là tên gọi của thần minh đối với dân miền Trung Đông. Trình thuật chỉ gọi chúng là “những vàng sáng lớn”.

Với dân vùng Trung Đông thời Cựu Ước, mặt trời mặt trăng là thần minh của họ; chẳng hạn bài thánh thi Tán Dương Thần Mặt Trời, của Pharaon Akhénaton, có đoạn viết:

“Ngài xuất hiện, tuyệt hảo, ở chân trời
Đĩa sống động, nguồn phát sinh sự sống.
Khi Ngài thức dậy ở phía trời đông,
Ngài bao phủ cả xứ sở trong sự hoàn mỹ của Ngài.
Khi Ngài lặn xuống phía trời tây

Mặt đất chìm trong bóng tối,
như chìm trong sự chết...”⁸

Trong khi các dân nước xung quanh thờ mặt trời mặt trăng, thì trình thuật tạo dựng trong St 1 cho thấy mặt trời mặt trăng chỉ là thụ tạo được Thiên Chúa dựng nên. Chúng không tự mình ban ánh sáng cho trái đất. Mọi nguồn sáng của sự sống đến từ Thiên Chúa. Ngay cả khi mặt trời mặt trăng chưa được dựng nên, thì vũ trụ đã tràn ngập ánh sáng từ Thiên Chúa.

6. Thủy quái cũng là thụ tạo của Thiên Chúa

✓ Về loài thủy quái, Kinh Thánh cho biết chúng là thụ tạo của Thiên Chúa: “Thiên Chúa sáng tạo các thủy quái khổng lồ, cùng mọi sinh vật vẫy vùng lúc nhúc dưới nước... Thiên Chúa chúc phúc cho chúng...” (St 1,21-22).

Theo văn chương Ugaritic (thuộc về nền văn minh cổ đại của vùng Ugarit, nằm ở Bắc Syria), “thủy quái” là hình ảnh quái vật hỗn mang, với sức

⁸ Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1^{er} 1980), p. 18.

mạnh đáng sợ⁹. Trong khi đó, với trình thuật tạo dựng, thủy quái là thụ tạo của Thiên Chúa. Chúng được Thiên Chúa dựng nên và được Ngài chúc phúc như những sinh vật khác.

Thánh vịnh 104 còn cho thấy loài thủy quái là thụ tạo mà Chúa dựng nên để làm trò tiêu khiển:

“Này đại dương bát ngát mênh mông,
nơi muôn vàn sinh vật to lẫn nhỏ vẫy vùng,
nơi tàu bè cỡi sóng và thủy quái tung tăng,
là vật Chúa tạo thành để làm trò tiêu khiển”

(Tv 104,24-26).

Nói cách khác, nếu loài thủy quái là biểu tượng về một sức mạnh đáng sợ, thì chúng chỉ đáng sợ đối với những ai không đặt niềm tin vào Thiên Chúa; với Kinh Thánh, chúng chỉ là thụ tạo của Thiên Chúa.

Với những cách diễn tả trên, St 1 hàm chứa một cuộc bút chiến chống tà thần, đó là lời tuyên xưng

⁹ Mathews, K. A. (1995). Vol. 1A: Genesis 1-11:26 (electronic ed.). *Logos Library System; The New American Commentary (156)*. Nashville: Broadman & Holman Publishers., Gn 1,21.

Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo Duy Nhất, không có bất cứ thần minh nào hiện hữu bên cạnh Ngài.

7. Kinh Thánh nhấn mạnh đến việc tôn thờ một Thiên Chúa duy nhất

Sách Sáng Thế, cuốn sách thứ nhất trong bộ Kinh Thánh, mở đầu với lời tuyên xưng Thiên Chúa là Đấng sáng tạo duy nhất, không có thần nào khác ngoài Thiên Chúa. Cũng vậy, Điều Răn thứ nhất trong Mười Điều Răn dạy: “Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta” (x. Xh 20,3; Đnl 5,7). Điều này cho thấy Kinh Thánh nhấn mạnh đến niềm tin vào một Thiên Chúa duy nhất, vì đây là cốt lõi niềm tin của Ítraen.

Sở dĩ Kinh Thánh nhấn mạnh đến việc tôn thờ một mình Thiên Chúa là vì suốt dòng lịch sử thánh, Ítraen triền miên rơi vào cám dỗ thờ tà thần của dân ngoại.

Từ những ngày còn trong sa mạc với hành trình về Đất Hứa, Ítraen đã phạm tội thờ bò vàng (x. Xh 32). Salomon, người kế vị Đavít, nổi tiếng khôn ngoan, cũng chạy theo tà thần (x. 1V 11,1-13).

Sau thời Salomon, đất nước chia đôi, tội thờ tà thần càng gia tăng ở cả hai miền Bắc Nam. Ở miền Bắc, một mình ngôn sứ Êlia đối đầu với bốn trăm năm mươi ngôn sứ của Baal trên núi Carmel, để xem ai là Thiên Chúa thật (1V 18). Ở miền Nam Giuđa, việc thờ tà thần lan tràn khắp cả Giuđa, người ta đưa việc thờ tà thần vào cả trong Đền Thờ Giêrusalem. Bên cạnh việc thờ thần Baal, họ còn thờ mặt trời, mặt trăng và các chòm sao (2V 23,5). Sách Các Vua cho biết, vì tội thờ tà thần mà dân Chúa, miền Bắc cũng như miền Nam, đều bị Chúa giáng họa (2V 17,22-23; 24,19-20): Samaria bị bình địa bởi quân Assure, năm 722, Giêrusalem thành đồng tro tàn, và bị lưu đày sang Babylon, năm 587.

8. Tin vào Thiên Chúa Duy Nhất khác với tin vào Thiên Chúa thứ nhất như thế nào?

✓ Cần phân biệt hai điều về “tin vào Thiên Chúa Duy Nhất” và “tin vào Thiên Chúa thứ nhất”. Thiên Chúa thứ nhất, thì sẽ còn có một đẳng thứ hai, thứ ba... Trong khi đó, mặc khải Kinh Thánh đòi buộc tin thờ một Thiên Chúa duy nhất, chứ không phải Thiên Chúa thứ nhất. Ítraen đã làm khi

nghĩ rằng họ không bỏ Thiên Chúa, vì họ vẫn đặt Thiên Chúa lên trên các thần khác, vẫn giữ trọn các lễ nghi và dâng tiến những gì tốt nhất cho Thiên Chúa; nhưng bên cạnh, họ chạy theo thần Baal, nhằm tìm sự bảo đảm về của cải vật chất. Niềm tin vào một Thiên Chúa Duy Nhất là một thách đố, đòi một sự đoạn tuyệt và không nhập nhằng với bất cứ hình thức thờ tà thần nào.

✓ Thiên Chúa có ích kỷ chẳng khi đòi hỏi chỉ tôn thờ một mình Ngài?

Theo Kinh Thánh, tà thần là tất cả những gì thuộc về thụ tạo mà con người tôn lên làm thần. Nếu tôn thờ thụ tạo, con người sẽ tự mình đi vào hư vô. Bởi vì chỉ một mình Thiên Chúa là nguồn sống vĩnh cửu của mọi thụ tạo, chỉ mình Ngài là Đấng Sáng Tạo Duy Nhất.

9. Tuyên xưng một Thiên Chúa Duy Nhất đòi sự từ bỏ việc thần thánh hóa các thụ tạo

Tuyên xưng niềm tin vào một Thiên Chúa Duy Nhất, đòi con người từ bỏ việc thần thánh hóa các thụ tạo dưới nhiều hình thức khác nhau.

a. Khi con người bận tâm tìm những gì ở đời này, coi danh lợi thú như là mục đích tối hậu của đời mình, thì đó là tội thờ tà thần. Khi người ta thờ Thiên Chúa một cách thực dụng như người ta thờ thần Baal; nghĩa là coi Thiên Chúa như là vị thần hộ mệnh, thần tiền, thần tài, thần sức khỏe, thì đó là một hình thức của tội thờ tà thần.

b. Một khi người ta bận tâm nhiều đến việc quảng bá về các vị thánh mình sùng mộ; một khi sự biểu lộ lòng mộ mến các thánh bằng những ngôn từ, những hình thức mà lẽ ra chỉ nên dành riêng cho Thiên Chúa, thì nguy cơ coi thụ tạo của Thiên Chúa như một vị thần thứ hai sẽ khó tránh khỏi. Chỉ có một Đấng Trung Gian Duy Nhất và là Đấng Cứu Độ Duy Nhất là Đức Giêsu, “Duy Nhất” chứ không phải là thứ nhất. Đối với Kitô hữu: Ngoài danh Đức Giêsu Con Thiên Chúa “Dưới gầm trời này, không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh đó mà được cứu độ” (Cv 4,12).

✓ Một trong những biện minh cho những việc sùng kính lệch lạc đó là nhân danh “truyền

thông”. Liên quan đến nhân danh “truyền thống”, Đức Thánh Cha Phanxicô đã gióng lên tiếng nói ngôn sứ như sau: “chúng ta thấy nơi những người kiến tạo quanh mình những bức tường và những tập quán, ngày càng trở thành nô lệ cho các thần tượng do tay họ tạo nên”¹⁰.

c. Có ma quỷ hay không?

Những trang đầu của Kinh Thánh là lời khẳng định về Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo Duy Nhất, vũ trụ này thuộc quyền cai trị của một mình Thiên Chúa, không có bất cứ thần lực nào có quyền không chế vũ trụ này. Vậy có ma quỷ hay không?

✓ Trước đây người tín hữu thường né tránh nói đến ma quỷ, và không dám bàn đến ma quỷ như một hữu thể, như một ai đó. Thế nhưng, các Kitô hữu vẫn nói đến tác động của một năng lực vô hình nào đó, có người bị quấy rối, bị xáo trộn bởi ma quỷ, hoặc bởi người thuộc “cõi âm”.

¹⁰ Căn bệnh thứ sáu trong 15 căn bệnh của giáo triều Rôma mà Đức Phanxicô đề cập đến vào ngày 22/12/2014.

Gần đây, trong tông huấn *Gaudete Et Exsultate*, Đức Phanxicô không ngần ngại nói về sự hiện hữu của ma quỷ và coi ma quỷ là một hữu thể¹¹.

✓ Vậy cần phải phân biệt “tin có ma quỷ” và “tin vào ma quỷ”. Tin vào ma quỷ là nhìn nhận và phục quyền của ma quỷ, chịu sự chi phối và điều hành của ma quỷ, đi theo những thực hành không thuộc niềm tin Kitô giáo. Đó là đi ngược với niềm tin vào một Thiên Chúa Duy Nhất.

Đã bước vào cõi mê tín, thì lúc nào cũng gặp chuyện bất ổn, dân gian Việt Nam có câu *bói ra ma quét nhà ra rác; và tin ma thì ma bắt, tin quỷ thì quỷ ám*.

✓ Niềm tin vào một Thiên Chúa Duy Nhất sẽ giải thoát chúng ta khỏi mọi sợ hãi âu lo về các thể lực siêu nhiên, chính Thiên Chúa là nguồn bình an của chúng ta.

¹¹ Đức Thánh Cha Phanxicô, *Gaudete Et Exsultate*, 2018, số 160-161.

Câu mở đầu của bộ Kinh Thánh và câu mở đầu của Tin Mừng Gioan

Câu mở đầu của sách Sáng Thế như sau: *“Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo trời đất”* (St 1,1), còn Tin Mừng Gioan mở đầu như sau: *“Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời”* (Ga 1,1). Cụm từ “Lúc khởi đầu” ở sách Sáng Thế và Tin Mừng Gioan trong nguyên ngữ Hy Lạp hoàn toàn giống nhau (Ev ἀρχῆς (St 1,1); Ἐν ἀρχῇ (Ga 1,1)).

Có thể nói, với Tin Mừng Gioan, nơi Đức Giêsu, khởi đầu một cuộc tạo thành mới, và chúng ta là những thụ tạo mới trong Đức Giêsu. Đức Giêsu sống lại vào ngày thứ nhất trong tuần, mở đầu một kỷ nguyên mới của cuộc tạo thành mới.

oOo

LỜI CHÚA LÀ LỜI TẠO DỰNG, CÓ THẬT VẬY KHÔNG?

1. Lời Thiên Chúa là Lời tạo dựng

✓ Một điệp khúc khác cũng rất nổi bật trong trình thuật tạo dựng ở St 1, đó là điệp khúc: “Thiên Chúa phán phải có... Liền có như vậy” (St 1,3. 6-7.9.11.14-15.24.29-30). Điệp khúc này vừa làm nổi bật về quyền năng của Lời Chúa: Lời Chúa là Lời quyền năng, Lời tạo dựng; Thiên Chúa dùng Lời để dựng nên vũ trụ.

Bên cạnh việc trình bày Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ bằng LỜI, trình thuật tạo dựng còn nói đến việc Thiên Chúa tạo dựng bằng hành động qua động từ “LÀM”. Trong việc tạo dựng vòm trời, Thiên Chúa vừa dùng LỜI vừa dùng hành động

LÀM: “Thiên Chúa PHÁN phải có một cái vòm ở giữa khối nước, để phân rẽ nước với nước. Thiên Chúa LÀM ra cái vòm đó (...). Liền có như vậy” (St 1,6-7); việc Chúa tạo dựng mặt trời mặt trăng cũng vừa bằng LỜI vừa bằng hành động LÀM như sau: “Thiên Chúa PHÁN: “Phải có những vầng sáng trên vòm trời, (...)” Liền có như vậy. Thiên Chúa LÀM ra hai vầng sáng lớn” (St 1,14-15).

✓ Có vẻ nhập nhằng vì Thiên Chúa vừa tạo dựng bằng Lời, vừa bằng hành động Làm. Tuy nhiên, với sự kết hợp giữa hai kiểu nói “Thiên Chúa phán” và “Thiên Chúa làm”, càng làm nổi bật Lời Chúa là Lời tạo dựng, Lời mang lại hiệu quả: Thiên Chúa LÀM ra vũ trụ bằng LỜI của Ngài. Thiên Chúa phán điều gì, điều đó liền được làm ra theo ý định của Ngài.

2. Vũ trụ không ngẫu nhiên mà có

✓ Bên cạnh việc diễn tả quyền năng của Lời Chúa, điệp khúc: “Thiên Chúa phán phải có (...). Liền có” còn diễn tả cái nhìn của đức tin về sự xuất hiện vũ trụ, rằng vũ trụ này không ngẫu nhiên mà có, nhưng bởi ý muốn của Thiên Chúa. Mỗi thụ

tạo được dựng nên đều phát xuất từ ý muốn của Thiên Chúa. Thiên Chúa có dự định, có chương trình tốt đẹp cho vũ trụ khi tạo dựng nên nó; vũ trụ tạo thành không bị phó mặc cho vô định.

✓ Tân Ước sẽ cho thấy dự định của Thiên Chúa về con người không phải chỉ để sống ở đời này, nhưng hướng về quê trời. Về điều này chúng ta có lời hứa Đức Giêsu: “Thầy đi dọn chỗ cho anh em. Nếu Thầy đi dọn chỗ cho anh em, thì Thầy lại đến và đem anh em về với Thầy, để Thầy ở đâu, anh em cũng ở đó” (Ga 14,2-3). Không những Thiên Chúa có dự định tốt đẹp về mai hậu cho con người, mà cả vũ trụ cũng được thông phần vào vinh quang mai hậu của con người, và thư Rôma có nói về điều này (x. Rm 8,18-21).

✓ Chúng ta thường nghe những lời khôn ngoan như “Hãy sống giây phút hiện tại”, nhưng lòng chúng ta vẫn không tránh khỏi lo lắng về tương lai; có những chuyện quá khứ chỉ muốn quên mà chúng vẫn sống trong ta. Với người tin rằng Thiên Chúa có dự định tốt đẹp khi dựng nên con người, thì có lẽ lời của nhà thần bí Marthe Robin đáng

để suy ngẫm, nhà thần bí khuyên: “Đừng quá nhìn về tương lai, cũng đừng quá nhìn về quá khứ, hãy luôn hướng nhìn lên cao” (Ne regardons ni trop en avant, ni trop en arrière, mais toujours en haut)¹². Với người tin, cái nhìn về trời cao không hề chối bỏ cuộc sống hiện tại; trái lại, tin vào dự định mà Thiên Chúa dành cho con người, sẽ hướng con người sống đúng nhân phẩm, sống có ý nghĩa và tìm thấy hạnh phúc trong hiện tại. Với người tin, cái nhìn về trời cao không hề chối bỏ quá khứ, nhưng đảm nhận nó, cũng không hề ảo tưởng về tương lai. Người của niềm tin tìm nơi Chúa sự chữa lành quá khứ và định hướng cho tương lai.

Với Kitô hữu, sở dĩ chúng ta bám vào danh lợi thú là vì chúng ta quên lời của Đức Giêsu hướng chúng ta về tương lai: “được cả thế giới mà phải thiệt mất mạng sống, thì nào có lợi gì?” (Mt 16,26). Sở dĩ chúng ta chạy tìm những hơn thua, được mất, ở đời này là vì chúng ta không hướng về quê thật trên trời, điều mà Đức Giêsu đã hứa: “Phúc thay

¹² www.foyer-chateauneuf.com: *Parole de Marthe Robin* – Foyers de Charité

ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ” (Mt 5,3).

3. Mỗi ngày mới của vũ trụ làm sống lại hồng ân tạo dựng

Lời Thiên Chúa là lời tạo dựng, và thụ tạo đầu tiên xuất hiện là ánh sáng. Ánh sáng bùng lên giữa bóng tối của hồn mang nguyên thủy, tuy nhiên bóng tối không bị hủy diệt hoàn toàn, Sách Thánh viết: “Thiên Chúa phán: 'Phải có ánh sáng.' Liền có ánh sáng. Thiên Chúa thấy rằng ánh sáng tốt đẹp. Thiên Chúa phân rẽ ánh sáng và bóng tối. Thiên Chúa gọi ánh sáng là 'ngày', bóng tối là 'đêm'” (St 1,3-5). Như thế bóng tối trở thành một phần của vòng thời gian được Chúa gọi là “đêm”. Theo gợi ý của nhà chú giải G. Von Gad: mỗi đêm tối như gọi lại bóng tối nguyên thủy của thời hồng hoang, và mỗi ngày mới là một lần nữa lời Chúa chinh phục đêm đen đầy âu lo của chúng ta¹³. Lời Chúa chiếu

¹³ Mathews, K. A. (1995). *Vol. 1A: Genesis 1-11:26 (electronic ed.). Logos Library System; The New American Commentary (145)*. Nashville: Broadman & Holman Publishers, Gn 1,3.

ánh sáng vào cõi hỗn mang, vào cõi u mê của lòng ta. Mỗi buổi mai, vũ trụ đón nhận ánh sáng mới, mời gọi chúng ta cảm tạ hồng ân tạo dựng của buổi khai nguyên.

4. Thiên Chúa quan phòng

✓ Sau khi dựng nên con người, Thiên Chúa phán với con người như sau: “Đây Ta ban cho các ngươi mọi thứ cỏ mang hạt giống trên khắp mặt đất, và mọi thứ cây có trái mang hạt giống, để làm lương thực cho các ngươi. Còn đối với mọi dã thú, chim trời và mọi vật bò dưới đất mà có sinh khí, thì Ta ban cho chúng mọi thứ cỏ xanh tươi để làm lương thực. Liên có như vậy.” (St 1,29-30). Đây chính là lời tuyên xưng Thiên Chúa vừa là Đấng Sáng Tạo, vừa là Đấng Quan Phòng. Đối với Kinh Thánh, việc ca tụng hồng ân tạo dựng không hề là chuyện của quá khứ, bởi vì Thiên Chúa đang tạo dựng vũ trụ từng ngày qua việc Ngài nuôi sống muôn loài.

Về điều này, Thánh vịnh gia đã ca tụng Thiên Chúa như sau: “Hết mọi loài ngửa trông lên Chúa đợi chờ Ngài đến bữa cho ăn. Ngài ban xuống,

chúng lượm về, Ngài mở tay, chúng thoả thuê ơn phước. Chúa ẩn mặt đi, chúng rụng rời kinh hãi; lấy sinh khí lại, là chúng tắt thở ngay, mà trở về cát bụi” (Tv 104,27-29).

✓ Lời tuyên xưng Thiên Chúa Đấng Sáng Tạo cũng là Đấng Quan Phòng chính là lời tuyên xưng niềm tin vào một Thiên Chúa Duy Nhất, và điều này bao hàm cuộc bút chiến chống tà thần. Bởi lẽ Ítraen chạy theo thần Baal là để tìm sự bảo đảm về của cải vật chất. Đến lượt chúng ta, mỗi ngày mới chúng ta cảm tạ hồng ân tạo dựng là từng ngày chúng ta tuyên hứa giữ bỏ mọi hình thức tà thần trong ta, không quỳ gối trước bất cứ thụ tạo nào để tìm bảo đảm về của cải vật chất và cả sức khỏe.

5. Lời Chúa là Lời tạo dựng.

Có thật dân Chúa tin điều đó hay không?

✓ Những trang đầu của Kinh Thánh diễn tả niềm xác tín của Ítraen vào quyền năng, sức mạnh thánh thiêng của Lời Chúa. Niềm xác tín này được diễn tả trong sách Đệ Nhị Luật qua một câu mà chính Đức Giêsu đã nhắc lại: “Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh, nhưng còn sống nhờ mọi

lời miệng ĐỨC CHÚA phán ra” (Đnl 8,3). Thế nhưng, niềm tin vào Lời Chúa luôn là một thách đố đối với dân Chúa. Suốt dòng lịch sử, Ítraen thường bỏ quên, không tuân giữ Lời Chúa (x. Gr 22,9).

✓ Đến lượt mình, các Kitô hữu cũng xác tín mạnh mẽ vào Lời của Thiên Chúa. Với Kitô hữu, Đức Giêsu Kitô chính là Lời Thiên Chúa, Lời mặc lấy xác phàm (x. Ga 1,14). Các Kitô hữu cũng mượn lời của vị tông đồ trưởng Phêrô để thưa với Đức Giêsu: “Bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời” (Ga 6,68). Nghĩa là về căn bản, các tín hữu xác tín Lời Chúa là lẽ sống của đời mình.

Tuy nhiên, Kitô hữu thời này cũng không khác gì Ítraen xưa: người ta thích nghe về phép lạ hơn nghe Lời Chúa; người ta bận tâm nhiều đến hình thức bên ngoài hơn là giá trị nội dung; bị mê hoặc bởi những mỹ từ hơn. Có lẽ ở đây nên nhắc đến câu ngạn ngữ Latin: “Đủ hùng biện nhưng thiếu khôn ngoan” (Satis eloquentiae, sapientiae parum).

✓ Thách đố của việc loan báo Lời Chúa là chuyện của dân Chúa qua mọi thời, và thị hiếu của

con người mọi thời vẫn là thích phép lạ và diễn từ, chính thánh Phaolô đã có kinh nghiệm này: “Trong khi người Do Thái đòi hỏi những điềm thiêng dấu lạ, còn người Hy Lạp tìm kiếm lẽ khôn ngoan, còn chúng tôi, chúng tôi rao giảng Đức Kitô bị đóng đinh” (1Cr 1,22). Thay vì chạy theo thị hiếu của người nghe, thánh Phaolô vẫn một mực rao giảng về Thập Giá, cho dù đó là điều mà người Do Thái cho là sỉ nhục, và người Hy Lạp cho là điên rồ.

✓ Khi Đức Giêsu làm phép lạ hóa bánh ra nhiều, cả mấy ngàn người theo, nhưng khi Ngài nói về Lời Hằng Sống, thì dân chúng bỏ đi hết vì họ cảm thấy “chối tai”, cả các môn đệ cũng bỏ đi, chỉ còn nhóm Mười Hai (Ga 6,60-71). Với người rao giảng Lời Chúa, khi thành quả nhận được không là gì so với công sức mình bỏ ra, những lúc đó, họ đang được mời gọi bước trên con đường Thập Giá của Đức Giêsu xưa, và họ được mời gọi sống kinh nghiệm của Thầy Giêsu khi tất cả bỏ Ngài mà đi vì Lời của Ngài làm “chối tai” người nghe. Những người thực sự lắng nghe lời Chúa thường là số ít, ‘Số Sót’, là “những người nghèo của Thiên Chúa”.

6. Như Adam xưa, con người mọi thời thích nghe lời thụ tạo hơn lời Thiên Chúa

✓ Sở dĩ người rao giảng Lời Chúa bị cám dỗ tìm những câu chuyện, những triết thuyết thay cho việc giảng Lời Chúa, là vì người ta đặt Lời Chúa ngang hàng với những triết thuyết mang tính nhân văn, những câu chuyện mang tính xây dựng, mà quên rằng Lời Chúa là Lời Thần Khí mang đến sự sống. Chẳng hạn, Lời Chúa dạy về sự tha thứ. Có nhiều câu chuyện về sự tha thứ. Nhưng với lời dạy của Đức Giêsu phải tha thứ đến bảy mươi lần bảy, người Kitô hữu khiêm tốn nhìn nhận rằng có những tổn thương mình đã chịu quá lớn, vượt cả sức chịu đựng, và lòng khoan dung của mình. Họ khiêm tốn xin Chúa cho mình đủ sức chấp nhận chết đi chính mình để có thể học biết thế nào là tha thứ. Chỉ với ơn Chúa họ mới có thể tha thứ. Đồng thời, lời dạy về sự tha thứ của Đức Giêsu đưa người tin đến dưới chân Thập Giá, và mở lòng đón nhận ơn tha thứ từ Thiên Chúa để được hưởng sự sống đời đời. Vượt trên những diễn tự về nghệ thuật sống, về huấn giáo luân lý hay đạo đức, Lời Chúa đưa

con người đến cuộc gặp gỡ cá vị với chính Đấng Ban Lời Hằng Sống.

Các phương thế trần thế có thể giúp giải tỏa phần nào bế tắc cuộc sống trần thế của con người, nhưng nếu không cảnh tỉnh, thì con người có thể rơi vào mê lầm khi đi tìm cứu cánh đời mình bên ngoài Lời Chúa. Xưa Adam Evà đã mê lầm khi nghĩ rằng có thể tìm thấy hạnh phúc nhờ lời của thụ tạo là con rắn thay vì tìm đến Lời Chúa!

VŨ TRỤ TỐT ĐẸP - MỖI THỤ TẠO LÀ TUYỆT TÁC CỦA THIÊN CHÚA

I. Vũ trụ tốt đẹp trong cái nhìn của Thiên Chúa

1. Cái nhìn đức tin về vũ trụ khác với cái nhìn của dân ngoại

Các nước xung quanh Ítraen cũng có những huyền thoại về tạo dựng. Huyền thoại Babylon, trong tác phẩm mang tên *Enouma Elish* (nghĩa là “Xưa kia ở trên cao”), thuật rằng: Lúc khởi đầu chỉ có thần nước ngọt là Apsou và thần nước mặn là Tiamat. Từ hai vị thần này mà các thần minh khác được sinh ra. Nhưng các vị thần con đã nổi loạn và giết chết Apsou. Để trả thù cho chồng, thần Tiamat đã giáng phạt các thần con. Các thần con đã cử thần Marduk (vị thần của Babylon), chống lại

mẫu thần Tiamat. Marduk đã giao chiến kịch liệt và đã giết chết mẫu thần Tiamat. Sau khi giết mẫu thần, Marduk chẻ xác mẫu thần làm đôi như hai chiếc vỏ sò rồi căng nó lên làm bầu trời. Tiếp đến, Marduk lấy máu của vị thần bị giết này trộn với bùn và nặn ra con người¹⁴.

Trong khi huyền thoại Babylon cho thấy vũ trụ được dựng nên từ bạo lực, nó là kết quả của một cuộc giao chiến đẫm máu giữa các thần minh, thì với mạc khải Kinh Thánh, vũ trụ được dựng nên bởi Lời dịu dàng của Thiên Chúa. Sau mỗi lần có thụ tạo mới xuất hiện, Kinh Thánh miêu tả sự hài lòng của Thiên Chúa về các thụ tạo của Ngài qua điệp khúc: “Người thấy thế là tốt đẹp” (St 1,4.10.12.18.21.25.31). Vũ trụ tốt đẹp là bằng chứng về sự tốt lành của Thiên Chúa.

✓ Là hình ảnh của Thiên Chúa và được Thiên Chúa trao quyền coi sóc vũ trụ tạo thành, con người cũng được mời gọi mang lấy cái nhìn lạc quan về vũ trụ và biết chiêm ngưỡng vẻ đẹp của

¹⁴ Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, p. 163.

thiên nhiên. Về điều này, Thánh vịnh sẽ là trường dạy, Thánh vịnh gia viết: “Ngắm tầng trời tay Chúa tạo dựng, muôn trăng sao Chúa đã an bài, thì con người là chi, mà Chúa cần nhớ đến, phàm nhân là gì, mà Chúa phải bận tâm?” (Tv 8,4-5).

Với Kinh Thánh, chiêm ngưỡng thiên nhiên không dừng lại ở những cảm xúc thi vị hay lãng mạn mộng mơ, nhưng là cái nhìn của đức tin. Chiêm ngưỡng thiên nhiên đưa con người đến phản tỉnh với những câu hỏi căn bản về thân phận con người: Trong vũ trụ này, tôi là gì? Vũ trụ và tôi từ đâu mà đến và sẽ đi về đâu? Những câu hỏi căn bản này hướng con người về cội nguồn vĩnh cửu là Thiên Chúa, đồng thời đưa con người trở về với trách nhiệm Chúa trao là làm chủ vũ trụ.

✓ Để có tâm hồn chiêm niệm qua thiên nhiên, có lẽ lời của Hàn Mạc Tử giúp hiểu phần nào sự cần thiết của thính lặng cả bên ngoài lẫn nội tâm: “Ai hãy lặng thính chớ nói nhiều, để nghe dưới đáy nước hồ reo, để nghe tơ liễu run trong gió, và để xem trời giải nghĩa yêu”¹⁵.

¹⁵ Hàn Mạc Tử, *Đà Lạt Trăng Mơ*.

2. Thế giới chúng ta đang sống có tốt đẹp như Sách Thánh nói chăng!

✓ Khi tuyên xưng rằng vũ trụ tràn ngập sự tốt lành của Thiên Chúa, tác giả Kinh Thánh không hề ảo tưởng về thế giới hiện tại đầy những sự dữ. Nhưng lời tuyên xưng vũ trụ được Thiên Chúa dựng nên là tốt đẹp, cho phép hiểu rằng sự dữ không nằm trong chương trình tạo dựng của Thiên Chúa, sự dữ không hề là tiếng nói cuối cùng, sự dữ không toàn năng. Bởi lẽ chính Thiên Chúa làm chủ và vận hành vũ trụ này, và tình yêu của Thiên Chúa lớn hơn sức mạnh của sự dữ. Về điều này, Ítraen đã có kinh nghiệm. Lưu đày Babylon là giai đoạn đen tối nhất trong lịch sử dân Chúa. Tất cả dường như không còn gì để hy vọng cho Ítraen. Ngôn sứ Êdêkien đã dùng hình ảnh bộ xương khô để nói về sự tuyệt vọng của dân Chúa: “Bấy giờ, Người phán với tôi: Hỡi con người, các xương đó chính là toàn thể nhà Ítraen. Nay chúng vẫn nói: “Xương cốt chúng tôi đã khô, hy vọng của chúng tôi đã tiêu tan, chúng tôi đã rời đời!” (Ed 37,11). Nhưng rồi Ítraen đã chứng kiến sự can thiệp của Thiên Chúa, ứng nghiệm lời các ngôn sứ đã loan báo: họ được

trở về quê hương. Ítraen mừng đến nỗi không dám tin đó là sự thật: “Khi CHÚA dẫn tù nhân Xion trở về, ta tưởng mình như giữa giấc mơ” (Tv 126,1).

✓ Với sự Phục Sinh của Đức Giêsu, từ nay, không những sự dữ mà cả cái chết cũng không còn là tiếng nói cuối cùng. Thư Hípri miêu tả về việc Chúa Cha can thiệp để cứu Đức Giêsu như sau: “Khi còn sống kiếp phàm nhân, Đức Giêsu đã lớn tiếng kêu van khóc lóc mà dâng lời khẩn nguyện nài xin lên Đấng có quyền năng cứu Người khỏi chết. Người đã được nhận lời vì có lòng tôn kính” (Hr 5,7). Thư Hípri nói rõ là Đức Giêsu nài xin Chúa Cha cứu mình khỏi chết, và Chúa Cha nhận lời. Vậy mà Đức Giêsu đã chết nhục nhằn trên Thập Giá! Điều mà Chúa Cha đã cứu Đức Giêsu không phải là thoát khỏi cái chết trên Thập Giá, nhưng là sự Phục Sinh của Đức Giêsu. Thiên Chúa đã ra tay, Ngài ra tay khi dường như đã quá muộn, khi tất cả không còn gì để hy vọng. Thiên Chúa ra tay không theo cách chúng ta chờ, nhưng vượt trên những gì chúng ta có thể nghĩ tới.

✓ Vũ trụ được Thiên Chúa dựng nên là tốt đẹp, và sự dữ không nằm trong chương trình tạo

dựng của Thiên Chúa; vậy nếu con người gây ra sự dữ, gây đau khổ cho đồng loại, là con người đang chống lại dự định tốt đẹp về công trình tạo dựng của Thiên Chúa.

II. Đa dạng và khác biệt là quà tặng của Thiên Chúa

1. Sự khác biệt nằm trong chương trình tạo dựng

✓ Ý tưởng về sự phân tách, phân loại được nhắc đến nhiều lần trong St 1 qua những kiểu nói khác nhau: Ngài **tách** ánh sáng và bóng tối, (x. St 1,4); **phân rẽ** nước với nước (x. St 1,6); Chúa dựng nên mọi cây có hạt giống **theo loài** (x. St 1,11.12); sinh vật **tùy theo loại** (x. St 1,21.24.25). Với cách diễn tả này, có thể thấy, mỗi thụ tạo chỉ thực sự hiện hữu khi nó được phân biệt với những thứ khác. Sự khác biệt làm nên sự hiện hữu của một thụ tạo, sự khác biệt làm nên giá trị riêng của mỗi thụ tạo.

Thánh vịnh gia đã ca tụng Thiên Chúa về sự đa dạng của các thụ tạo như sau:

“Công trình Ngài, lạ CHÚA,
quả thiên hình vạn trạng!
Chúa hoàn thành tất cả thật khôn ngoan,
những loài Chúa dựng nên lan tràn mặt đất.
Này đại dương bát ngát mênh mông,
nơi muôn vạn sinh vật to lẫn nhỏ vẫy vùng.”

(Tv 104,24-25).

✓ Sự khác biệt giữa các thụ tạo nằm trong chương trình tạo dựng của Thiên Chúa. Các thụ tạo khác nhau phô diễn sự phong phú đa dạng về công trình tạo dựng của Thiên Chúa. Thế giới mà Thiên Chúa tạo dựng, loài nhỏ bé cũng được sống trong hạnh phúc viên mãn như loài to lớn. Một thế giới xa lạ với lối sống mạnh được yếu thua. Mỗi loài nhìn nhận và tôn trọng lãnh thổ của loài kia, và chấp nhận ranh giới của mình (về điều này, Việt Nam có bài thơ của Lý Thường Kiệt)¹⁶. Thế giới đó chỉ được duy trì khi mỗi thụ tạo từ bỏ tham vọng

¹⁶ Dân Việt có bài thơ của Lý Thường Kiệt:
Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

thống trị thụ tạo khác, và nhìn nhận chỉ mình Thiên Chúa là chủ tể, chỉ mình Người là Đấng sáng tạo.

2. Tôn trọng sự khác biệt của nhau là nhìn nhận giá trị của công trình tạo dựng

Trong khi Sách Thánh nhấn mạnh đến sự khác biệt, thì con người thường thiếu tôn trọng sự khác biệt của nhau, và Ítraen đã có kinh nghiệm này.

✓ Sách Ester thuật lại lời đối đáp giữa quan Haman với vua Asuero, trong đó dân Chúa bị khinh ghét vì bị cho là lập dị, Sách Thánh viết: “Trong khắp các miền thuộc vương quốc của đức vua, có một dân sống tản mác, rải rác đó đây giữa các dân. Luật lệ của chúng **không giống như luật lệ của bất cứ dân nào khác** (...). Nếu đẹp lòng đức vua, thì xin đức vua cho viết sắc lệnh tru diệt chúng” (Et 3,8-9). Đáp lại vua Asuero nói: “VẬY, ta khẳng định rằng đây là **lũ dân lập dị**, luôn chống đối mọi người, có **nếp sống khác biệt** vì tuân hành thứ luật pháp xa lạ, phạm những tội ác tày trời chống lại quyền lợi của ta, với ý đồ gây bất ổn cho vương quốc” (Et 3,13đ).

✓ Vì sự khác biệt giữa các thụ tạo nằm trong chương trình tạo dựng của Thiên Chúa, nên khi người ta lấy mình làm mẫu, hoặc đòi người khác giống như khuôn mẫu mình đặt ra là con người rơi vào tham vọng thay quyền Chúa; và đó cũng là một hình thức của tà thần. Trong bài giảng tại buổi lễ khai mạc triều đại giáo hoàng của mình, ở quảng trường thánh Phêrô, Đức Bênêdictô XVI đã nói: “Có bao nhiêu con người, có bấy nhiêu con đường nên thánh”¹⁷.

♦ Không Tử có câu “*Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa*”. Người quân tử tôn trọng sự khác biệt, quan tâm đến sự hiệp nhất bên trong hơn là tìm sự đồng bộ bên ngoài. Còn tiểu nhân thì “*Đồng nhi bất hòa*”, tìm sự đơn nhất, và bài xích những gì khác với mình, tiêu diệt những gì khác biệt với mình.

Về việc tôn trọng sự khác biệt và đa dạng, lời khuyên của thánh Augustino rất thiết thực: “Hiệp

¹⁷ Messe inaugurale du Pontificat du Pape Benoit XVI, Homélie de sa sainteté Benoit XVI, Place Saint-Pierre, Dimanche 24 avril 2005.

nhất trong vấn đề cốt yếu, tự do trong vấn đề phụ thuộc và bác ái trong tất cả”¹⁸. Một cộng đồng càng tôn trọng sự sống sẽ càng khiêm tốn tránh đưa ra nhưng quy định chi li, nếu không muốn trở thành độc tài độc đoán, áp đặt quan điểm cá nhân, quan điểm của một nhóm lên một tập thể.

✓ Chấp nhận khác biệt cũng có nghĩa là nhìn nhận thế giới này có chỗ cho cả những người mình không thích. Chấp nhận sự khác biệt của nhau là chấp nhận cả giới hạn của bản thân mình, và nhìn nhận mình có giá trị với những ân huệ riêng của mình. Và với người tin, việc nhìn nhận và tôn trọng sự khác biệt của người khác là hành vi đức tin.

oOo

¹⁸ "Unité pour l'essentiel, liberté pour le non-essentiel, charité en tout." St. Augustine.

“CON NGƯỜI LÀ HÌNH ẢNH THIÊN CHÚA”, NGHĨA LÀ GÌ?

1. “Chúng ta hãy làm ra con người”, từ “chúng ta” nghĩa là gì?

Để tạo dựng muôn loài, Thiên Chúa phán “Hãy có”, chúng liền có theo như ý định của Ngài. Với việc dựng nên con người, Thiên Chúa có sự bàn bạc suy tính: “Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh của chúng ta” (St 1,26). Vậy Thiên Chúa bàn bạc với ai? Từ “chúng ta” ở đây là ai?

Nhiều nơi trong Cựu Ước, từ Thiên Chúa (אֱלֹהִים/ Elohim) vẫn thường được dùng ở số nhiều, tuy nhiên động từ luôn ở số ít; chẳng hạn St 1,1: “Thiên Chúa sáng tạo trời đất”; động từ sáng tạo/ tạo dựng (בָּרָא) ở số ít. Còn ở đây, St 1,26, từ

“Thiên Chúa” ở số nhiều, và động từ “làm ra” (עָשָׂה) cũng được chia ở số nhiều!

✓ Nếu hiểu từ “chúng ta” là Thiên Chúa nói với chính mình thì không phù hợp với niềm tin vào một Thiên Chúa độc nhất của Do Thái giáo; bởi vì Thiên Chúa độc nhất, chỉ có một, làm sao có thể nói với chính mình là “chúng ta”. Nếu hiểu từ “chúng ta” trong mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi, thì đây là cái nhìn của Kitô giáo, điều này thuộc vào thời Tân Ước. Còn bản văn Sáng Thế thuộc vào thời Cựu Ước, nằm trong bối cảnh độc thần của Do Thái giáo. Nếu hiểu từ “chúng ta” là Thiên Chúa ngỏ lời với các thụ tạo thượng giới, thì không phù hợp, bởi con người không thể vừa là hình ảnh của Thiên Chúa vừa là hình ảnh của các thụ tạo thượng giới. Mặt khác, câu tiếp theo cũng khẳng định rõ con người là hình ảnh của một mình Thiên Chúa: “Thiên Chúa tạo dựng con người **theo hình ảnh mình**” (St 1,27). Các nhà chú giải tốn nhiều công sức nhưng vẫn chưa có câu trả lời thích đáng.

✓ Tuy nhiên, những tranh luận trên không thực sự ảnh hưởng đến việc tìm hiểu ý nghĩa bản văn Kinh Thánh. Bởi lẽ trong bản văn Kinh Thánh,

ý tưởng con người là hình ảnh Thiên Chúa rất rõ ràng và được nhấn mạnh: “Thiên Chúa tạo dựng con người **theo hình ảnh mình**, Thiên Chúa tạo dựng con người **theo hình ảnh Thiên Chúa**, Thiên Chúa tạo dựng con người có nam có nữ” (St 1,27).

2. Con người là hình ảnh của Thiên Chúa, hệ tại ở điều gì?

Kinh Thánh nhiều lần cho biết Thiên Chúa vô hình (x. Cl 1,15; Hr 11,27), vì thế khi nói con người là hình ảnh Thiên Chúa, Kinh Thánh muốn nói về phẩm giá cao cả của con người. Một số nhà chú giải từng nghĩ, là hình ảnh Thiên Chúa, con người được phú bẩm khả năng về lý trí và ý chí. Nhưng nếu nhấn mạnh đến lý trí, người ta sẽ gặp khó khăn khi nói về những người thiếu năng trí tuệ, bởi vì không thể nói người kém lý trí là kém phẩm giá. Khi nói con người là hình ảnh Thiên Chúa, hẳn Kinh Thánh không nhắm đến một phần nào trong thân thể con người, nhưng muốn nói đến con người trong tổng thể của nó¹⁹.

¹⁹ *The New Interpreter's Bible (12 vols), vol I.* Nashvill: Abingdon Press, 1994, p. 354.

3. Nam – nữ là hình ảnh Thiên Chúa, điều này có ý nghĩa gì?

Việc tạo dựng con người được miêu tả như sau: “Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ” (St 1,27). Mặc khải rất rõ ràng: nam cũng như nữ cả hai đều là hình ảnh của Thiên Chúa, đây chính là lời khẳng định về sự bình đẳng nam nữ. Trong bối cảnh thời Cựu Ước, thời mà nào trọng trọng nam khinh nữ rất lớn, thì Kinh Thánh đã mặc khải về sự bình đẳng nam nữ. Phẩm giá con người không lệ thuộc vào giới tính, bởi vì chính hình ảnh Thiên Chúa nơi con người làm nên phẩm giá cao cả của con người. Với Kitô hữu, nào trọng trọng nam khinh nữ không đơn thuần là tư tưởng lạc hậu, mà còn là hành vi phản đức tin. Tuy nhiên cần phân biệt, bình đẳng không có nghĩa là mọi thứ đều như nhau.

✓ Kiểu nói “nam - nữ” còn nhằm nói đến tổng thể nhân loại, là tất cả mọi người. Tất cả mọi người đều bình đẳng trước mặt Chúa, vì phẩm giá con người không lệ thuộc vào giới tính, màu da, chủng

tộc, tiền tài, địa vị. Nếu người ta phân đẳng cấp dựa trên địa vị tiền tài, danh vọng, thì e rằng người ta đang hạ thấp phẩm giá của con người xuống hàng vật chất; và thang giá trị vật chất thì thay đổi bất thường theo thời gian (dân gian Việt Nam có câu: “Nhất sĩ nhì nông; hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ”).

✓ Nam - nữ là hình ảnh Thiên Chúa, điều này còn có nghĩa là mọi người được mời gọi khám phá hồng ân về giới tính của mình; mỗi người hạnh phúc trong sự viên mãn về giới tính của mình, đồng thời nhìn nhận giá trị giới tính của phái kia (những người chuyển giới có thể làm chúng ta suy nghĩ vì...)²⁰.

✓ Vì là hình ảnh của Thiên Chúa, nên con cái không phải là món hàng để bậc làm cha làm mẹ tìm cách cho ra đời một đứa con theo “đơn đặt hàng”, theo cách “tuyển giống” hay “chọn giới”. Con cái

²⁰ Việc người chuyển giới tính có thể cho thấy: người chuyển giới từ nam qua nữ cho thấy giới nữ tuyệt vời đến mức nào; ngược lại người chuyển giới sang nam cho thấy giới nam thật sự đáng mong ước. Và chúng ta có lý để tạ ơn Chúa về hạnh phúc giới tính là nam hay là nữ của chính mình.

là ân huệ của Thiên Chúa, cha mẹ không có quyền trên sự sống con cái một cách độc đoán, dù khi đứa trẻ còn là bào thai, chỉ mình Thiên Chúa là chủ sự sống trên con người.

4. Tình yêu Thiên Chúa và phẩm giá con người

Sách Thánh cho biết, Thiên Chúa trao cho con người quyền làm chủ vũ trụ, cũng như lương thực nuôi sống hằng ngày: “Thiên Chúa phán với họ: ‘Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất.’ Thiên Chúa phán: ‘Đây Ta ban cho các ngươi mọi thứ cỏ mang hạt giống trên khắp mặt đất, và mọi thứ cây có trái mang hạt giống, để làm lương thực cho các ngươi’” (St 1,28-29). Qua đây, Sách Thánh mạc khải một sự thật về thân phận con người: con người vừa cao cả vừa thấp hèn. Cao cả vì giữa các loại thụ tạo trên trái đất, chỉ có con người là hình ảnh Thiên Chúa, và con người được trao quyền cai trị trái đất. Tuy nhiên, con người chỉ là một thụ tạo, và cần lương thực Chúa ban để duy trì sự sống hằng ngày.

Sự cao cả của con người từ Chúa mà đến, do ân huệ Thiên Chúa ban.

✓ Đọc theo Kinh Thánh, phẩm giá cao cả của con người tiếp tục được khẳng định. Bởi lẽ, suốt dọc Kinh Thánh nói về tình yêu Thiên Chúa dành cho con người, và tình yêu của Thiên Chúa là bằng chứng cho thấy con người rất quý, con người vô giá trước mặt Thiên Chúa. Người đọc Kinh Thánh được mời gọi xác tín tình yêu Chúa dành riêng cho mỗi chúng ta qua những trang Kinh Thánh, chẳng hạn hãy nghe Lời Chúa phán qua ngôn sứ Isaia là ngỏ riêng với mỗi người: “Vì trước mắt Ta, người thật quý giá, vốn được Ta trân trọng và mến thương” (Is 43,4).

✓ Đức Giêsu, Con Thiên Chúa làm người, khẳng định rõ ràng hơn phẩm giá cao cả của con người. Ngài đổ máu mình để cứu con người, chúng ta là giá máu của Con Thiên Chúa. Ngài cho thấy con người là đối tượng tình yêu vô biên của Thiên Chúa: “Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một” (Ga 3,16). Qua hình ảnh người mục tử đi tìm con chiên lạc trong Tin Mừng Luca (x. Lc 15),

Đức Giêsu cho thấy, đối với Thiên Chúa, mỗi chúng ta là vô giá, là duy nhất, và không thể thay thế.

5. Hình ảnh Thiên Chúa và đời sống nhân bản

✓ Niềm tin về phẩm giá cao cả của con người không phải là một mớ tin điều để học thuộc, nhưng nó tác động đến đời sống nhân bản, nghĩa là tác động đến căn tính của con người. Những cử chỉ thuộc phạm vi nhân bản sẽ được các Kitô hữu thực hành với cái nhìn đức tin.

✓ Chẳng hạn, nhân bản dạy, trong giao tiếp tránh tỏ ra xu nịnh, dung tục hay khúm núm, vì như thế là hạ thấp nhân cách của mình, chuốc lấy sự khinh bỉ coi thường từ người kia²¹. Đối với Kitô hữu, việc tránh tỏ ra khúm núm, xu nịnh, dung tục không đơn thuần vì chúng ta sợ bị người khác coi thường; nhưng chúng ta có lòng tự trọng, vì chúng ta là hình ảnh của Thiên Chúa.

✓ Những cử chỉ nhân bản sơ đẳng nhưng lại rất căn bản như cúi đầu trang trọng khi gặp đám tang khiêng linh cữu đi qua, với Kitô hữu, đây

²¹ Trần Nhiên – Tô Tần, *Đạo làm người*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr. 27.

không đơn thuần là phép lịch sự, nhưng là sự biểu lộ niềm tin: tôn trọng một con người, người đó đã hoàn tất hành trình dương thế để về thế giới linh thiêng bên kia cái chết.

✓ Mang trong mình hình ảnh của Thiên Chúa, con người được phú bẩm trực giác nhận biết những điều cốt lõi liên quan đến nhân bản như đức tính thật thà, trung tín, hoặc xấu hổ về những gì liên quan đến tình dục. Những người tài giỏi, giàu sang, có kiến thức, có địa vị, không hẳn luôn luôn hành xử một cách nhân bản hơn những người bình dân chân chính.

6. Kiểu nói “hình ảnh Thiên Chúa” trong bối cảnh văn hóa Trung Đông

✓ Đối với dân vùng Trung Đông, chỉ mình vua mới được gọi là hình ảnh Thiên Chúa. Tài liệu Ai Cập cho biết, các vua Pharaon được gọi là “hình ảnh Thiên Chúa” theo nghĩa Pharaon phản chiếu ý muốn của Thiên Chúa đối với dân²². Vua được

²² *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 56.

coi như là thần minh, ngoài vua, không ai được coi là hình ảnh của Thiên Chúa.

Khi đặt vào bối cảnh văn hóa Trung Đông, kiểu nói của Kinh Thánh “con người là hình ảnh Thiên Chúa” bao hàm cuộc bút chiến chống lại việc thần thánh hóa các vua chúa.

✓ Trong khi dân ngoại coi vua chúa là thần minh, thì Kinh Thánh khẳng định mọi người đều bình đẳng, vì mọi người đều là hình ảnh Thiên Chúa. Vua cũng là một con người như bao người khác, cũng chỉ là thụ tạo giữa các thụ tạo của Thiên Chúa. Việc tôn sùng vua hay bất cứ người phạm nào như một thần minh, đó là tội tà thần, tội thần thánh hóa con người. Con người chỉ tôn thờ một Thiên Chúa duy nhất.

7. Tội thần thánh hóa con người của thời nay

Chuyện thần thánh hóa vua chúa, thần thánh hóa con người không phải là chuyện của quá khứ nhưng là căn bệnh của con người thuộc mọi thời.

✓ Người trẻ thời nay biểu lộ sự ngưỡng mộ những người họ hâm mộ một cách cuồng nhiệt,

lệch lạc. Họ gọi người mình hâm mộ là Idol, thần tượng. Ngay cách gọi đã mặc nhiên cho thấy tính tà thần của nó. Cũng vậy, trào lưu người trẻ thời nay thích tạo ra sự lãng mạn qua việc quỳ gối để cầu hôn. Về điều này, người trẻ Công giáo cần học để phân biệt về những cử chỉ thuộc lãnh vực tín ngưỡng, một số cử chỉ không thể dành tặng cho con người, vì trên hết phải là Thiên Chúa. Họ cũng cần được dạy cho biết: tình yêu không đặt trên nền tảng đức tin, không có điểm quy hướng về cõi vĩnh hằng, sẽ có nguy cơ làm môi cho nhục dục và duy vật, và hậu quả nguy cơ đổ vỡ hôn nhân ngày một tăng.

✓ Một thời trong Giáo Hội, người ta gán cho việc quỳ gối trước các bệ trên trong Giáo Hội là một nhân đức khiêm nhường. Việc làm trên ẩn chứa mầm mống tội thần thánh hóa con người, Đức Gioan XXIII đã từ chối cử chỉ này và ngài nói một câu đầy tính ngôn sứ: “Người ta chỉ quỳ gối để cầu nguyện”²³.

²³ Marco Politi, *Cuộc cách mạng của Giáo Hoàng Phanxicô – Francesco Tra I Lupi*, Paris, 2015; người dịch Giuse Ngô Gia Biên, OP, tr. 102-103.

✓ Người ta còn đồng hóa ý bề trên là ý Chúa một cách đương nhiên. Đây là một sự mê lầm vì bao hàm sự thần thánh hóa con người qua việc đồng hóa ý con người là ý Chúa. Trong khi sự vâng phục trưởng thành trong đức tin đòi một sự biện phân và tìm ý Chúa.

8. Thần thánh hóa con người trong việc tông đồ

✓ Sách Công Vụ Tông Đồ đã để lại một bằng chứng về khuynh hướng thần thánh hóa người làm công việc tông đồ, qua câu chuyện của ông Phaolô và Barnaba ở thành Lystra: chứng kiến phép lạ Phaolô chữa lành người bại liệt, thay vì nghe theo lời rao giảng của Phaolô để tin vào Thiên Chúa hằng sống, dân thành coi hai ông là thần minh, và mang cả lễ vật để tế lễ hai ông. Vất vả lắm hai ông mới ngăn cản được họ tế lễ cho hai ông (x. Cv 14,8-18).

Trong công việc tông đồ, người ta có thể lợi dụng sự cả tin của người thiếu hiểu biết để họ coi mình là thần tượng.

Tội thần thánh hóa người khác hay để người khác thần thánh hóa mình đều là tội tà thần, nó làm con người bị vong thân (nghĩa là đánh mất chính mình về mặt đạo đức và nhân cách). Người thần thánh hóa người khác là đánh mất phẩm giá cao cả của mình, quên mất mình cũng là hình ảnh Thiên Chúa; kẻ để cho người khác thần thánh hóa mình cũng là vong thân, vì quên mất mình chỉ là thụ tạo, và mọi vinh quang đều phải quy về Thiên Chúa.

✓ Việc thần tượng những người làm tông đồ cũng như gắn kết một cách thái quá với những linh đạo của một vị thánh nào đó có thể gây nguy hại cho Giáo Hội, và Đức Phanxicô gọi đó là **Bệnh những nhóm khép kín**, trong đó sự thuộc về một nhóm nhỏ trở nên mạnh hơn thuộc về cả thân mình và trong một số trường hợp, mạnh hơn thuộc về chính Chúa Kitô²⁴. Đây chính là một hình thức của tội tà thần.

²⁴ Căn bệnh thứ mười bốn trong 15 căn bệnh của giáo triều Rôma mà Đức Phanxicô đề cập đến vào ngày 22/12/2014.

9. Sách Thánh cấm ăn thịt động vật chẳng?

✓ Khi nói về lương thực cho con người, St 1,29 chỉ nói đến cây cỏ, không hề nói đến việc con người được ăn thịt: “Thiên Chúa phán: Đây Ta ban cho các ngươi mọi thứ cỏ mang hạt giống trên khắp mặt đất, và mọi thứ cây có trái mang hạt giống, để làm lương thực cho các ngươi”. Phải chăng ở St 1,29, mặc Khải Kinh Thánh cấm con người ăn thịt động vật?

Thật ra St 1,29 không diễn tả như một luật cấm ăn thịt động vật. Mặt khác những chỗ khác trong Kinh Thánh nói về việc Ítraen được phép ăn thịt, chẳng hạn lễ vượt qua, họ sẽ giết chiên để ăn thịt theo lời Chúa dạy (x. Xh 12). Trình thuật về thời ông Noê còn cho biết, sau lụt Hồng Thủy, Thiên Chúa cho phép con người ăn thịt: “Mọi loài di động và có sự sống sẽ là lương thực cho các ngươi; Ta ban cho các ngươi tất cả những thứ đó, cũng như đã ban cỏ xanh tươi” (St 9,3)²⁵.

²⁵ *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, Gn 1,29.

✓ Sáng Thế chương một không diễn tả lệnh cấm ăn thịt động vật. Tuy nhiên, Sách Thánh cho thấy thời hồng hoang của công trình tạo dựng là một viễn tượng đáng mong chờ của nhân loại, trong đó người và vật sống chan hòa trong yên bình, thịnh vượng, không xem nhau là miếng mồi để đoạt mạng nhau. Nếu thú và người không còn là đối thủ của nhau trong cuộc chiến sinh tồn, thì người với người càng không thể là đối thủ của nhau.

✓ Với Kinh Thánh, giấc mơ về cuộc sống bình yên chan hòa giữa muôn loài thụ tạo không phải là chuyện đã qua của thời hồng hoang, mà là thời sẽ đến, thời đại Mêsia mà Isaia loan báo: “Bây giờ sói sẽ ở với chiên con, beo nằm bên dê nhỏ. Bò tơ và sư tử non được nuôi chung với nhau, một cậu bé sẽ chăn dắt chúng. Bò cái kết thân cùng gấu cái, con của chúng nằm chung một chỗ, sư tử cũng ăn rơm như bò. Bé thơ còn đang bú giỡn chơi bên hang rắn lục, trẻ thơ vừa cai sữa thọc tay vào ổ rắn hổ mang.” (Is 11,6-8).

✓ Với Tin Mừng Marco, Đức Giêsu Con Thiên Chúa sẽ hoàn tất lời hứa về thời Mêsia yên bình đó

qua hình ảnh Ngài vào sa mạc chịu Xatan cám dỗ, và sống bình yên giữa loài dã thú: “Thần Khí liền đẩy Người vào hoang địa. Người ở trong hoang địa bốn mươi ngày, chịu Xatan cám dỗ, sống giữa loài dã thú, và có các thiên sứ hầu hạ Người” (Mc 1,12).

oOo

CON NGƯỜI ĐƯỢC TRAO QUYỀN LÀM CHỦ VŨ TRỤ, CÓ THẬT VẬY KHÔNG?

1. Con người được trao quyền làm chủ toàn vũ trụ hay chỉ một phần?

Chúng ta quen nghe nói con người được Thiên Chúa trao quyền làm bá chủ công trình Thiên Chúa tạo dựng. Tuy nhiên, không hẳn như vậy. Sách Thánh không nói gì đến việc con người làm chủ những gì bên ngoài trái đất, không nói đến việc con người làm chủ các hành tinh; trái lại Sách Thánh chỉ nói đến việc con người làm chủ những gì thuộc về trái đất, Sách Thánh diễn tả lời Thiên Chúa phán với con người như sau: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất.

Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất” (St 1,28).

✓ Vào thời mà trình thuật tạo dựng ở sách Sáng Thế được viết ra, hẳn người ta chưa hình dung nổi một ngày kia con người có thể đặt chân lên mặt trăng, và có thể khám phá những gì bên ngoài trái đất. Tuy nhiên, qua chi tiết con người chỉ làm chủ những gì trên trái đất, chúng ta có thể đọc thấy ở đây thông điệp về sự giới hạn quyền làm chủ của con người. Con người phải học để chấp nhận sự thật này: con người không toàn năng, khả năng của con người có giới hạn; có những điều vượt ngoài tầm kiểm soát của con người.

***Khi con người tưởng mình là thần,
không biết giới hạn...***

Khoa học ngày càng có những bước tiến bộ vượt bậc trong việc chinh phục thiên nhiên, có cường quốc nổi danh vì có thể “bắt núi cúi đầu, bắt sông dờn chỗi”, con người thành công tạo ra mưa, không thua gì những vị thần mình có khả năng hô mây gọi gió. Nhưng người ta cũng nhận ra thiên nhiên đang nổi loạn, mà nguyên nhân

phần lớn là do sự can thiệp thô bạo của con người vào thiên nhiên.

✓ Ý thức về sự giới hạn của một loại thụ tạo, con người sẽ biết thận trọng và tôn trọng thiên nhiên, tránh can thiệp vào thiên nhiên một cách thô bạo gây nên những hậu quả vượt tầm kiểm soát, và có hại đến môi trường sống. Vũ trụ này không phải của riêng một ai, nhưng là quà tặng của Đấng Sáng Tạo dành cho cả nhân loại.

2. Làm chủ muôn thú, trước hết con người phải học biết làm chủ thú tính nơi mình

✓ Khi nói về quyền làm chủ của con người trên loài vật, Cha Paul Beauchamp đã có những lời như sau: con người ngày nay lên tới tận cung trăng, con người ngày càng xích gần với thiên thể, làm chủ cả thiên thể, nhưng con người lại gần với loài thú, và bắt chước sống như loài thú hơn là làm chủ loài thú. Con người mài lưỡi mình sắc nhọn hơn cả nanh thú dữ²⁶.

²⁶ Paul Beauchamp, *Psaumes Nuit et Jour*. Paris: Seuil, 1980, p. 159-160.

Thật vậy, khi những phát minh vĩ đại trở thành công cụ của những con người thiếu lòng nhân, mất nhân tính, thì họ trở thành hung thần cho nhân loại và hủy hoại thế giới. Con người thời nay có kiến thức rộng, có cái đầu đầy, nhưng rất có thể người ta lại gần với loài thú hơn là giống hình ảnh Thiên Chúa.

✓ Để thực hiện sứ mạng cao cả Chúa trao là làm chủ vũ trụ, con người cần làm chủ thú tính của mình: làm chủ tính dã man với loài thú, tính thô bạo và vô trách nhiệm đối với thiên nhiên. Sách Châm Ngôn có câu: “Người công chính chăm lo cho sự sống đàn vật, còn kẻ ác nhân thì thâm độc đến tận đáy lòng” (Cn 12,10).

Một người có trách nhiệm với vũ trụ, biết tôn trọng thiên nhiên, sẽ là người biết phản tỉnh về những hành động dù nhỏ nhất để không gây hại đến môi trường. Một người yêu thiên nhiên sẽ không ném bừa chai nhựa, hay loại nilon xuống dòng sông, hay trên đồi thông, và không gây ô nhiễm môi trường.

3. Con người có tham vọng thống trị người khác hơn là làm chủ thú tính trong mình

✓ Sách Thánh đã cho thấy Thiên Chúa trao cho con người quyền thống trị loài vật, không hề có chuyện con người thống trị con người, vì mọi người là hình ảnh Thiên Chúa; trong khi đó, con người từ muôn thuở chỉ bận tâm đến việc thống trị người khác hơn là làm chủ thú tính của mình. Về điều này, sách Giảng Viên ghi nhận: “Tất cả những điều trên đây, tôi đã thấy nhờ để tâm theo dõi mọi việc xảy ra dưới ánh mặt trời, vào lúc con người thống trị con người, và gây cho nhau bao thảm họa” (Gv 8,8-9).

✓ Câu nói thời danh được cho là của hoàng đế Napoleon, vào cuối đời mình như sau: Một dân tộc phi tôn giáo thì chỉ có thể cai trị bằng súng đạn²⁷. Nói cách khác, nếu một cộng đồng của những người tin chịu sự cai trị trong chế tài, lạm quyền, thì cộng đồng đó thực chất đã là cộng đồng phi tôn giáo; còn với một cộng đồng xã hội, nếu người ta

²⁷ Lê Thanh Dũng & Trần Văn Thủy, *Chuyện nghề của Thủy*. Nxb. Hội Nhà Văn, 2915, tr. 224.

cai trị bằng bạo lực, cường quyền, thì cả người cai trị và người bị cai trị đang đưa nhau đến gần thể giới của loài thú, vì con người chưa làm chủ được thú tính của mình.

4. Quyền cai trị vũ trụ của con người và hình thức trung ương tập quyền

✓ Thiên Chúa trao quyền làm chủ vũ trụ cho con người qua mệnh lệnh: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất” (St 1,28). Lời Chúa ngỏ với con người, tức là với nhân loại, không riêng gì ai. Mọi người đều được mời gọi tham dự vào quyền làm chủ vũ trụ. Như thế, hình thức trung ương tập quyền sẽ không phù hợp với chương trình tạo dựng của Thiên Chúa.

Về điều này, nhà chú giải Marc Girard đã viết: kiểu nói của Kinh Thánh xem ra khá nhẹ nhàng nhưng là lời chỉ trích mạnh mẽ chống lại mọi hình thức trung ương tập quyền và độc quyền thái quá trên bình diện xã hội và chính trị, có hại cho động vật, thực vật và khoáng sản cũng như quần chúng

nhân loại. Sự hư hoại môi trường thường là hậu quả vì lợi ích của một phe nhóm chính trị hay kinh tế²⁸.

5. Việc chiếm đất: hậu quả não trạng trung ương tập quyền trong Ítraen

✓ Nếu những trang đầu Kinh Thánh nhấn mạnh đến quyền chính đáng của tất cả mọi người trong việc làm chủ vũ trụ, là vì thế giới bị khống chế bởi não trạng trung ương tập quyền, và Ítraen cũng không ngoại lệ. Thời Cựu Ước, Ítraen chủ yếu sống bằng ngành nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên căn bản cần cho cuộc sống con người trước hết là đất đai. Và những kẻ quyền lực đã tìm cách thu tóm đất đai của người dân một cách bất công. Ngôn sứ Isaia cho thấy lòng tham vô hạn của kẻ giàu trong việc chiếm đất: “Khốn thay những kẻ tậu hết nhà nọ đến nhà kia nối thêm ruộng này đến ruộng khác, tới mức không còn chỗ trống nào và chỉ còn một mình các người ở lại trong xứ!” (Is 5,8). Ngôn sứ Mikha cũng viết: “Khốn thay

²⁸ Marc Girard, *Les Psaumes Redécouverts De la structure au sens*, vol 1. Bellarnin, 1996, p. 228-239.

những kẻ nằm trên giường toan tính chuyện xấu xa, lập mưu làm điều ác! Vừa tảng sáng đã đem ra thực hiện vì nắm sẵn quyền bính trong tay. Muốn cánh đồng nào là chúng cướp lấy, muốn ngôi nhà nào là chúng chiếm đoạt. Chúng bắt giữ cả chủ lẫn nhà, cả người lẫn gia nghiệp” (Mk 2,1-2). Ngôn sứ Mikha cho thấy những kẻ cướp đất là kẻ có quyền; họ dùng quyền để cưỡng bức dân lành phải trao mảnh đất họ muốn. Tuy thế, họ vẫn phải “toan tính”, nghĩa là phải bày mưu tính kế để hợp thức hóa hành vi bất chính của mình. Nói theo ngôn ngữ thời nay, thì họ tìm cách “đi đúng quy trình”! (Về điều này, ca dao Việt Nam xưa có câu: con ơi nhớ lấy câu này: cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan). Kẻ cường quyền có đủ cách để che mắt thiên hạ, nhưng thực ra họ đang lừa dối chính lương tâm họ, vì rằng họ cũng được phú bẩm để nhận biết những điều căn bản về luân thường đạo lý.

6. Năm toàn xá về đất - đổi lại não trạng trung ương tập quyền trong Ítraen

✓ Đổi lại não trạng trung ương tập quyền với lòng tham vô hạn trong việc chiếm đất đai,

Sách Thánh quy định luật về Năm Thánh, về năm toàn xá nhằm bảo đảm mọi người đều có phần đất để mưu sinh, sách Lêvi viết: “Đất thì không được bán đứt, vì đất là của Ta, còn các người chỉ là ngoại kiều, là khách trọ nhà Ta. Trong toàn xứ sẽ thuộc quyền sở hữu của các người, các người phải cho người ta quyền chuộc lại đất. Nhưng nếu nó không kiếm được phương tiện để trả tiền lại cho người kia, thì của nó bán sẽ ở lại trong tay người mua cho đến năm toàn xá; đến thời kỳ toàn xá, của bán sẽ ra khỏi tay người mua, và người bán sẽ trở về phần sở hữu của mình” (Lv 25,23-24.28). Kinh Thánh khẳng định toàn cõi đất là của Chúa, và Chúa ban trái đất cho tất cả mọi người, không là của riêng ai. Nếu nhóm người quyền lực giàu có chiếm hữu đất đai khiến nhiều người không có đất đai để sinh sống là đi ngược với chương trình tạo dựng của Thiên Chúa.

✓ Chỗ khác trong sách Lêvi nói đến một cách thức có vẻ khác lạ trong việc giúp người nghèo và người ngoại kiều. Lêvi chương 19 bắt đầu với câu: “Các người phải thánh thiện, vì Ta, ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của các người, Ta là Đáng Thánh”

(Lv 19,1); và một trong những điều để Isarel thể hiện sự thánh thiện mà Thiên Chúa đòi đó là: “Khi các người gặt lúa trong đất của các người, người không được gặt cho tới sát bờ ruộng; lúa gặt sót, người không được mót. Vườn nho người, người không được hái lại, những trái rớt, người không được nhặt: người sẽ bỏ lại cho người nghèo và ngoại kiều. Ta là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của các người” (Lv 19,9-10// Đnl 24,19-22).

Cách giúp người nghèo theo cách mà Sách Thánh nói đến, tỏ ra tôn trọng người nghèo: người nghèo không phải trực tiếp ngửa tay xin, họ góp phần công sức của mình trong việc kiếm cái ăn. Nói cách khác, người nghèo cũng phải được dự phần làm chủ vũ trụ, được thông chia thành phẩm với sự góp sức của mình. Với cách này, người có của học biết từ bỏ tham vọng muốn làm kẻ ban ơn. Với Ítraen, chỉ mình Chúa mới là người ban người; bởi lẽ hoa màu Ítraen thu được một phần là do công sức của họ, nhưng đất là do Chúa ban (x. Lv 25,23). Cả hai, người cho cũng như người nhận, đều là người nhận ơn từ Thiên Chúa.

Giúp người nghèo một cách tế nhị như Kinh Thánh nói đến, là một lời cật vấn chúng ta về những hình thức giúp người nghèo lắm khi không nghĩ đến thanh danh của người nghèo. Điều này đưa chúng ta trở về với lời dạy của Đức Giêsu: “Còn anh, khi bố thí, đừng cho tay trái biết việc tay phải làm, để việc anh bố thí được kín đáo. Và Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả lại cho anh” (Mt 6,3-4).

✓ Lời tuyên xưng về quyền cai trị vũ trụ Thiên Chúa ban cho con người không đơn thuần là bài ca tụng tình yêu của Chúa dành cho con người, nhưng còn là lời cật vấn lương tâm xã hội về lòng tham vô hạn của con người, khiến anh em đồng loại trở thành phận tôi đòi.

ĂĐAM ĐƯỢC DỰNG NÊN TỪ BỤI ĐẤT

Điều đó có ý nghĩa gì?

(St 2,4b-17)

Người ta thường gọi trình thuật tạo dựng ở St 1,1-2,4a, là trình thuật tạo dựng thứ nhất, còn câu chuyện Ăđam Evà ở St 2 là trình thuật tạo dựng thứ hai; chúng đến từ hai truyền thống khác nhau (truyền thống P và J). Người ta dành nhiều thời giờ để đối chiếu giữa hai trình thuật này. Ngày nay một số nhà chú giải lại có lối nhìn khác, họ đọc hai chương này như một tổng thể hơn là hai bản đề đối chiếu song song²⁹.

²⁹ The New Interpreter's Bible (12 vols), vol I. Nashville: Abingdon Press, 1994, p. 340 & 349 & 354.

Chúng ta biết, ý kiến của các nhà chú giải vẫn thay đổi theo thời gian. Vì thế những giả thiết của các nhà chú giải chỉ được bàn đến ở đây khi chúng thực sự giúp hiểu thông điệp của bản văn hơn.

1. Vườn địa đàng – sự ân cần của Thiên Chúa dành cho con người

Câu chuyện tạo dựng Ađam bắt đầu như sau: “Ngày ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa làm ra đất và trời, chưa có bụi cây ngoài đồng nào trên mặt đất, chưa có đám cỏ ngoài đồng nào mọc lên, vì ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa chưa cho mưa xuống đất và không có người để canh tác đất đai.” (St 2,4b-5).

Trình thuật cho biết, thuở ban đầu mặt đất chưa có cây cối gì. Lý do trái đất chưa có cây cối, là vì Thiên Chúa chưa cho mưa, và chưa có con người để canh tác.

✓ Thoạt nhìn, có vẻ Thiên Chúa cần con người để canh tác. Tuy nhiên, phần tiếp theo lại không phải vậy, Sách Thánh viết: “Rồi ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa trồng một vườn cây ở Êđen, về phía đông, và đặt vào đó con người do chính mình

nặng ra. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa khiến từ đất mọc lên đủ mọi thứ cây trồng thì đẹp, ăn thì ngon, với cây trường sinh ở giữa vườn, và cây cho biết điều thiện điều ác” (St 2,8-9).

Chính Thiên Chúa trồng vườn cây Êđen, chứ không phải Adam. Khi vườn Êđen đã thành một vườn địa đàng, xinh đẹp, trù phú, Thiên Chúa trao nó cho con người, để con người làm chủ và tận hưởng nó. Tất cả những điều trên cho thấy tình yêu và sự ân cần của Thiên Chúa dành cho con người. Sự ân cần của Thiên Chúa còn được diễn tả qua việc Thiên Chúa bận tâm đến sự cô đơn cô độc của Adam, Ngài phán: “Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó” (St 2,18).

Khi chiêm ngắm tình yêu của Thiên Chúa dành cho con người qua công trình tạo dựng, Thánh vịnh gia đã ngỡ ngàng thốt lên: “Ngắm tầng trời tay Chúa sáng tạo, muôn trăng sao Chúa đã an bài, thì con người là chi, mà Chúa cần nhớ đến, phàm nhân là gì, mà Chúa phải bận tâm?” (Tv 8,4-5).

2. Vườn địa đàng ở đâu?

Trình thuật miêu tả vườn Êđen có nói đến bốn nhánh sông như sau: “Một con sông từ Êđen chảy ra tưới khu vườn, và từ đó chia thành bốn nhánh. Tên nhánh thứ nhất là Pisôn, nó bao quanh tất cả đất Khavila là nơi có vàng; vàng ở đất này tốt, tại đó có nhũ hương và đá ngọc. Tên nhánh thứ hai là Ghikhôn; nhánh này bao quanh tất cả đất Cút. Tên nhánh thứ ba là Tíchra; nhánh này chảy ở phía đông Átsua. Còn nhánh thứ bốn là Êphorát” (St 2,10-14). Trong bốn con sông trên, có ba con sông chúng ta có thể định vị cách dễ dàng. Tíchra và Êphorát là hai con sông lớn thuộc vùng Lưỡng Hà Địa, Ghikhôn là nguồn suối nước ở Giêrusalem (x. 1V 1,33.38); còn lại con sông Khavila không rõ ở đâu.

Với tên những con sông được nêu trên, có vẻ như vườn Địa Đàng Êđen nằm đâu đó ở vùng Lưỡng Hà Địa. Tuy nhiên, đừng vội nghĩ tác giả Kinh Thánh muốn định vị vườn Êđen hiện hữu ở đâu đó trên trái đất, vì đây là hình ảnh biểu tượng: con số bốn ám chỉ bốn phương trời, nó là

biểu tượng về toàn thể vũ trụ³⁰. Cũng vậy, từ Êđen (עֵדֶן) trong tiếng Hípri có nghĩa là “niềm vui thú”, “sự hưởng thụ”.

Thiên Chúa trồng vườn cây Êđen với đủ loại cây trái ngon lành đẹp mắt, Ngài còn làm cho nó trở nên phong nhiêu bởi những con sông, và đất đai chứa đầy khoáng sản. Vườn Êđen đúng nghĩa là vườn Địa Đàng mà Thiên Chúa dành cho con người.

3. Huyền thoại Babylon

Các huyền thoại của vùng Trung Đông cũng nói về việc tạo dựng con người. Một trong những huyền thoại được biết đến là huyền thoại Atra-Hasis (trước năm 1600 TCN), được tìm thấy ở Babylon. Huyền thoại viết: “Các thần minh, theo kiểu loài người, phải lao động và chịu đựng cực nhọc, sự nhọc nhằn của các thần minh quá lớn. Bị đè nặng bởi công việc, nỗi buồn sầu của các thần minh thật mê mông...”. Thế là các thần nổi loạn. Để trút gánh nặng, các thần minh quyết định tạo

³⁰ *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 57.

dựng con người. Thần Ea bèn khuyên: “Chúng ta phải giết chết vị thần Nintou (nữ thần mẹ) lấy máu và thịt của vị ấy trộn với bùn để cho thần linh và người phạm hoà lẫn nhau trong bùn...”³¹.

✓ Huyền thoại Babylon rất gần với câu chuyện tạo dựng Ađam và Kinh Thánh không ngại dùng loại văn huyền thoại như các nước xung quanh, nhưng nhằm truyền tải thông điệp niềm tin với ý nghĩa khác hẳn. Trong huyền thoại Babylon, mục đích mà con người được dựng nên là để phục dịch các thần minh có nhu cầu ăn uống nhưng lại lười biếng. Với Kinh Thánh, Thiên Chúa dựng nên con người không phải vì Ngài cần con người phục vụ; trái lại con người là mục đích của công trình tạo dựng. Ađam được đặt vào vườn Êđên không như một người lao động phục dịch, nhưng là được trao quyền cai quản công trình Chúa đã làm ra. Trong cái nhìn của Kinh Thánh, lao động là vinh quang và là ân huệ cho con người vì Thiên Chúa cho con người thông phần vào quyền làm chủ trái đất.

³¹ Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1^{er} 1980), p. 39.

✓ Trong não trạng thực dụng, người ta coi con người là công cụ, là phương tiện mà những người có quyền lực dùng để thực hiện công trình của mình. Việc dùng con người như là phương tiện để thực hiện một chương trình nào đó, dù là vì những mục đích tốt đẹp, hay nhân danh tôn giáo đều xúc phạm đến nhân phẩm con người, và chống lại chương trình tạo dựng của Thiên Chúa, là đi ngược với dự định của Thiên Chúa về con người.

4. Con người và con vật đều được dựng nên từ bụi đất, điều đó có ý nghĩa gì?

✓ Chúng ta đã quen với hình ảnh con người được dựng nên từ bụi đất, Sách Thánh viết: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật” (St 2,7). Mặt khác, trong tiếng Hípri, từ “đất” (אֶרֶץ) và từ “con người” (אָדָם) có cùng một gốc từ; điều này càng làm nổi bật thân phận bụi đất của con người. Tuy nhiên không riêng gì con người, mà con vật cũng được dựng nên từ bụi đất, Sách Thánh viết: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy đất nặn ra mọi dã thú, mọi chim trời,

và dẫn đến với con người, xem con người gọi chúng là gì: hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì tên nó sẽ là thế” (St 2,19).

Cách diễn tả trên cho thấy, trong con người vừa có phần “người” vừa có phần “con”. Cũng như con vật từ đất mà ra, con người gần với con vật về phần bản năng, về phần hạ. Tuy nhiên, con người không đơn thuần là một động vật cao cấp, con người vượt trên con vật, vì mang trong mình hơi thở của Thiên Chúa. Vượt trên những gì hữu hình có thể nắm bắt được, con người còn có phần thượng, phần thiêng liêng, con người là một huyền nhiệm.

✓ Với loài vật, Thiên Chúa chỉ cần lấy đất nặn ra và chúng trở thành “sinh vật” (וְהַיְוָה אֱלֹהִים - St 2,19); còn với con người, sau khi được nặn ra, phải chờ Thiên Chúa thổi hơi vào mũi mới trở thành một “sinh vật” (וְהַיְוָה אֱלֹהִים - St 2,7). Với lối diễn tả này, có thể nói, con người chỉ được coi là đang sống, sống như một con người, khi con người sống bởi hơi thở của Thiên Chúa. Nghĩa là, nếu con người sống buông thả theo bản năng, theo phần hạ, thì đó không phải là sự sống đúng nghĩa của một con người.

✓ Thân xác con người trở nên thánh thiêng nhờ hơi thở của Thiên Chúa ban. Thiếu tôn trọng thân xác là chống lại công trình tạo dựng của Thiên Chúa. Nhưng quá bận tâm về phần hữu hình như thể đó là mục đích tối hậu của đời người, thì xem ra con người đang hạ thấp phẩm giá của mình xuống hàng vật chất và quên mất chiều kích siêu việt của mình.

✓ Qua hình ảnh con người được nặn ra từ bụi đất như loài vật, nhưng được mang hơi thở của Thiên Chúa, Kinh Thánh mạc khải về sự thật của thân phận con người: con người vừa cao cả vừa thấp hèn; thấp hèn vì mang thân phận bụi đất, cao cả vì mang trong mình hơi thở của Thiên Chúa. Quên một trong hai chiều kích này đều là sự lầm lạc và u mê về thân phận con người.

5. Con người gánh chịu sự giằng co của kiếp người

✓ Con người vừa mang chiều kích hữu hình, vừa mang chiều kích liêng thiêng; vừa cao cả vừa thấp hèn, vì thế con người gánh lấy nơi mình một sự giằng co khôn nguôi giữa hai thái cực:

Mang thân xác hữu hình, tàn lụi với thời gian, nhưng con người lại bùng cháy khát vọng về cõi vô biên. Con người vừa cảm nhận về niềm tin yêu hy vọng, vừa có kinh nghiệm về sự chông chênh của cuộc đời và cả tuyệt vọng. Con người vừa được cuốn hút bởi điều tốt đẹp nên làm, vừa bị kéo vào dòng xoáy của dục vọng thấp hèn. Trong sự giằng co này, con người có nguy cơ rơi vào một trong hai thái cực: hoặc chỉ muốn làm thần, hoặc buông xuôi theo bản năng hay tìm khóa lấp nơi những điều phạm trần, vật chất. Chấp nhận sống thân phận con người trong niềm tin là đảm nhận sự giằng co trong chính thân phận con người với hành trình đức tin.

Sống sự giằng co của kiếp người, chúng ta sẽ thấu hiểu phần nào về tình yêu của Con Thiên Chúa qua mẫu nhiệm nhập thể: “Vị Thượng Tế của chúng ta không phải là Đấng không biết cảm thương những nỗi yếu hèn của ta, vì Người đã chịu thử thách về mọi phương diện cũng như ta, nhưng không phạm tội” (Dt 4,15).

EVÀ ĐƯỢC DỰNG NÊN TỪ XƯƠNG SƯỜN CỦA AĐAM

Điều đó có ý nghĩa gì?

St 2,18-25

1. Trình thuật tạo dựng Evà nói gì về tình yêu, tình dục?

Việc tạo dựng Evà được bắt đầu bằng lời ghi nhận của Thiên Chúa về tình trạng cô độc của Ađam: “Con người ở một mình không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng” (St 2,18).

✓ “Con người ở một mình không tốt”, điều đó có nghĩa là việc Thiên Chúa sắp làm cho Ađam là điều tốt, Evà mà Chúa sắp ban cho Ađam sẽ mang lại hạnh phúc cho Ađam. Như thế, tình yêu nam

nữ, bao hàm cả tình dục, là điều tốt đẹp, nó thuộc về chương trình tạo dựng.

✓ Lời của Thiên Chúa qua câu nói “Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng” cho thấy Evà được dựng nên, trước hết không phải để duy trì nòi giống, nhưng là trợ tá tương xứng của Ađam. Sự mạng của Evà là cứu Ađam ra khỏi sự cô độc chết chóc. Và như thế, hôn nhân không có con, hoặc không có con trai nối dõi, không hề bị coi là một hôn nhân thất bại; trái lại sự chung thủy và hạnh phúc của họ là bằng chứng sống động của tình yêu trong hôn nhân Công giáo.

✓ Thiên Chúa hứa sẽ làm cho Ađam một trợ tá tương xứng, tuy nhiên trước khi tạo dựng Evà, Thiên Chúa lại dựng nên các con vật (x. St 2,18-20). Sau khi dựng nên loài vật, Thiên Chúa trao cho Ađam quyền đặt tên, theo Kinh Thánh đó cũng là quyền làm chủ của Ađam trên loài vật. Dự định tạo dựng Evà bị gián đoạn bởi việc tạo dựng loài vật. Việc gián đoạn này càng làm nổi bật khắc khoải của Ađam về người nữ. Lần này chính Ađam cảm nhận sự cô độc của mình,

Sách Thánh viết: “nhưng con người không tìm được cho mình một trợ tá tương xứng” (St 2,20). Đối diện với loài vật, con người càng nhận ra mình vượt trên loài vật; loài vật không thể khỏa lấp sự trống vắng chết chóc của con người. Chỉ có người nữ mới là trợ tá tương xứng đảm nhận sứ mạng kéo người nam ra khỏi sự trống vắng chết chóc của cô độc.

2. Người nữ là một huyền nhiệm đối với người nam

Kinh Thánh cho biết, khi dựng nên Evà, Thiên Chúa đã đưa Adam đi vào một giấc ngủ mê: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa cho một giấc ngủ mê ập xuống trên con người và con người thiếp đi” (St 2,21). Với giấc ngủ mê, Adam không được chứng kiến, và không hề biết Evà được dựng nên như thế nào; Evà mãi là một huyền nhiệm đối với Adam. Và chỉ trong tương quan tình yêu, Adam mới có thể bước vào cõi huyền nhiệm của Evà.

Về sự huyền nhiệm của người nữ, Balzac, một nhà tiểu thuyết người Pháp, đã viết: phụ nữ như

cây đàn lia, chỉ hé lộ bí mật về mình cho người nào biết cách chơi cây đàn đó³².

✓ Chấp nhận trở nên một xương một thịt với người kia trong tình nghĩa vợ chồng, là chấp nhận để người kia bước vào cõi huyền nhiệm thánh thiêng của mình. Cả hai ý thức rằng người này đang trao cho người kia điều dễ bị tổn thương nhất của đời mình, và cả hai đều đặt niềm tin vào sự trung tín của nhau.

Người ta nói, đáng sợ nhất vốn không phải là cô đơn, nhưng là khi bạn đã quen có ai đó đi cùng, nhưng bất chợt người đó rẽ sang lối khác. Cuối cùng thì chỉ còn bạn lẻ loi bước đi một mình, lòng tràn ngập thất vọng.

3. Khát vọng nên một của tình yêu

✓ Việc tạo dựng Evà được miêu tả như sau: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn

³² “La femme est une lyre qui ne livre ses secrets qu’à celui qui sait en jouer”, Balzac; Citations des femmes - la philosophie.com.

bà và dẫn đến với con người” (St 2,22). Với người đọc thời nay, xem ra đây là truyện tranh hơn là lời mạc khải của Thánh Kinh; chẳng lẽ Adam chỉ còn 23 cái xương sườn, vì bị rút mất một cái! Tuy nhiên qua những hình ảnh bình dân đó, Kinh Thánh truyền tải một thông điệp rất thật về tương quan nam nữ: Evà là một phần xương thịt của Adam, người nữ là một nửa của người nam.

✓ Khi Chúa dựng nên Evà, Adam đang ngủ, nhưng vừa gặp Evà, Adam nhận ra ngay đó là một nửa của mình, ông thốt lên: “Phen này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi! Nàng sẽ được gọi là đàn bà, vì đã được rút từ đàn ông ra” (St 2,23). Evà là một nửa mà Adam đang khắc khoải tìm kiếm. Có thể nói, nơi thân xác mình, trong tâm khảm mình, con người, nam cũng như nữ, sẽ cảm thấy một nỗi khắc khoải, một sự trống vắng khi chưa tìm gặp được một nửa của đời mình. Trong tình yêu, hai người cảm thấy họ sinh ra là để thuộc về nhau.

✓ Kiểu nói: “Nàng sẽ được gọi là đàn bà, vì đã được rút từ đàn ông ra” (St 2,23) , đây là lời

chơi chữ. Theo nguyên ngữ Hípri, từ “đàn ông”, là *ish* (יִשׁ), và “đàn bà” là *ishsha* (יִשָּׁה), về mặt từ vựng, hai từ này rất gần nhau; mặc dù thế, hai từ này vẫn không đồng nhất³³. Có thể nói, vợ chồng “nên một” với nhau bởi họ gặp được sự tương đồng của hai tâm hồn, nhưng vẫn không đánh mất sự khác biệt của mỗi người. Tình yêu vừa thuộc trọn về nhau một cách mật thiết, vừa dành cho nhau một khoảng cách vừa đủ để người này tôn trọng người kia như họ là.

✓ Cuối trình thuật, hình ảnh về sự nên một trong tương quan vợ chồng càng nổi bật hơn, Sách Thánh viết: “Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt” (St 2,24). Câu này không đơn thuần nói về sự nên một trong tương quan tình dục, nhưng còn diễn tả sự bền chặt, không thể phân ly trong tình nghĩa vợ chồng³⁴.

³³ *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 58.

³⁴ *The New Interpreter's Bible (12 vols), vol I*. Nashvill: Abingdon Press, 1996, p. 354.

4. Để có thể gắn bó với vợ, người đàn ông phải lìa bỏ cha mẹ

✓ Qua kiểu nói “Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt” (St 2,24), Kinh Thánh nhìn nhận sự thật về tình khăng khít vợ chồng mãnh liệt hơn cả tình mẹ cha hay tình huyết thống. Và như thế, Kinh Thánh chuẩn nhận về việc người đàn ông lìa cha mẹ để gắn bó với vợ mình.

Tình yêu cao cả của cha mẹ dành cho con cái vẫn không thể khỏa lấp nỗi khát vọng của tình yêu nam nữ. Về điều này, Nguyễn Bính có bài thơ “Thư gửi Thầy Mẹ” với những câu thú vị như sau: “Mẹ cha thì nhớ thương mình. Mình đi thương nhớ người tình xa xôi...”

✓ “Lìa cha mẹ để gắn bó với vợ mình”, đây được coi là điều kiện cần của một người đã trưởng thành và đủ khả năng lập tổ ấm cho riêng mình. Khi vừa chào đời, đứa trẻ chịu cắt rốn, tức là tách khỏi thân thể của người mẹ để trở thành một hữu thể độc lập. Ở tuổi trưởng thành, người nam, và cả người nữ, một lần nữa phải chịu sự “cắt rốn”

về mặt tinh thần, để trở nên cột trụ cho một mái ấm gia đình mới.

5. Tình yêu nam nữ là quà tặng của sự quan phòng của Thiên Chúa

✓ Về sức hút của tình yêu nam nữ, thần thoại Hy Lạp cũng như thần thoại La Mã đều nhắc đến mũi tên tình ái của một vị thần. Trong thần thoại Hy Lạp, vị thần này mang tên là thần Eros (còn thần thoại La Mã vị thần này có tên là Cupid)³⁵. Thần Eros luôn mang bên mình một cây cung và những mũi tên tình ái. Khi Eros bắn những mũi tên này vào một ai đó, thì ngay lập tức, người đó sẽ yêu người khác giới mà họ gặp đầu tiên, nếu người đó không có quan hệ huyết thống hay họ hàng. Do thần Eros là một đứa trẻ nghịch ngợm và thiếu trách nhiệm nên đã gây ra nhiều chuyện dở khóc dở cười, làm cho nhiều người phải đau khổ vì tình yêu. Câu chuyện thần thoại trên nhằm diễn tả sức hút của tình yêu nam nữ không sao lý giải nổi.

³⁵ Eros – Wikipedia tiếng Việt.

Với Kinh Thánh, tình yêu nam nữ không đơn thuần là ngẫu nhiên, hay do sức hút của bản năng, Sách Thánh viết: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn bà và **dẫn đến** với con người.” (St 2,22). Với Kinh Thánh, tình yêu nam nữ là quà tặng bởi sự quan phòng của Thiên Chúa. Chính Ngài “dẫn” Evà đến và trao tặng cho Adam. Trong tình yêu, cả hai người đón nhận nhau với lòng biết ơn Thiên Chúa và trân trọng nhau vì người này là quà tặng Chúa ban cho người kia.

6. Sự nên một của hai tâm hồn

Con người còn có phần thượng, vì thế sự nên một nơi thân xác trong tương quan nam nữ, trước hết, đó phải là kết quả của sự nên một của hai tâm hồn. Nếu bắt đầu bằng sự trao thân xác cho nhau trước khi hai tâm hồn gắn kết nên một, trước khi cam kết gắn bó đời mình với người kia, thì con người đang hạ thấp mình sống theo dục vọng của bản năng, đánh mất sự tôn trọng thân xác của người kia và của chính mình.

✓ Con người hữu hạn, nhưng lại mang khát vọng vô hạn vì con người được in dấu của Đấng Vĩnh Hằng, nên khát vọng tình yêu của con người cũng phần nào mang dấu ấn của vĩnh cửu. Khi vợ chồng yêu nhau trọn vẹn, tình yêu họ dành cho nhau cả khi người kia đã qua đời. Khác với quan niệm về kiếp luân hồi, người Kitô hữu chờ mong ngày gặp lại người mình yêu trong tình yêu vĩnh cửu của Thiên Chúa.

✓ Người Kitô hữu không ảo tưởng, trái lại rất ý thức về những chông chênh trong hôn nhân. Sau khi kết hôn, có thể xảy ra là, một ngày nào đó, một trong hai người gặp một đối tượng khác mà họ nhận ra đó mới là một nửa đích thực của đời mình. Vì thế khi quyết định trao thân gởi phận cho nhau, cả hai đã phải ý thức chấp nhận sự tương đối của cuộc đời, để không làm tổn thương người mà mình đã quyết định “nên một xương một thịt” với họ.

7. Sự thánh thiêng của tình dục

✓ Liên quan đến tình dục, sách Đệ Nhị Luật có đoạn viết: “Khi hai người đàn ông đánh nhau, mà vợ của một trong hai người lại gần để cứu

chồng khỏi tay địch thủ và đưa tay nắm lấy chỗ kín của người này, thì anh phải chặt tay người đàn bà ấy. Mất anh đừng nhìn nó mà thương hại.” (Đnl 25,11-12).

Qua hình ảnh khắc khe trên, Kinh Thánh cho thấy tình dục của con người là một điều thánh thiêng. Tình dục là thánh thiêng vì qua đó, con người được thông phần vào quyền năng của Thiên Chúa trong việc trao ban sự sống mới. Vì thế những hình thức hiến tặng tình trùng, có con ngoài hôn nhân, hay mang thai hộ, thực chất đang làm băng hoại sự thánh thiêng của tình dục, xúc phạm đến sự thánh thiêng của hôn nhân.

Tình dục là thánh thiêng, và con người là hình ảnh Thiên Chúa, nên người ta không thể nói đến việc “sống thử” như thể người ta “thử” một món hàng trước khi mua. Người thời nay xem việc giữ khiết tịnh là chuyện lỗi thời, và xu hướng sống thử được xem như lối sống hiện đại, khiến không ít người trẻ Công giáo mặc cảm về giáo lý Công giáo của mình. Trong khi lịch sử cho thấy, lối sống phóng dăng về tình dục là lối sống nổi tiếng của

thời La mã³⁶. Từ thời Cựu Ước, Kinh Thánh đã nói đến lối sống phóng túng trong tương quan tình dục qua câu chuyện thành Sôđôm (x. St 19). Xem ra tự do trong tình dục là lối sống lạc hậu vì thiếu ý thức về phẩm giá con người hơn sự văn minh. Một khi người ta chiều theo lối sống dễ dãi trong việc quan hệ tình dục trước hôn nhân, thì sau này việc ngoại tình trong hôn nhân thường dễ xảy ra hơn những người biết tự chủ trước hôn nhân khi ý thức về sự thánh thiêng của tình dục.

Người trẻ đừng để mình bị lừa về những nguy biến trong tự do tình dục, nghĩ rằng đó là lối sống văn minh nhưng thực chất là đồi bại. Khi luật Chúa dạy về khiết tịnh, là vì tôn trọng phẩm giá cao cả của con người, Luật Chúa mời gọi con người ý thức về chiều kích thánh thiêng của tình dục, đừng để bản năng điều khiển tình dục; con người cần đảm nhận tình dục với một hành vi nhân linh.

³⁶ vietnamnet.vn - *Tình dục “thoáng”* khó tin của người La Mã.

PHẦN II

TÔI GÁNH TỘI AĐAM HAY TÔI ĐANG LÀ AĐAM?

St 3–11

Nói đến trình thuật Ađam Evà sa ngã, người ta thường nghĩ đến tín điều về tội nguyên tổ. Tuy nhiên, Giáo lý Hội Thánh Công Giáo ghi rõ: việc xác định về sự lưu truyền tội nguyên tổ trong giáo lý Hội Thánh là do ảnh hưởng của Thánh Augustino, vào thế kỷ thứ V, dựa vào thư thánh Phaolô Tông đồ gởi các tín hữu Rôma³⁷. Trong khi đó, một thông điệp nữa khá quan trọng

³⁷ *Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, Nxb. Tôn Giáo, 2009, số 406.

trong câu chuyện Ađam Evà sa ngã mà chúng ta cần khám phá đó là sự thật về thân phận con người yếu đuối tội lụy, và về tính phổ quát của tội lỗi nơi nhân loại³⁸.

Qua câu chuyện Ađam Evà, Kinh Thánh nhằm cảnh tỉnh dân Chúa và người đọc, nhận ra hình ảnh Ađam nơi chính mình, dưới những hình thức khác nhau. Đối với Kitô hữu, việc nhận biết rằng đã là người, mọi người đều mang thân phận Ađam, yếu đuối tội lỗi, chúng ta sẽ hiểu vì sao tất cả mọi người đều cần đến ơn cứu độ của Đức Giêsu.

oOo

³⁸ *The New Interpreter's Bible (12 vols), vol I.* Nashville: Abingdon Press, 1994, p. 367.

TỘI AĐAM – TỘI TÀ THẦN

Sách Sáng Thế chương ba là câu chuyện về nguyên tổ Ađam Evà sa ngã. Mấu chốt câu chuyện bắt đầu từ cuộc đối thoại giữa con rắn và bà Evà về cây “biết điều thiện điều ác”.

1. Biểu tượng con rắn của vùng Trung Đông

Trong câu chuyện, con rắn biết nói, biết tranh luận để kéo Evà vào cám dỗ. Người đọc đừng thắc mắc về việc con rắn thời Ađam biết nói, vì con rắn ở đây được hiểu theo nghĩa biểu tượng.

Theo quan niệm vùng Trung Đông thời bấy giờ, rắn là loài xảo quyệt, và huyền thoại Babylon mang tên Gilgamesh có kể về điều này. Theo câu chuyện, Gilgamesh là người hùng của thành

Ourouk. Để chống lại Gilgamesh, các thần mình đã làm ra một quái vật mang tên Enkidou. Enkidou sống giữa loài dã thú, và được thuần hóa bởi một cô gái điếm thần thánh; sau đó Enkidou trở nên bạn của Gilgamesh. Một ngày kia, Enkidou chết. Gilgamesh bị ám ảnh bởi cái chết và quyết đi tìm sự trường sinh bất tử. Vị anh hùng Bả Lự tiết lộ cho Gilgamesh bí mật về cây trường sinh bất tử. Gilgamesh đã thành công lấy được cây trường sinh từ dưới vực thẳm, và mang về thành của mình. Trên đường trở về xa xôi mỗi một, Gilgamesh xuống tắm bên dòng nước mát. Giữa lúc đó, một con rắn ngửi thấy mùi của cây trường sinh, nó chui lên khỏi mặt đất và cướp lấy cây trường sinh; còn Gilgamesh thì khóc ròng vì bị mất cây trường sinh³⁹.

Kinh Thánh dùng lại hình ảnh con rắn quen thuộc của nền văn hóa Trung Đông, và trong câu chuyện Ađam Evà, con rắn biểu tượng về kẻ cám dỗ xảo quyệt (tuy nhiên, hình ảnh con rắn trong

³⁹ Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1^{er} 1980), p. 40; Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, p. 162.

Kinh Thánh không phải lúc nào cũng mang biểu tượng xấu)⁴⁰.

✓ Hình ảnh con rắn trong câu chuyện Ađam Evà rất gần với hình ảnh Xatan trong sách Gióp. Con rắn và Xatan đều là kẻ rảnh việc, đi bàn chuyện người khác, sách Gióp ghi lại như sau: “ĐỨC CHÚA phán với Xatan: 'Người từ đâu tới?' Xatan thưa với ĐỨC CHÚA: 'Rảo quanh cõi đất và lang thang khắp đó đây’” (G 1,7). Xatan trong sách Gióp không muốn tin ông Gióp là người vẹn toàn, ngay thẳng một cách vô vị lợi (x. G 1,9); còn con rắn trong câu chuyện Ađam Evà thì gieo sự nghi ngờ về lòng tốt của Thiên Chúa. Nói cách khác, hình ảnh con rắn trong Kinh Thánh cho thấy, nếu một thế giới, trong đó sự nhân lành của Thiên Chúa bị phỉ báng, sự thật bị bóp méo và con người trơ lì không muốn tin vào sự hiện hữu về lòng tốt của người khác, thế giới đó thực chất đang bị sự đầu độc của Xatan, của loài rắn xảo quyệt.

⁴⁰ Chẳng hạn con rắn đồng trong sách Dân Số (x. Ds 21,4-9) không mang nghĩa xấu.

2. Sự xảo quỷ của con rắn trong việc cám dỗ bà Evà?

✓ Trong câu chuyện Ađam Evà sa ngã, ngay từ đầu, người đọc được báo cho biết rắn là loài xảo quỷ. Điều đó có nghĩa là, những gì con rắn nói với Evà không phải là sự thật mà chỉ là lừa dối và cám dỗ. Con rắn gợi chuyện với bà Evà về chuyện trái cây mà Thiên Chúa cấm. Nói theo ngôn ngữ thời nay thì con rắn đang “bình luận”; nó nói với bà Evà: “Chẳng chết chóc gì đâu! Nhưng Thiên Chúa biết ngày nào ông bà ăn trái cây đó, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ nên như những vị thần biết điều thiện điều ác”. Con rắn tỏ ra hiểu biết mọi sự, nó biết cả ẩn ý không tốt lành của Thiên Chúa, nó còn biết bí mật giúp con người trở nên thần minh. Con rắn đã gieo vào đầu Evà hình ảnh về một Thiên Chúa lừa dối, và ghen tuông, sợ con người bằng Thiên Chúa. Con rắn đã vẽ nên hình ảnh méo mó về Thiên Chúa, trái ngược hoàn toàn với hình ảnh Thiên Chúa tốt lành mà Kinh Thánh đã miêu tả trong những chương đầu của sách Sáng Thế; đồng thời con rắn làm cho con người ảo tưởng mình có khả năng trở nên thần minh, khiến con người quên

mất sự thật về thân phận con người chỉ là thụ tạo, mang thân phận bụi đất.

3. Phản ứng của bà Evà trước lời giải thích của con rắn

✓ Trong khi lời Chúa nói với Áđam đưa con người đối diện với sự thật về giới hạn của thân phận con người: ngày nào con người ăn trái cây Thiên Chúa cấm, con người sẽ phải chết, thì lời dối trá của con rắn làm vui tai bà Evà, bởi nó được gọt giũa cho phù hợp với điều mà người nghe mong chờ.

Lời của con rắn khiến bà Evà thấy trái cấm hết sức hấp dẫn, Sách Thánh viết: “Người đàn bà thấy trái cây đó ăn thì ngon, trông thì đẹp mắt, và đáng quý vì làm cho mình được tinh khôn. Bà liền hái trái cây mà ăn, rồi đưa cho cả chồng đang ở đó với mình; ông cũng ăn” (St 3,6).

Cây trái cấm làm kích thích các giác quan, về thị giác: nhìn đẹp mắt; về vị giác: ăn thì ngon, và công dụng tuyệt vời là được nên tinh khôn. Cạm bẫy hấp dẫn từ bên ngoài lẫn bên trong, từ hình thức đến nội dung, và bà Evà khó lòng cưỡng lại cạm bẫy.

4. Muốn bằng Thiên Chúa – tội tà thần và sự u mê của con người

✓ Vì muốn bằng Thiên Chúa, con người nghe lời con rắn hơn nghe lời Thiên Chúa, tức là con người coi con rắn là Thiên Chúa của mình, đó là tội tà thần.

✓ Con người muốn bằng Thiên Chúa đó là tội kiêu ngạo. Kiêu ngạo, vì con người nghĩ về mình cao hơn sự thật về mình. Muốn bằng Thiên Chúa là một sự u mê: con người u mê, không nhận biết rằng mình chỉ là thụ tạo mang thân phận bụi đất, và sự cao cả mà con người có là do Thiên Chúa ban.

✓ Con người muốn bằng Thiên Chúa là con người muốn loại Thiên Chúa ra khỏi cuộc sống của mình. Con người muốn làm thần mình, có nghĩa là con người không muốn làm người, không muốn sống điều kiện của thân phận con người với những giới hạn của nó.

5. Phải chăng Evà dễ bị con rắn lừa hơn Ađam

✓ Thỉnh thoảng có người nghĩ rằng sở dĩ con rắn ngỏ lời với Evà, vì người nữ dễ bị lừa. Tuy

nhiên, bản văn cho thấy Áđam đã nhận trái cấm từ Evà để ăn mà không hề có phản ứng gì. Mặt khác, dường như bản văn còn cho thấy Áđam ở đó với Evà khi xảy ra sự việc, Sách Thánh viết: “Bà liền hái trái cây mà ăn, rồi đưa cho cả chồng đang ở đó với mình; ông cũng ăn” (St 3,6). Điều đó cho thấy, Áđam cũng như Evà, cả hai đều mang thân phận con người mong manh yếu đuối trước cám dỗ, cả hai đều mang tham vọng muốn bằng Thiên Chúa; cám dỗ chỉ là dịp làm trỗi dậy tham vọng đó.

✓ Cám dỗ được nói đến qua hình ảnh “ăn”: Áđam Evà nghe lời con rắn “ăn” trái cây Thiên Chúa cấm không được “ăn”. “Ăn” là bản năng sinh tồn của con người, nó không trừ một ai và khó lòng cưỡng lại. Con người cần dùng phần thượng nơi mình để chế ngự cơn cám dỗ muốn bằng Thiên Chúa.

6. Hiểu thế nào về sự trỗi trướng của Áđam Evà?

✓ Sau khi Áđam Evà ăn trái cây Thiên Chúa cấm, hậu quả đầu tiên đó là mắt hai ông bà mở ra, đúng như lời con rắn đã nói, nhưng thay vì thấy

mình bằng Thiên Chúa, hai ông bà nhận ra mình trần truồng: “Bấy giờ mắt hai người mở ra, và họ thấy mình trần truồng: họ mới kết lá vả làm khó che thân” (St 3,7).

Sự trần truồng ở đây diễn tả một điều gì khác hơn là sự trần truồng về thể xác⁴¹, bởi lẽ, hai ông bà vẫn trần truồng từ trước, nhưng cả hai không hề xấu hổ trước mặt nhau (x. St 2,25) chỉ sau khi phạm tội hai ông bà mới cảm thấy xấu hổ nên đã kết lá vả để che thân và chạy trốn Thiên Chúa (x. St 3,7.10). Sự trần truồng ở đây là biểu tượng về sự nghèo hèn, trần trụi của kiếp người. Con người không dám đối diện với sự nghèo hèn yếu đuối của mình và sợ người khác biết về giới hạn yếu kém của mình. Tội lỗi đã làm con người đánh mất sự an nhiên tự tại mà họ đã có trước khi phạm tội, và con người đánh mất sự tín nhiệm lẫn nhau.

⁴¹ Xem *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 58; Wenham, G. J. (2002). *Vol. 1: Word Biblical Commentary: Genesis 1-15. Word Biblical Commentary* (71). Dallas: Word, Incorporated, *Gn 2,25; The New Interpreter's Bible* (12 vols), vol I. Nashville: Abingdon Press, 1994, p. 354.

✓ Hình ảnh Áđam Evà kết lá vả che thân là thực trạng của con người muôn thuở. Con người thường xuất hiện trước mặt người khác qua mặt nạ, che đậy sự thật về sự yếu đuối, bất toàn của mình. Và càng đeo mặt nạ, con người càng đánh mất sự an nhiên tự tại nơi mình.

7. Vì sao ăn trái cây Thiên Chúa cấm, con người phải chết

✓ Chúng ta thường nghĩ vì tội bất tuân của con người nên Thiên Chúa phạt con người phải chết, và Thiên Chúa có vẻ rất nghiêm khắc. Tuy nhiên, vấn đề ở đây chính là sự lựa chọn của con người. Khi con người muốn bằng Thiên Chúa là con người chọn tách khỏi Thiên Chúa, và như thế là con người tự mình chọn con đường của sự chết; bởi lẽ Thiên Chúa là nguồn sự sống, và tách khỏi Thiên Chúa là tách khỏi nguồn sống.

8. Vì sao cây trái cấm lại được đặt ngay giữa vườn?

✓ Theo trình thuật tạo dựng Áđam Evà, ở St 2,9, cây nằm giữa vườn Eden là cây trường sinh:

“ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa khiến từ đất mọc lên đủ mọi thứ cây trông thì đẹp, ăn thì ngon, với **cây trường sinh ở giữa vườn**, và cây cho biết điều thiện điều ác” (St 2,9). Nhưng trong cái nhìn của bà Evà, cây nằm giữa vườn chính là cây trái cấm: “Người đàn bà nói với con rắn: 'Trái các cây trong vườn, thì chúng tôi được ăn. **Còn trái trên cây ở giữa vườn**, Thiên Chúa đã bảo: 'Các ngươi không được ăn, không được động tới, kéo phải chết’” (St 3,2-3).

Vì sao theo cái nhìn của bà Evà cây nằm ngay giữa vườn là cây trái cấm?

Người ta thường giải thích theo cái nhìn tâm lý rằng, con người thường chỉ nhìn thấy mặt tiêu cực hơn là nhìn thấy điều tốt đẹp. Rất có thể Evà có cái nhìn tiêu cực đó, nên bà nhìn thấy điều cấm đoán là trung tâm của tất cả mọi chuyện. Tuy nhiên, ở đây không đơn thuần là vấn đề tâm lý. Bởi lẽ khi nhắc đến trái cây trong vườn, Evà cũng đã nhìn thấy ân huệ trước, bà nói: “Trái các cây trong vườn, thì chúng tôi được ăn”. Vì thế chúng ta cần giải thích theo nghĩa biểu tượng, một trong những biểu tượng của cây trái cấm đó là sự lựa chọn của con người:

chọn Chúa hay chọn con đường theo tham sân si. Cây trái cấm nằm giữa vườn diễn tả sự lựa chọn mà con người phải đối đầu hằng ngày, một sự lựa chọn nằm ngay trung tâm cuộc sống, ngay trong lòng con người.

9. Hai con đường, Hc 15,11-17

✓ Câu chuyện Áđam Evà cho thấy con người phải chịu trách nhiệm trong sự lựa chọn của mình. Sự lựa chọn này thường được Kinh Thánh diễn tả qua hình ảnh về “hai con đường” (x. Đnl 30,15-18), sách Huấn Ca viết như sau:

“Từ nguyên thủy, chính Chúa đã làm nên con người, và để nó tự quyết định lấy. Nếu con muốn thì hãy giữ các điều răn mà trung tín làm điều đẹp ý Người. Trước mặt con, Người đã đặt lửa và nước, con muốn gì, hãy đưa tay ra mà lấy. Trước mặt con người là cửa sinh cửa tử, ai thích gì, sẽ được cái đó” (Hc 15,14-17).

✓ Cũng như Áđam Evà, từng ngày trong cuộc sống, con người không ngừng chạm trán với cuộc chọn lựa: chọn sống theo ý Chúa, hay chọn nghe

theo lời thụ tạo ham mê danh lợi thú. Tội của Ađam là tội của con người muôn thuở. Bởi lẽ bao lâu còn làm người, tham sân si còn đeo bám; và mỗi khi con người để cho tham sân si làm chủ lương tri, để cho tham sân si điều khiển hành động của mình thì con người đang như Ađam xưa nghe theo lời con rắn hơn nghe lời Thiên Chúa.

Ađam Evà đã không vượt qua được cám dỗ, và mỗi chúng ta cũng không hơn gì Ađam, về điều này thánh Phaolô đã có kinh nghiệm: “Sự thiện tôi muốn thì tôi không làm, nhưng sự ác tôi không muốn, tôi lại cứ làm” (Rm 7,19); cuối cùng thánh Phaolô hướng về Đức Giêsu với lời tạ ơn: “Tôi thật là một người khốn nạn! Ai sẽ giải thoát tôi khỏi thân xác phải chết này? Tạ ơn Thiên Chúa, **nhờ Đức Giêsu Kitô**, Chúa chúng ta!” (Rm 7,24-25).

10. Tội của Ađam - tội của con người muôn thuở

Khi thuật lại câu chuyện Ađam Evà sa ngã, Kinh Thánh không dừng lại ở sự hối tiếc về quá khứ của thời địa đàng. Trái lại, Kinh Thánh nhằm cảnh tỉnh dân Chúa và người đọc, nhận ra hình ảnh

Ađam nơi chính mình, dưới những hình thức khác nhau; nhiều chỗ khác trong Sách Thánh sẽ cho thấy điều này.

Sách ngôn sứ Êdêkien viết: “Có lời ĐỨC CHÚA phán với tôi rằng: Hỡi con người, hãy nói với thủ lãnh của Tyr: Chúa Thượng là ĐỨC CHÚA phán thế này: Vì người đem lòng tự cao tự đại nên người đã nói: “Ta là thần, ta ngự trên ngai các thần, giữa trùng dương.” Người chỉ là người, chứ không phải là thần mà lại dám cho mình ngang hàng với thần thánh” (Ed 28,1-2). Qua đây, người đọc dễ dàng nhận ra hình ảnh Ađam nơi vua thành Tyr: vua thành Tyr tự cho mình là thần mình. Lý do khiến ông nghĩ mình là thần mình đó là vì ông khôn ngoan và giàu có hơn người, Sách Thánh viết: “Vì người rất khôn ngoan và có tài buôn bán, nên của cải người đã tăng lên và người sinh lòng tự cao vì lắm của” (Ed 28,5).

Con người thời nay

✓ Như Ađam xưa đặt cứu cánh đời mình nơi con rắn là loài thụ tạo, con người thời nay chạy theo những phương tiện trần thế như cứu cánh đời

mình, quên cả chiều kích siêu vượt của con người. Một thời, người ta coi khoa học là cứu cánh của nhân loại. Vậy nhưng, trong khi y khoa vẫn còn bất lực trong việc tìm ra phương thuốc chữa trị tận căn một số căn bệnh nan y, thì ngày càng nhiều những thách đố mới của thời đại xuất hiện. Rồi người ta cũng sớm nhận ra, không những bệnh về thể lý, mà căn bệnh về tâm lý cũng là chứng bệnh nan y gây chết người. Một lần nữa, con người lại tự hào về trí tuệ của mình khi khoa tâm lý hình thành và được xem là có khả năng giải quyết những bế tắc. Vậy mà theo thống kê: tỉ lệ “bác sĩ tâm thần” (psychiatrist) tự tử cao hơn gấp 5 đến 7 lần người bình thường nói chung⁴².

✓ Như Æđam xưa muốn loại bỏ Thiên Chúa ra khỏi cuộc sống của mình, con người thời nay chối từ tiếng lương tâm, đến nỗi người ta nhân danh quyền con người, nhân danh nữ quyền để cho ra đời những khoản luật phi luân thường đạo lý, trái luật tự nhiên.

⁴² “Không ai là miễn dịch: Suy ngẫm về một vụ tự tử” (link bài: <https://docraina.com/2019/09/18/no-one-immune-suicide-reflections>).

✓ Như Ađam xưa, con người ngày nay từ chối sống thân phận con người với những giới hạn tất yếu của kiếp người. Người ta tìm đến sự can thiệp của y khoa, của khoa học, bất chấp đạo lý; rồi người ta chạy tìm những can thiệp từ thế giới thần bí. Trong khi đó, sống thân phận con người là chấp nhận những hệ lụy tất yếu của đời người: sinh, lão, bệnh, tử. Chấp nhận đời người với những bấp bênh, rủi ro xen lẫn với may lành, và đảm nhận thất bại như là một phần của cuộc sống. Sống được như vậy đã là một phép lạ giữa đời thường của người có niềm tin.

ÁN PHẠT CỦA THIÊN CHÚA

Phải hiểu thế nào về án phạt Evà trong việc chồng thống trị vợ?

Sau khi hỏi tội Adam và Evà về việc ăn trái cây “biết điều thiện ác”, Thiên Chúa lần lượt ra án phạt cho từng tội nhân, bắt đầu từ con rắn, đến bà Evà và cuối cùng là Adam.

Án phạt trong câu chuyện Adam Evà có những chi tiết gây thắc mắc, chẳng hạn, án dành cho Evà nói đến việc chồng thống trị vợ. Nếu là án phạt Thiên Chúa ra cho Evà, vậy chẳng lẽ việc người chồng thống trị vợ là đang thi hành lệnh của Thiên Chúa sao?

Chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu bản án của từng tội nhân.

1. Án dành cho con rắn

✓ Với con rắn là kẻ cám dỗ, Thiên Chúa phán: “Mi đã làm điều đó, nên mi đáng bị nguyên rủa nhất trong mọi loài súc vật và mọi loài dã thú. Mi phải bò bằng bụng, phải ăn bụi đất mọi ngày trong đời mi. Ta sẽ gây mối thù giữa mi và người đàn bà, giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy; dòng giống đó sẽ đánh vào đầu mi, và mi sẽ cắn vào gót nó” (St 3,14-15).

♦ Điều thứ nhất trong bản án dành cho con rắn liên quan đến đất: ăn đất, và bò bằng bụng tức là lê mình trên đất. Trong bối cảnh của St 3 “Đất” biểu tượng về sự chết (x. St 3,19)⁴³ về sự thấp hèn và thất bại⁴⁴. Bản án dành cho con rắn cho thấy, kẻ cám dỗ là kẻ lê lết vận hành trong sự chết, nuôi sống mình bằng sự chết.

⁴³ Còn trong Is 65,25: hình ảnh rắn ăn bụi đất không mang nghĩa là sự chết, nhưng chỉ là sự yên bình thái hòa.

⁴⁴ Wenham, G. J. (2002). Vol. 1: *Word Biblical Commentary: Genesis 1-15. Word Biblical Commentary* (79). Dallas: Word, Incorporated; Gn 3,14.

♦ Điều thứ hai, bản án dành cho con rắn nói đến sự đối đầu giữa con rắn và dòng dõi người nữ. Đối với loài rắn, “đầu” là chỗ hiểm của chết chóc. Còn hình ảnh “gót chân” có thể gợi đến huyền thoại Hy Lạp về gót chân của Achilles⁴⁵, gót chân là biểu tượng về điểm yếu của con người. Như thế cuộc đối đầu giữa con người và con rắn là cuộc chiến dai dẳng, mỗi bên nhắm vào điểm yếu của nhau và tấn công nhau cho đến cùng. Bản văn không cho biết kết cục thắng bại sẽ về ai. Tuy nhiên vì là bản án Thiên Chúa ngỏ với con rắn, nên hình ảnh dòng dõi người nữ đạp vào đầu con rắn có thể hàm chứa ưu thế của con người trên con rắn⁴⁶.

Với truyền thống Kitô giáo, hình ảnh dòng dõi người nữ đạp vào đầu con rắn được coi là lời tiên báo về cuộc chiến thắng của Đấng Mêsia trên

⁴⁵ Sous le direction de Michel Quesnel et Philippe Gruson, *La Bible et sa culture - L'Ancien Testament*, Desclée de Brouwer, 2000, p. 55-56.

⁴⁶ *The New Interpreter's Bible (12 vols), vol I*. Nashvill: Abingdon Press, 1994, p. 363.

sự dữ⁴⁷, đó là cuộc chiến thắng sự dữ, chiến thắng tử thần của Đức Giêsu qua Khổ Nạn và Phục Sinh.

2. Án phạt dành cho Evà – phải hiểu thế nào về án phạt chống thống trị vợ

Thiên Chúa chất vấn Evà về việc ăn trái cây Thiên Chúa cấm: “Ngươi đã làm gì thế?” (St 3,13) và Evà thưa: “Con rắn đã lừa dối con, nên con ăn” (St 3,13). Lời thú tội của Evà cũng là lời thú nhận về sự yếu hèn của thân phận con người trước sức mạnh của cám dỗ. Tuy nhiên, con người có tự do, nên con người phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Evà là kẻ nghe lời thụ tạo hơn nghe lời Thiên Chúa, và cũng là kẻ cám dỗ người khác. Thiên Chúa tuyên án cho Evà như sau: “Ta sẽ làm cho ngươi phải cực nhọc thật nhiều khi thai nghén; ngươi sẽ phải cực nhọc lúc sinh con. Ngươi sẽ thêm muốn chồng ngươi, và nó sẽ thống trị ngươi” (x. St 3,16).

⁴⁷ *La Bible - Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 59.

✓ Án dành cho Evà nói đến việc chồng thống trị vợ. Tuy nhiên, nếu đây là án phạt Thiên Chúa ra cho Evà, vậy chẳng lẽ những người chồng thống trị vợ là đang thi hành mệnh lệnh của Thiên Chúa sao! Đây là ý nghĩa của án phạt dành cho Evà liên quan đến việc chồng thống trị vợ?

✓ Về vấn đề này, cần trở lại với những đoạn Kinh Thánh về tạo dựng. Trong những trang đầu của Sách Thánh, St 1 và St 2, Thiên Chúa chỉ trao cho con người quyền thống trị trên muôn loài cầm thú, không hề có vấn đề chồng thống trị vợ. Trong tiếng Hípri, từ “thống trị” (לָרֶד) được dùng ở St 3,16 để nói về việc chồng thống trị vợ, được Tv 8,7 dùng để nói về quyền thống trị của con người trên loài thú. Những điều trên cho thấy việc chồng thống trị vợ là hoàn toàn đi ngược với dự định của Thiên Chúa khi dựng nên con người⁴⁸.

✓ Như vậy, án phạt dành cho Evà cho thấy sự thống trị trong tương quan vợ chồng là hậu quả của tội, hậu quả của việc con người chối bỏ Thiên Chúa. Nói cách khác, nếu tương quan con người

⁴⁸ *The New Interpreter's Bible (12 vols), vol I.* Nashville: Abingdon Press, 1994, p. 365.

thiết lập trên sự thống trị nhau - cách riêng, chồng thống trị vợ, và cách chung, con người thống trị nhau - thì con người đang đi vào con đường tội lỗi của Ađam Evà xưa, và đó là điều trái ngược với dự định tốt đẹp của Thiên Chúa khi dựng nên con người. Ân dành cho Evà đặt con người trước “hai con đường”: khi con người chọn sống theo lời của Thiên Chúa, thì vợ chồng tôn trọng nhau và nên một trong tình yêu. Trái lại, khi con người loại trừ Thiên Chúa, thì hậu quả tất yếu đó là sự đổ vỡ trong tương quan vợ chồng.

✓ Qua án phạt dành cho Evà về việc chồng thống trị vợ, Kinh Thánh cho thấy hậu quả của tội đã khiến Ađam mang căn bệnh muốn thống trị. Và đó là thực trạng của con người: con người mang trong mình mầm bệnh ham thích thống trị người khác. Chỉ khi khiêm tốn để ý thức về điều này, chúng ta sẽ nhận ra mình cần đến ơn Chúa, và hiểu hơn về con đường tự hủy của Đức Giêsu.

3. Lời thú tội của Ađam là sự thật chẳng?

✓ Thiên Chúa chất vấn Ađam: “Có phải ngươi đã ăn trái cây mà Ta đã cấm ngươi ăn không?”

(St 3,11) và Ađam thưa: “Người đàn bà Ngài cho ở với con, đã cho con trái cây ấy, nên con ăn” (St 3,11-12).

Câu trả lời của Ađam rất thật, không thêm bớt cũng không cắt xén. Tuy nhiên cách trả lời của Ađam đã hàm chứa sự né tránh trách nhiệm cá nhân⁴⁹. Trong cách nói của Ađam, Thiên Chúa cũng chịu liên lụy khi Ngài trao cho ông người đàn bà khiến cho ông phải sa ngã. Trong khi trước đó, Ađam rất hạnh phúc khi Chúa trao ban Evà cho ông.

✓ Ở đây cũng như câu chuyện tháp Baben (x. St 11,1-9), có thể thấy sự hiệp nhất, sự đồng lòng con người không phải lúc nào cũng tốt, và chân lý không phải lúc nào cũng thuộc về đám đông.

4. Ân dành cho Ađam: phải trở về bụi đất.

Vậy Evà không trở về bụi đất sao?

Ađam là kẻ nghe lời con người hơn vâng lời Thiên Chúa, ân dành cho Ađam như sau:

⁴⁹ *La Bible - Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 59.

“Vì ngươi đã nghe lời vợ và ăn trái cây mà Ta đã truyền cho ngươi rằng: 'Ngươi đừng ăn nó', nên đất đai bị nguyên rủa vì ngươi; ngươi sẽ phải cực nhọc mọi ngày trong đời ngươi, mới kiếm được miếng ăn từ đất mà ra. Đất đai sẽ trở sinh gai góc cho ngươi, ngươi sẽ ăn cỏ ngoài đồng. Ngươi sẽ phải đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn, cho đến khi trở về với đất, vì từ đất, ngươi đã được lấy ra. Ngươi là bụi đất, và sẽ trở về với bụi đất” (St 3,17-19).

✓ Án dành cho Áđam là lao động cực nhọc và trở về bụi đất. Tuy nhiên, với án phạt trở về bụi đất, thì Evà cũng phải trở về bụi đất như Áđam, không riêng gì Áđam; cũng vậy, với sự cực nhọc trong lao động, nếu Áđam là người đàn ông của gia đình phải gánh vác việc lao động, thì sự cực nhọc vì mưu sinh cũng sẽ tác động đến cuộc sống của Evà, không riêng gì Áđam. Như vậy, Áđam chỉ là người đại diện để nhận bản án, và đó là số phận chung của Áđam và Evà khi bị đuổi khỏi vườn địa đàng.

5. Cuộc giao hòa nơi Đức Giêsu

✓ Hậu quả tội Áđam Evà đã dẫn đến sự đổ vỡ các tương quan: tương quan giữa con người

với Thiên Chúa, giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên. Nơi Đức Giêsu, cuộc giao hòa giữa các mối tương quan sẽ được thực hiện.

Trong khi Ađam, kẻ có tội lại đẩy trách nhiệm về người khác, thì Đức Giêsu, Con Thiên Chúa, khi bước xuống sông Giođan chịu phép rửa, Ngài nên một với nhân loại tội lỗi. Đáng vô tội chấp nhận liên lụy, gánh lấy tội của muôn người.

Khi Đức Giêsu bước lên khỏi dòng sông Giođan, Ngài thấy “các tầng trời xé ra”, có tiếng từ trời phán: “Con là Con yêu dấu của Cha, Cha hài lòng về Con” (Mc 1,10-11). Hình ảnh trời xé ra (Từ “xé” là nét riêng của Tin Mừng Marco)⁵⁰, và tiếng phán từ trời diễn tả cuộc giao hòa giữa trời và đất, giữa Thiên Chúa và con người được thực hiện nơi Đức Giêsu.

⁵⁰ Trong khi các Tin Mừng khác dùng từ “trời mở ra”, thì chỉ mình Marco dùng hình ảnh “trời xé ra”. Cách diễn tả này cho thấy một hành động dứt khoát, mạnh mẽ và có tính quyết định.

Sau biến cố chịu phép rửa, Đức Giêsu và hoang mạc, và Tin Mừng Marco cho biết Đức Giêsu “sống giữa loài dã thú, và có các thiên sứ hầu hạ Người” (Mc 1,12-13). Sự việc Đức Giêsu sống giữa loài dã thú gợi đến thời Mêsia được loan báo trong sách ngôn sứ Isaia qua hình ảnh một trẻ thơ vừa cai sữa thọc tay vào hang rắn hổ mang (x. Is 11,6-8). Như thế, cuộc giao hòa giữa con người với thiên nhiên đang được thực hiện nơi Đức Giêsu.

✓ Trong khi Ađam Evà muốn làm thần, và không muốn làm người, thì Con Thiên Chúa xuống thế làm người, sống như con người ngoại trừ tội lỗi; Ngài chọn con đường tự hủy, và phó thác hoàn toàn trong tay Chúa Cha (x. Ep 2,6-11).

LỄ VẬT CAIN CÓ GÌ BẤT XỨNG CHĂNG?

St 4,1-16

Sau trình thuật Adam Evà sa ngã, sách Sáng Thế cho thấy tội lỗi tiếp tục gia tăng và lan tràn,⁵¹ qua các trình thuật: Cain giết Aben, Lụt Hồng Thủy và Tháp Baben.

oOo

Theo tuần tự của những chương đầu sách Sáng Thế, khi xảy ra sự việc Cain giết Aben, trên trái đất chưa có ai khác ngoài Adam, Evà và hai người con là Cain và Aben; vậy mà khi bị Chúa phạt phải lang thang phiêu bạt, Cain than vãn với Chúa rằng

⁵¹ *The New Interpreter's Bible (12 vols), vol I.* Nashvill: Abingdon Press, 1994, p. 336-337.

“bất cứ ai gặp con sẽ giết con” (St 4,14). Tiếp đến trình thuật còn nói đến việc Cain lấy vợ và sinh con (St 4,17); vậy có ai để Cain cưới?

Chúng ta cần nhắc lại vài điều căn bản: chính những điều thiếu logic trên càng nhắc nhở người đọc đừng tìm ở những chương đầu của sách Sáng Thế những thông tin khoa học về sự xuất hiện của những con người đầu tiên trên trái đất. Trái lại, qua những câu chuyện trên, tác giả Kinh Thánh nhằm chuyển tải đến người đọc một thông điệp niềm tin.

✓ Đôi lúc phải chấp nhận rằng, trong Kinh Thánh, có những hình ảnh, những điển ngữ chúng ta không thể hiểu nổi ý nghĩa của nó. Tuy nhiên, đa số đó là những yếu tố phụ, chúng không cản trở nhiều cho việc tìm hiểu thông điệp mà bản văn Kinh Thánh muốn chuyển tải.

✓ Trong câu chuyện Cain Aben, nguyên nhân khiến Cain sát hại em mình khởi đi từ việc Thiên Chúa không đoái nhìn đến lễ vật của Cain. Có thật lễ vật của Cain bất xứng chăng? Chúng ta cùng xem bản văn nói gì.

1. Lễ vật của Cain có gì bất xứng hơn của Aben chẳng?

✓ Việc Cain và Aben dâng lễ vật được miêu tả như sau: “Cain lấy hoa màu của đất đai làm lễ vật dâng lên ĐỨC CHÚA. Aben cũng dâng những con đầu lòng của bầy chiên cùng với mỡ của chúng. ĐỨC CHÚA đoái nhìn đến Aben và lễ vật của ông, nhưng Cain và lễ vật của ông thì Người không đoái nhìn” (St 4,3-5).

Bản văn chỉ nói Cain và Aben, mỗi người dâng lên Chúa lễ vật là những gì họ làm ra. Bản văn không đưa ra lời bình luận nào về phẩm chất của lễ vật Cain hay Aben, cũng không nói gì về sự bất xứng của lễ vật Cain, hay sự tốt đẹp của lễ vật Aben.

✓ Có khuynh hướng cho rằng lễ vật của Aben được miêu tả chi tiết hơn: Aben dâng những con đầu lòng của bầy chiên cùng với mỡ của chúng; còn lễ vật của Cain chỉ được nhắc đến cách chung chung: Cain lấy hoa màu của đất đai làm lễ vật. Từ đó họ suy luận rằng lễ vật của Cain bất xứng hơn lễ vật của Aben. Họ cũng cho rằng, việc Thiên Chúa nhắc nhở nếu Cain hành động tốt thì

hãy ngẩng mặt lên, ngẫm hiểu là Cain đã hành động không tốt.

✓ Tuy nhiên, cách giải thích này đã suy diễn quá xa so với những gì bản văn Kinh Thánh thuật lại. Trong lời Thiên Chúa nói với Cain: “Tại sao ngươi giận dữ? Tại sao ngươi sa sầm nét mặt? Nếu ngươi hành động tốt, có phải là ngươi sẽ ngẩng mặt lên không? Nếu ngươi hành động không tốt, thì tội lỗi đang nằm phục ở cửa, nó thèm muốn ngươi; nhưng ngươi phải chế ngự nó” (St 4,6-7), Thiên Chúa không đánh giá hay khiển trách gì về phẩm chất của lễ vật Cain. Thiên Chúa không có lời giải thích nào giúp Cain biết vì sao lễ vật của Cain bị từ chối. Điều mà Thiên Chúa nói đến chỉ là sự giận dữ của Cain khi bị từ chối lễ vật.

2. Các Rabbi và Tân Ước giải thích về lễ vật Cain như thế nào?

Bản văn Kinh Thánh rõ ràng giữ im lặng về lý do Thiên Chúa từ chối lễ vật của Cain. Vậy mà trong ký ức của Kitô hữu, Cain không tốt, Cain đã dâng Thiên Chúa lễ vật bất xứng. Nguyên nhân là người ta đã nghe đọc trong các thư của

Tân Ước. Thư Do Thái (còn gọi là thư Hípri) có đoạn viết: “Nhờ đức tin, ông Aben đã dâng lên Thiên Chúa một hy lễ cao quý hơn hy lễ của ông Cain” (Dt 11,4). Còn thư thứ nhất của thánh Gioan viết như sau: “Chúng ta đừng bắt chước Cain: nó là người của Ác thần, nên đã giết em mình. Tại sao nó đã giết em? Bởi vì các việc nó làm thì xấu xa, còn các việc em nó làm thì công chính” (1Ga 3,12). Thật ra, cách giải thích nhấn mạnh đến sự bất xứng của Cain đã có từ lâu trong truyền thống Do Thái, theo dạng Midrash (nghĩa là các rabbi đọc Kinh Thánh theo dạng diễn giải⁵²). Theo Midrash, Cain đã hành động như một tên đầy tớ xấu xa: Cain ăn những hoa trái đầu mùa, thứ còn thừa mới đem dâng Thiên Chúa⁵³.

⁵² Midrash, tiếng Do Thái là nghiên cứu, học hỏi, giải thích. Midrash của văn bản Kinh Thánh được thực hiện bởi các rabbi. Đó là bài chú giải Kinh Thánh; họ cũng thường sử dụng huyền thoại để diễn giải Kinh Thánh. (x. *La Bible et sa culture, Ancien Testament*, sous la direction de Michel Quesnel et Philippe Gruson, Desclee de Brouwer, 2000, p. 542).

⁵³ *La Bible et sa culture, Ancien Testament*, sous la direction de Michel Quesnel et Philippe Gruson, Desclee de Brouwer, 2000, p. 63-64.

Như thế, truyền thống Rabbi nhấn mạnh đến sự bất xứng của Cain, còn chính trong câu chuyện Cain Aben thì không hề nói gì về lý do Thiên Chúa từ chối lễ vật của Cain. Vì thế có một hướng giải thích khác, nhấn mạnh đến sự tự do và quyền tối thượng của Thiên Chúa⁵⁴.

♦ Tuy nhiên, khi nói về sự tự do và quyền tối thượng của Thiên Chúa, cần loại ngay hình ảnh về một Thiên Chúa hành xử tùy tiện, muốn làm gì là quyền của Ngài. Bởi lẽ, Thiên Chúa không hành xử một cách tùy tiện, độc tài, độc đoán, vì Ngài là Đấng công minh chính trực và giàu tình thương.

3. Cain bị từ chối không lý do và sự phi lý của cuộc đời

Bản văn Kinh Thánh không cho biết lý do vì sao lễ vật của Cain bị từ chối; trái lại, bản văn Kinh Thánh hướng người đọc đến một kinh nghiệm mà Cain đang phải đối diện: Cain cảm thấy lễ vật của mình bị từ chối một cách vô lý. Không phải Thiên

⁵⁴ *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 60.

Chúa hành xử một cách tùy tiện với Cain, nhưng vì Cain không thể hiểu nổi, không thể lý giải về những gì đang xảy ra với mình, nên Cain sẽ cảm thấy bị Thiên Chúa ruồng bỏ một cách bất công.

✓ Kinh nghiệm của Cain là kinh nghiệm mà trong đó, giữa nguyên nhân và hậu quả của sự việc không phải lúc nào cũng logic và hợp lý⁵⁵. Về điều này Kinh Thánh đã cho nhiều dẫn chứng, chẳng hạn ông Côhelét từng than thở về sự phi lý của cuộc đời như sau: “Còn một chuyện phù vân trên mặt đất này nữa, là người công chính thì gặp phải những chuyện như thể họ đã làm điều gian ác, trong khi người gian ác lại gặp được những chuyện như thể họ đã làm điều ngay chính. Và tôi nói: đó cũng là một chuyện phù vân” (Gv 8,14).

Trong cuộc đời bể dâu này, mỗi người trong chúng ta ít nhiều đã trải qua kinh nghiệm về sự phi lý của cuộc đời: kinh nghiệm của người đã cố gắng nhưng vẫn thất bại, trong khi người kém cỏi hơn về cả tài và đức, nhưng lại thành công; kinh nghiệm

⁵⁵ *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 60.

về việc bị đời ruồng bỏ trong khi kẻ thủ đoạn háo danh lại được trọng dụng. Sống kinh nghiệm về sự phi lý trong cuộc đời, thay vì kết án Cain, người ta sẽ phần nào thông cảm về sự tức giận của Cain và nhận ra hình ảnh Cain nơi chính mình.

4. Thái độ cúi gằm mặt của Cain

✓ Thái độ của Cain khi bị Thiên Chúa từ chối lễ vật được miêu tả như sau: “Cain giận lắm, sa sầm nét mặt” (St 4,4-5). Cụm từ “Cain giận lắm”, kiểu nói Hípri diễn tả một hình ảnh rất cụ thể: Cain nóng bừng lên dữ dội (וַיִּחַר לְקַיִן מְאֹד); nghĩa là toàn thân bị thiêu đốt mãnh liệt, cả con người Cain bị thiêu đốt bởi sự ghen tức. Còn cụm từ “sa sầm nét mặt”, kiểu nói Hípri là mặt của Cain sụp xuống, cúi gằm xuống (וַיִּפֹּל פָּנָיו).

Cain “cúi gằm mặt xuống” là cách để khỏi phải nhìn thấy Aben. Aben không làm gì hại Cain, nhưng Cain không chịu nổi sự hiện diện của Aben vì Cain ghen. Ghen là muốn được điều mà người kia có. Hạnh phúc của Aben lại trở thành nỗi đau cho kẻ bị ruồng bỏ như Cain. Cain cúi gằm mặt xuống, khép kín lòng mình, để sống cảm giác

Aben không tồn tại. Nhưng đó chỉ là tự lừa dối mình, bởi thực tế Aben vẫn đang hiện diện bên cạnh. Chỉ còn cách giết Aben.

5. Hãy ngẩng mặt lên

Trước thái độ tức giận và cúi gằm mặt xuống tiềm ẩn một hành động giết người sắp bùng nổ của Cain, Thiên Chúa ngỏ lời với Cain: “Tại sao ngươi giận dữ? Tại sao ngươi sa sầm nét mặt? Nếu ngươi hành động tốt, có phải là ngươi sẽ ngẩng mặt lên không? Nếu ngươi hành động không tốt, thì tội lỗi đang nằm phục ở cửa, nó thèm muốn ngươi; nhưng ngươi phải chế ngự nó” (St 4,6-7).

Thiên Chúa mời gọi Cain hai điều: “ngẩng mặt lên” và “chế ngự” tội lỗi.

✓ Để có thể ngẩng mặt lên, Cain phải giữ bỏ sự ghen tuông với Aben, và nhất là phải thay đổi lối nhìn về Thiên Chúa: Thiên Chúa xử sự với Cain không như Aben, điều đó không có nghĩa là Thiên Chúa ruồng bỏ Cain. Tương quan của Thiên Chúa với Cain và Aben không giới hạn ở việc Thiên Chúa đoái nhìn lễ vật người này và không đoái

nhìn lễ vật của người kia. Cain phải vượt lên những logic, những suy nghĩ thường tình của con người để đi vào tương quan mới với Thiên Chúa.

✓ Thiên Chúa mời gọi Cain “ché ngự” tội lỗi. Ở đây, tội lỗi được trình bày như con thú dữ “nằm phục ở cửa” để rình mồi. Từ “ché ngự” (לִשְׁמֹרֶת) cùng gốc động từ được dùng đến ở Tv 8,7, đề nói về quyền làm chủ của con người trên loài thú (x. Tv 8,7-9). Và để có thể làm chủ loài thú, trước hết con người phải biết làm chủ thú tính của mình; Cain đã không làm chủ được thú tính của mình, nên đã giết Aben.

6. “Ngẩng mặt lên”- điều mà Cain đã không làm nổi, hậu thế sẽ làm

✓ Sau tội kiêu ngạo của nguyên tổ, tội điển hình thứ hai của nhân loại mà Kinh Thánh đề cập đến đó là tội ghen tuông của Cain. Ghen tuông là thực trạng chung của con người, vì mỗi người đều mang thân phận Áđam. Người ta ghen nhau ngay cả trong lãnh vực đạo đức thánh thiện như Cain ghen với Aben trong việc dâng lễ vật cho Thiên Chúa.

✓ Tuy nhiên ghen tuông chưa hẳn là tội, Kinh Thánh cho thấy các ngôn sứ như Giêrêmia, Khabacúc (x. Gr 12,1-6; Kb 1,2-4) cũng như Thánh vịnh gia đã trải qua kinh nghiệm của Cain. Thánh vịnh gia đã không ngại thưa với Chúa về sự ghen tuông của mình như sau: “Thế mà tôi đã gần như hụt bước, một chút nữa là tôi phải trượt chân, bởi ganh tị những người lên mặt và thấy ác nhân thịnh đạt hoài” (Tv 73,2-3). Rồi cuối hành trình suy gẫm sự phi lý của cuộc đời, Thánh vịnh gia đã nhận ra rằng chính Chúa là nguồn hạnh phúc đích thực, còn những thứ khác không là gì cả, và ông đã thưa với Chúa: “Còn hạnh phúc của con là ở kề bên Chúa” (Tv 73,28).

Thay vì cúi gằm mặt xuống, khép kín lòng mình lại trong tức giận và ghen tuông, các vị ngôn sứ cũng như Thánh vịnh gia đã biết “ngẩng đầu lên” mở lòng mình ra với Thiên Chúa.

7. Ghen tuông là không nhận ra tình yêu của Thiên Chúa dành riêng cho mình

✓ Ghen tuông rất nguy hiểm vì nó là khởi đầu đưa đến tội sát nhân. Nhưng nguyên nhân đưa đến

ghen tuông thường bắt đầu bằng một điều mà người ta vẫn làm đó là so sánh mình với người khác, như Cain ngầm so sánh với Aben về việc Thiên Chúa nhận lễ vật của Aben mà không đoái nhận lễ vật của mình. Sự so sánh với người khác hàm chứa điều nguy hại, nó thường đưa đến tự ti mặc cảm khi thấy mình thua kém; và nó cũng là mầm mống của tự tôn kiêu ngạo khi thấy mình hơn người khác.

✓ Người ta ghen tuông là vì người ta chỉ nhìn vào những cái được mất ở đời này; trong khi những thứ được mất ở đời này là phù vân, và thuộc về thế giới vô thường, còn tình yêu của Thiên Chúa dành cho mỗi người là tình yêu vĩnh cửu. Mỗi người phải xác tín rằng tình yêu Thiên Chúa dành riêng cho mình rất cá vị. Không có lý do gì để chúng ta nghi ngờ mình ít được yêu hơn người khác. Bởi lẽ nếu chúng ta tội lỗi, thì chúng ta lại càng là đối tượng tình yêu của Đức Giêsu, vì chính Ngài đã khẳng định: “Tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi” (Mt 9,13). Nếu chúng ta kém may mắn hơn người khác, thì chúng ta càng không nên nghi ngờ tình yêu của Thiên Chúa, bởi vì chúng ta đang được mời gọi tháp nhập

vào màu nhiệm Khổ Nạn của Đức Giêsu trên con đường Thập Giá.

✓ Sống thân phận con người là chấp nhận cuộc đời có nhưng điều xem ra bất công phi lý, nó vượt ngoài logic của con người và không sao lý giải nổi. Thay vì “cúi gằm mặt xuống” như Cain, chúng ta được mời gọi “ngẩng mặt lên” ở từng chặng đường của cuộc đời mình.

LỤT HỒNG THỦY

Thiên Chúa tình yêu - Thiên Chúa trừng phạt! St 6-9

Trong câu chuyện Cain giết Aben, tội ở tầm mức cá nhân, với câu chuyện Lụt Hồng Thủy, tội lỗi ở mức đại đồng, phổ quát: “mọi xác phàm đã theo nếp sống hư hỏng trên mặt đất” (St 6,12).

Với tầm mức tội của “mọi xác phàm”, hình phạt tương xứng sẽ là Lụt Hồng Thủy xóa sạch mọi thứ trên mặt đất. Vậy hiểu thế nào về Thiên Chúa nhân từ và yêu thương?

Chúng ta sẽ tìm hiểu câu chuyện Lụt Hồng Thủy về những vấn nạn riêng của nó.

CÂU CHUYỆN CON TRAI THIÊN CHÚA LẤY CON GÁI LOÀI NGƯỜI

Trước câu chuyện Lụt Hồng Thủy, Sách Thánh nói đến câu chuyện con trai Thiên Chúa lấy con gái loài người. Câu chuyện rất ngắn, nhưng đây là một trong những đoạn Kinh Thánh khó hiểu nhất của sách Sáng Thế, bởi chi tiết “con trai Thiên Chúa lấy con gái loài người”.

Câu chuyện như sau: “Vậy khi loài người bắt đầu thêm đông trên mặt đất, và sinh ra những con gái, thì các con trai Thiên Chúa thấy con gái loài người xinh đẹp; những cô họ ưng ý thì họ lấy làm vợ. ĐỨC CHÚA phán: 'Thần khí của Ta sẽ không ở lại mãi mãi trong con người, vì con người chỉ là xác phàm, tuổi đời của nó sẽ là một trăm hai mươi năm'" (St 6,1-3).

✓ Người ta thắc mắc: “con trai Thiên Chúa” có nghĩa là gì? Các nhà chú giải đưa ra những giải thích khác nhau⁵⁶, trong đó lỗi giải thích dựa trên lễ nghi tôn giáo mang màu sắc tính dục của thời Cựu Ước có thể giúp hiểu phần nào ý nghĩa của câu chuyện.

Thời Cựu Ước, các dân láng giềng của Ítraen thường tìm cách nối kết với thế giới thần minh. Họ thể hiện mong muốn kết nối đó qua các lễ nghi, trong đó có lễ nghi sùng bái mang tính sinh sản của miền Canaan và nghi thức kết hôn thần thánh của miền Luỡng Hà Địa⁵⁷. Trong các lễ nghi này, người ta quan hệ tình dục với những người gọi là “điểm thần thánh”, tức là những người làm điểm sống trong các đền thờ. Đây là cách mà con người phóng chiếu sang cõi bên kia một vị thần minh, rồi dùng nghi lễ để đòi thần minh phải phục vụ

⁵⁶ Wenham, G. J. (2002), *Vol. 1: Word Biblical Commentary: Genesis 1-15. Word Biblical Commentary (139)*. Dallas: Word, Incorporated; Gn 6,2.

⁵⁷ Wenham, G. J. (2002). *Vol. 1: Word Biblical Commentary: Genesis 1-15. Word Biblical Commentary (139)*. Dallas: Word, Incorporated; Gn 6,2.

con người⁵⁸. Như vậy, kiêu nói “con trai Thiên Chúa lấy con gái loài người” gọi đến nghi lễ tôn giáo mang màu sắc tính dục, và là hiện thân của tôn giáo thờ thần Baal. Đối với Ítraen, đây là một thực hành đồi bại, và là tội thờ tà thần. Như thế, câu chuyện “con trai Thiên Chúa lấy con gái loài người” đóng vai trò dẫn vào câu chuyện Lụt Hồng Thủy, nó cho thấy tội lỗi của con người lan tràn, và tội là nguyên nhân đưa tới cơn thịnh nộ của Thiên Chúa⁵⁹.

⁵⁸ Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1^{er} 1980), p. 20.

⁵⁹ *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB)*. Paris: Cerf, 2011, p. 63- footnote, Gn 6,1.

CÂU CHUYỆN LỤT HỒNG THỦY

1. Tội lỗi và Lụt Hồng Thủy

✓ Mở đầu câu chuyện Lụt Hồng Thủy cho thấy tình trạng tội lỗi quá mức của con người và chính Thiên Chúa nhìn **thấy**: “ĐỨC CHÚA **thấy** rằng sự gian ác của con người **quá là nhiều** trên mặt đất” (St 6,5). Thiên Chúa không chỉ nhìn thấy hành động bên ngoài, mà còn nhìn thấy bên trong tâm hồn, Ngài biết rõ ý định và động cơ của những hành động của con người: “lòng nó chỉ toan tính những ý định xấu suốt ngày” (St 6,5).

Kinh Thánh diễn tả tâm trạng của Thiên Chúa trước sự gian ác của con người như sau: “ĐỨC CHÚA hối hận vì đã làm ra con người trên mặt đất, và Người buồn rầu trong lòng” (St 6,6).

Thiên Chúa “hối hận” và “buồn rầu”, kiểu nói nhân hình hóa này cho thấy tính nghiêm trọng của tội lỗi, nghiêm trọng đến nỗi mà Thiên Chúa phải hối hận và buồn rầu. Mặt khác, kiểu nói này còn cho thấy Thiên Chúa không hề thờ ơ trước tội lỗi của con người⁶⁰. Thiên Chúa hối hận, điều đó có nghĩa là Thiên Chúa sẽ thay đổi, sẽ làm điều ngược lại⁶¹: trước đây Ngài đã dựng nên con người, thì nay Ngài sẽ tiêu diệt: “Ta sẽ xoá bỏ khỏi mặt đất con người mà Ta đã sáng tạo, từ con người cho đến gia súc, giống vật bò dưới đất và chim trời, vì Ta hối hận đã làm ra chúng” (St 6,7).

✓ Tất cả những cách diễn tả trên làm nổi bật tình trạng nghiêm trọng của tội lỗi, và tội lỗi chính là nguyên nhân đưa đến Lụt Hồng Thủy, đồng thời cho thấy Thiên Chúa đã xem xét tường tận tình trạng này. Như thế việc Thiên Chúa giáng Lụt Hồng Thủy là hoàn toàn thích đáng và công minh. Sự công minh của Chúa còn được diễn tả

⁶⁰ *The New Interpreter's Bible (12 vols), vol I.* Nashvill: Abingdon Press, 1994, p. 389.

⁶¹ *La Bible – Notes Integrales Traduction Oecumenique (TOB).* Paris: Cerf, 2011, p. 63.

qua việc Chúa không đề ông Noê, một người công chính, phải chịu chung án phạt Lụt Hồng Thủy như những kẻ tội lỗi.

✓ Việc nhấn mạnh tội lỗi là nguyên nhân đưa đến Lụt Hồng Thủy còn được nhắc lại lần nữa ở St 6,11-12: “Đất đã ra hư hỏng trước nhan Thiên Chúa và đầy bạo lực. Thiên Chúa nhìn đất và thấy nó đã ra hư hỏng, vì mọi xác phàm đã theo nếp sống hư hỏng trên mặt đất” (St 6,11-12). Lần này bản văn nhấn mạnh đến tính phổ quát của tội qua hình ảnh: “mọi xác phàm đã theo nếp sống hư hỏng trên mặt đất”. Kiểu nói “đất ra hư hỏng” diễn tả tác hại của tội lỗi, tự nó đã gây ra sự hủy hoại mặt đất, Lụt Hồng Thủy sẽ là điều phải đến.

2. Lụt Hồng Thủy -

Sự đảo ngược công trình sáng tạo

✓ Lụt Hồng Thủy được miêu tả với hình ảnh vừa là nước trên trời đổ xuống và vừa là nước từ mặt đất dâng lên, Sách Thánh viết: “Vào ngày đó, tất cả các mạch nước của vực thẳm vĩ đại bật tung, các cống trời mở toang. Mưa đổ xuống đất bốn mươi ngày bốn mươi đêm” (St 7,11-12). Tiếp đến

là hình ảnh nước dâng lên nhận chìm cả mặt đất: “Nước dâng và tăng thêm nhiều trên mặt đất, và tàu lênh đênh trên mặt nước. Nước dâng lên ngày càng nhiều trên mặt đất, và mọi núi cao khắp nơi dưới gầm trời đều bị phủ lấp. Nước dâng lên cao hơn núi bảy thước khiến núi bị phủ lấp” (St 7,18-20).

Trong khi trình thuật tạo dựng nói đến hình ảnh cái vòm, có nhiệm vụ phân rẽ nước thành hai khối, khối bên trên và khối bên dưới (x. St 1,6-7), thì với Lụt Hồng Thủy, nước của vực thẳm bật tung, và các cổng trời mở toang, nước bên trên và nước bên dưới vòm nhập làm một, không còn sự phân rẽ. Đó là hình ảnh đảo ngược với cuộc sáng tạo, và vũ trụ trở về cội hỗn mang nguyên thủy. Nước không còn tuân theo luật định ban đầu của tạo dựng, thiên nhiên trở nên công cụ của Thiên Chúa, chống lại con người tội lỗi.

3. Thiên Chúa là Đấng công minh nhưng cũng là Đấng cảm thông về sự yếu đuối của con người

✓ Lụt Hồng Thủy được miêu tả như một cuộc nổi loạn hung dữ của thiên nhiên, nhưng kết thúc

khá nhẹ nhàng theo lệnh của Thiên Chúa; chỉ cần một ngọn gió thổi qua, là nước trở về với trật tự ban đầu của nó: “Thiên Chúa nhớ đến ông Nôê, mọi thú vật và mọi gia súc ở trong tàu với ông. Thiên Chúa cho gió thổi ngang qua đất, và nước hạ xuống. Các mạch nước của vực thẳm và các cống trời đóng lại; trời tạnh mưa. Nước từ từ rút khỏi mặt đất” (St 8,1-3). Những hình ảnh trên làm nổi bật vai trò chủ tể của Thiên Chúa: Thiên Chúa cho xảy ra Lụt Hồng Thủy và cũng chính Ngài cho ngưng lại. Trình thuật Lụt Hồng Thủy cũng là lời tuyên xưng rằng Thiên Chúa đang vận hành vũ trụ này.

✓ Sau Lụt Hồng Thủy, Thiên Chúa tự nhủ từ nay sẽ không dùng hình phạt Lụt Hồng Thủy nữa, Sách Thánh viết về lời của Thiên Chúa như sau: “Ta sẽ không bao giờ nguyên rửa đất đai vì con người nữa. Lòng con người toan tính điều xấu từ khi còn trẻ, nhưng Ta sẽ không bao giờ còn sát hại mọi sinh vật như Ta đã làm!” (St 8,21). Trình thuật cho biết nguyên nhân mà Thiên Chúa không dùng Lụt Hồng Thủy là vì hình phạt Lụt Hồng Thủy

không làm thay đổi gì hơn về sự yếu đuối tội lụy của con người⁶².

✓ Như thế, vì Thiên Chúa thấu hiểu sự yếu đuối của con người, nên con người có thể cậy trông vào lòng khoan dung tha thứ của Thiên Chúa. Đây chính là kinh nghiệm của Isarel; bởi lẽ đối với dân Chúa, kinh nghiệm về thân phận con người tội lỗi luôn đi đôi với kinh nghiệm về lòng khoan dung tha thứ của Thiên Chúa. Về điều này, Thánh vịnh gia đã viết: “Như đông đoài cách xa nhau ngàn dặm tội ta đã phạm, Chúa cũng ném thật xa ta. Như người cha chạnh lòng thương con cái, CHÚA cũng chạnh lòng thương kẻ kính tôn. Người quá biết ta được nhồi nắn bằng gì, hỡi Người nhớ: ta chỉ là cát bụi.” (Tv 103,12-14).

✓ Lụt Hồng Thủy chuyển trao một thông điệp hy vọng hơn gây khiếp sợ. Nó cho thấy thế giới này không bị bỏ mặc cho sự dữ, Thiên Chúa vẫn dẫn dắt thế giới đi trong trật tự của luân thường

⁶² Wenham, G. J. (2002). *Vol. 1: Word Biblical Commentary: Genesis 1-15. Word Biblical Commentary (190)*. Dallas: Word, Incorporated, Gn 8,21.

đạo lý. Thiên Chúa, Đấng vận hành thế giới này là Đấng công minh chính trực, nhưng đồng thời Ngài cũng là Đấng cảm thông với thân phận con người yếu đuối tội lụy.

4. Thiên Chúa tình yêu – Thiên Chúa trừng phạt!

✓ Người ta thường thắc mắc: vì sao Thiên Chúa tình yêu lại trừng phạt con người bằng Lụt Hồng Thủy? Tuy nhiên một sự thật đáng lo ngại đó là con người thường đánh mất ý thức về tội. Kinh Thánh mạc khải cho con người về một Thiên Chúa nhân lành thứ tha tội lỗi, nhưng đồng thời Kinh Thánh cũng khẳng định Thiên Chúa là Đấng công minh. Trong khi con người dễ đánh mất ý thức về tội, thì câu chuyện Lụt Hồng Thủy trong Kinh Thánh, và những hình ảnh về sự trừng phạt của Thiên Chúa trong Cựu Ước nói chung, sẽ cho con người nhận ra tính nghiêm trọng của tội lỗi. Ý thức tính nghiêm trọng của tội lỗi, con người sẽ hiểu hơn về lòng thương xót thứ tha của Thiên Chúa.

Vì thế, Giáo hội, qua tài liệu của Ủy Ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, nhấn mạnh rằng đừng bao giờ

tách rời hình ảnh Thiên Chúa công minh ra khỏi hình ảnh Thiên Chúa tình yêu⁶³. Phải đọc Kinh Thánh trong sự thật trọn vẹn của nó, đừng nhấn mạnh điều này mà quên điều kia.

Ngay cả Đức Giêsu trong Tân Ước, Ngài rất nhân từ với những người tội lỗi, điều đó không có nghĩa là Ngài dung túng cho tình trạng tội lỗi; trái lại lòng nhân từ của Đức Giêsu mở ra cho người tội lỗi con đường sám hối trở về về chính lộ. Khi Đức Giêsu gọi người thu thuế bị coi là tội lỗi như Máthêu, thì để đi theo Thầy, Máthêu đã phải từ bỏ cái nghề bị coi là bất chính, để làm lại cuộc đời (Lc 5,27-28). Đức Giêsu cũng cho biết, nếu Nước Trời vui mừng về người tội lỗi, thì đó phải là người tội lỗi sám hối, chứ không phải người tội lỗi đứng lì trong nẻo đường bất hảo: “Cũng thế, tôi nói cho các ông hay: giữa triều thần Thiên Chúa, ai nấy sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn sám hối.” (Lc 15,10).

⁶³ Ủy ban Kinh Thánh Giáo Hoàng, *Linh hứng và chân lý trong Kinh Thánh*, 2014, số 126.

✓ Đôi khi người ta nghĩ, giả như không có những hình ảnh về Thiên Chúa trừng phạt của Cựu Ước, có lẽ người đời sẽ dễ tin vào Thiên Chúa hơn. Tuy nhiên, nếu chỉ tìm những hình ảnh về Thiên Chúa hợp với não trạng của con người, e rằng người ta đang vẽ ra một Thiên Chúa của các triết gia hơn là Thiên Chúa của mạc khải.

Thực ra những giả định “nếu mà...” đã từng được dùng để thách thức hơn là để tìm chân lý (chẳng hạn dưới chân Thập Giá)⁶⁴. Nói cách khác, khi một người không có thiện chí đi tìm chân lý, thì họ có đủ lý lẽ để không tin vào Thiên Chúa. Nếu có bỏ hết các đoạn Kinh Thánh mang tính bạo lực, thì người thách thức niềm tin vẫn còn vô vàn lý lẽ khác để bắt bẻ niềm tin.

⁶⁴ “Nếu như... giả như”, đó là những kiểu nói đã từng xảy dưới chân Thập Giá, người Do Thái đã thách thức Đức Giêsu: “Nếu mi là Con Thiên Chúa, thì xuống khỏi thập giá xem nào!” (Mt 27,40), và rằng “Ông Kitô vua Ítraen, cứ xuống khỏi thập giá ngay bây giờ đi, để chúng ta thấy và tin” (Mc 15,32). Họ sẵn sàng tin, nhưng là tin vào một Đấng Mêsia không Thập Giá. Cho đến khi Đức Giêsu Phục Sinh, họ lại có lý do khác để chống chế và từ chối không tin.

Chúng ta cố gắng giúp nhau tìm hiểu thông điệp lời Chúa, điều này chỉ có ích đối với những người thiện chí đi tìm chân lý, và giúp nhau củng cố đức tin. Chúng ta không có tham vọng hùng biện để thuyết phục người thách thức niềm tin. Bởi lẽ, đức tin không phải là kết quả của một hành trình lý luận logic, mà là ân huệ Chúa ban.

5. Có thật tội lỗi có thể tác động đến môi trường chẳng?

✓ Trình thuật Lụt Hồng Thủy nhấn mạnh rằng vì tội lỗi của con người mà Thiên Chúa hủy diệt tất cả những mọi thứ trên mặt đất (x. St 6,6-7), vì tội lỗi của con người mà mặt đất bị hư hỏng (x. St 6,11-12).

Nhiều chỗ khác trong Kinh Thánh cũng nói về sự hệ lụy của tội lỗi đối với thiên nhiên (x. St 3,17; Hs 4,2-3). Ngôn sứ Giêrêmia cũng từng than thở với Chúa: “Cho đến bao giờ xứ sở còn tang tóc, và cỏ rả ngoài đồng còn héo khô? Vì tội ác của dân cư trong xứ mà thú vật và chim muông đều biến sạch.” (Gr 12,4).

✓ Kinh Thánh khẳng định tội lỗi kéo theo sự hủy hoại đối với thiên nhiên, điều này đúng cả trên bình diện tinh thần lẫn vật chất. Người ta có thể ghi nhận ngay trong cuộc sống hiện tại về sự việc trái đất hư hỏng vì tội lỗi của con người. Bởi lẽ khi con người lấy vật chất làm mục đích và lẽ sống của đời mình, người ta có thể làm tất cả vì lợi ích của phe nhóm riêng, bất chấp cả hậu quả tác hại đến môi trường sống của nhân loại, khiến cho, không những đất bị hư hỏng mà cả biển khơi và bầu khí quyển bị ô nhiễm.

Ở tầm mức quốc tế, chúng ta có thể nói đến thảm họa nổ lò hạt nhân Chernobyl ở Ukraina, (khi ấy còn là một phần của Liên Bang Xô Viết), vào năm 1986. Thảm họa này phát ra lượng phóng xạ lớn gấp bốn trăm lần so với quả bom nguyên tử được ném xuống Hiroshima⁶⁵.

Ở tầm mức quốc gia, tại Việt Nam, vụ chất thải Formosa, bị xếp đứng đầu thảm họa môi trường năm 2016⁶⁶. Chúng ta cũng nghe biết nhiều con

⁶⁵ *Thảm họa Chernobyl* – theo Wikipedia.

⁶⁶ Theo tuoitre.vn.

sông trên thế giới bị gọi là “những con sông chết” do bị ô nhiễm bởi rác thải.

✓ Tuy nhiên, bên cạnh hình ảnh về tội lỗi làm liên lụy đến thiên nhiên, Kinh Thánh còn cho biết khi con người được hưởng tự do và vinh quang của con cái Chúa, thì thiên nhiên cũng được thông phần, thư Rôma viết như sau: “Quả thế, muôn loài đã lâm vào cảnh hư ảo, không phải vì chúng muốn, nhưng là vì Thiên Chúa bắt chịu vậy; tuy nhiên, vẫn còn niềm trông cậy là có ngày cũng sẽ được giải thoát, không phải lệ thuộc vào cảnh hư nát, mà được cùng với con cái Thiên Chúa chung hưởng tự do và vinh quang” (Rm 8,20-21).

6. Những trận sóng thần, lụt hồng thủy ngày nay phải chăng là hình phạt?

✓ Ngày nay những trận lũ lụt kinh hoàng vẫn xảy ra nhiều nơi, khiến nhiều người nghĩ đến hình phạt thời Noê; bởi lẽ người ta nhận thấy sự gian ác của con người thời nay không thua gì thời của Noê.

✓ Tuy nhiên khi nói về thiên tai như là án phạt nhãn tiền, người Kitô hữu cần nhớ lời dạy của

Đức Giêsu qua câu chuyện những người Galilê bị tổng trấn Philatô giết, Đức Giêsu nói: “Các ông tưởng mấy người Galilê này phải chịu số phận đó vì họ tội lỗi hơn mọi người Galilê khác sao? Tôi nói cho các ông biết: không phải thế đâu; nhưng nếu các ông không sám hối, thì các ông cũng sẽ chết hết như vậy” (Lc 13,2-3).

✓ Có người còn gán ghép tất cả các biến cố tai họa là ý Chúa, Chúa muốn vậy... Những cách giải thích như trên đã bị Kinh Thánh, qua sách Gióp, phản đối, vì vô tình biến Thiên Chúa thành vị hung thần. Mặt khác, chúng ta không phải là ngôn sứ để biết rõ biến cố nào thực sự là Thiên Chúa cho xảy ra. Trong khi đó, Kinh Thánh nhiều lần mời gọi con người khiêm tốn khi nói về đau khổ, bởi lẽ đau khổ là một huyền nhiệm, nó vượt khả năng giải thích của con người (x. sách G, Gv). Chính Đức Giêsu cũng không đưa ra lời giải thích về nguyên nhân đau khổ trong trường hợp của anh mù từ bẩm sinh (x. Ga 9,1-5). Tuy nhiên, có một điều chắc chắn đó là, dù thế nào thì sự dữ vẫn không phải là tiếng nói cuối cùng, sự dữ không toàn năng. Với người tin, những biến cố đau thương không thể vùi

đập họ trong tuyệt vọng, vì họ tin chắc Thiên Chúa yêu họ, Ngài sẽ vạch đường thẳng trên nét cong của cuộc đời mình.

✓ Con người thường có khuynh hướng đi tìm nguyên nhân của tai họa, của đau khổ, và người ta thường theo thuyết nhân quả: đau khổ là hậu quả của tội lỗi, của sự gian ác của con người. Nhưng chúng ta biết, trong số nạn nhân của thiên tai, có cả dân lành và trẻ em vô tội, trong khi đó những kẻ gian ác vẫn bình an vô sự. Nói cách khác, thuyết nhân quả nhãn tiền ngay ở đời này chỉ thích hợp cho những người tin ở nghiệp của kiếp trước truyền lại, hoặc tin vào tội phúc mà đời cha ông gây ra và đời con phải chịu. Còn với Kitô hữu thì không đơn thuần như vậy, chúng ta có thể đọc thấy điều này qua cuộc đối thoại giữa Đức Giêsu với các môn đệ về người mù bẩm sinh: “Thưa Thầy, ai đã phạm tội khiến người này sinh ra đã bị mù, anh ta hay cha mẹ anh ta?” Đức Giêsu trả lời: “Không phải anh ta, cũng chẳng phải cha mẹ anh ta đã phạm tội. Nhưng sở dĩ như thế là để thiên hạ nhìn thấy công trình của Thiên Chúa được tỏ hiện nơi anh” (Ga 9,2-3).

✓ Người Kitô hữu tin có thưởng phạt, có nhân quả, nhưng không phải lúc nào hậu quả tất yếu cũng đều xảy ra ngay ở đời này. Cách Thiên Chúa thưởng phạt vượt trên logic của con người, vượt xa những gì mà con người chờ mong ở đời này, và dụ ngôn thợ làm vườn nho vào giờ thứ mười một giúp hiểu hơn về điều này (x. Mt 20,1-16). Đức Giêsu hướng chúng ta về phần thưởng, về hạnh phúc vĩnh cửu: “Anh em hãy vui mừng hơn hở, vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao” (Mt 5,12). Người Kitô hữu mong chờ sự thưởng phạt từ Thiên Chúa, nhưng trên hết, họ cậy trông vào lòng thương xót và sự tha thứ của Thiên Chúa.

7. Những tai ương hiện nay phải chăng là dấu chỉ ngày tận thế?

Trước những tai ương lũ lụt, trong khi có người nghĩ đến hình phạt của thời Noê, thì không ít người lại hoang mang nghĩ đến ngày tận thế.

✓ Thật ra Tin Mừng có nhắc đến câu chuyện Lụt Hồng Thủy để nói về ngày tận thế như sau: “Quả thế, thời ông Nôê thế nào, thì ngày Con Người quang lâm cũng sẽ như vậy” (Mt 24,37).

Tuy nhiên, khi nhắc đến câu chuyện Lụt Hồng Thủy, Đức Giêsu không nhằm nói về thời điểm xảy ra ngày tận thế, trái lại nhằm nhấn mạnh về sự bất ngờ của ngày tận thế, và mời gọi con người luôn trong tư thế sẵn sàng, Ngài nói: “Vậy anh em hãy canh thức, vì anh em không biết ngày nào Chúa của anh em đến” (Mt 24,42).

Trong khi Đức Giêsu nhấn mạnh rằng không ai có thể biết về thời giờ của ngày tận thế, thì nhiều người lại bận tâm đến những giải mã về thời điểm của ngày tận thế! Thực chất điều đó chỉ nhằm thỏa mãn sự tò mò một cách vô bổ, và người ta lại bỏ qua thông điệp quan trọng của Lời Chúa đó là tỉnh thức và sẵn sàng.

Chúng ta đừng để mình bị lừa về những đồn đoán liên quan đến ngày tận thế; người Kitô hữu sẽ không đi tìm câu trả lời nào khác ngoài chính lời dạy của Đức Giêsu đã được ghi lại trong Tin Mừng: “Về ngày và giờ đó thì không ai biết được, ngay cả các thiên sứ trên trời hay cả người Con cũng không; chỉ một mình Chúa Cha biết mà thôi” (Mt 24,36).

8. Kinh nghiệm về sự vô thường, sự phù du của kiếp người

✓ Câu chuyện Lụt Hồng Thủy không giúp gì cho sự tò mò về thời điểm ngày tận thế, nhưng nó diễn tả kinh nghiệm về thân phận mong manh của kiếp người trước sức mạnh đáng sợ của thiên nhiên, đồng thời cũng là kinh nghiệm về sự tạm bợ của vũ trụ, của thế giới hữu hình này. Chính kinh nghiệm về sự phù du của đời người, về sự vô thường của thế giới hữu hình này, mà câu chuyện Lụt Hồng Thủy mang một thông điệp liên quan đến ngày tận thế. Bởi lẽ nếu ngày cùng tận đối với toàn thể vũ trụ xem ra xa vời, thì ngày cùng tận của mỗi người – của tiểu vũ trụ đời người, là điều hiển nhiên. Không ai tồn tại mãi trên cõi đời này, không ai tránh khỏi cái chết, chỉ là sớm hay muộn, cùng lắm là trên dưới 100 năm.

♦ Làm người, ai cũng phần nào thấm thía về sự phù du của kiếp người, sự vô thường của cuộc đời. Những trận sóng thần như trận sóng thần

Ấn Độ Dương vào năm 2004⁶⁷, trận động đất và sóng thần ở Tōhoku, Nhật Bản, vào năm 2011⁶⁸; chúng quét sạch và san bằng tất cả những gì mà con người đã miệt mài tích góp, và giành giật nhau để có được, nay tất cả trở về hư không. Bên cạnh sóng thần lũ lụt, những biến động khác của thiên nhiên như động đất, núi lửa cũng từng xóa sổ nhiều thành thị trong lịch sử. Chẳng hạn, hai thành phố cổ Pompeii và Herculaneum, được coi là một trong những thành thị nổi bật vào thời cực thịnh của Đế quốc La Mã. Cả hai thành phố này đã bị chôn vùi dưới lớp bùn và tro bởi trận phun trào của núi lửa Vesuvius ở Ý, vào năm 79 thời Công Nguyên⁶⁹. Sự vô thường của cuộc đời, của thế giới hữu hình này cho thấy mọi sự trên đời này sẽ có ngày tận số của nó, điều đó giúp con người nhận ra phần nào sự thật về ngày tận thế.

⁶⁷ Động đất và sóng thần Ấn Độ Dương 2004 - Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

⁶⁸ Động đất và sóng thần Tōhoku 2011- Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

⁶⁹ *Pompeii* – Bách khoa toàn thư mở Wikipedia; *Herculaneum* – Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

✓ Viễn tượng thế giới trở về hư vô, trở về hỗn mang, thường khiến con người hoang mang sợ hãi, và Đức Giêsu nói về điều này như sau: “Người ta sợ đến hồn xiêu phách lạc, chờ những gì sắp giáng xuống địa cầu, vì các quyền lực trên trời sẽ bị lay chuyển” (Lc 21,26). Nhưng đó là nỗi sợ của những ai bám vào thế giới vật chất như là cùng đích của đời mình, nên khi thế giới vật chất tan biến là họ khiếp sợ, vì không còn nơi nương tựa. Trái lại, người Kitô hữu vững tâm với lời dạy của Đức Giêsu: “Khi những biến cố ấy bắt đầu xảy ra, anh em hãy đứng thẳng và ngẩng đầu lên, vì anh em sắp được cứu chuộc” (Lc 21,28).

✓ Thay vì hoảng loạn bất an chạy theo những suy đoán về thời khắc ngày tận thế một cách vô ích, con người cần học để sống kinh nghiệm về sự vô thường của cuộc đời. Những thắc mắc về nguyên nhân vì sao Thiên Chúa lại để xảy ra thiên tai, những khắc khoải về ý nghĩa của đau khổ, và cả sự phi lý của cuộc đời, tất cả sẽ là dịp đưa con người đối diện với sự thật về sự vô thường của cuộc đời. Chính những điều này đẩy con người vượt lên những tham sân si để đi tìm

ý nghĩa đích thực của đời người. Đưa con người trở về với lòng mình để lắng nghe khát vọng vô biên đang gõ nhịp trong lòng, và đang hướng lòng mình về cõi vĩnh hằng.

9. Lụt Hồng Thủy trong Kinh Thánh và huyền thoại Babylon

Năm 1872, với khám phá của George Smith, một nhà trợ lý trẻ tuổi của Viện Bảo Tàng Anh Quốc, đã khiến thế giới Công giáo thời đó bối rối vì ông đã cho ra đời bản dịch Lụt Hồng Thủy của miền Babylon, nó còn cổ hơn câu chuyện Lụt Hồng Thủy trong Kinh Thánh⁷⁰.

Vấn nạn đặt ra là, câu chuyện Lụt Hồng Thủy trong Kinh Thánh xem ra đã vay mượn huyền thoại Babylon. Ngày nay, với sự hướng dẫn của Giáo

⁷⁰ Câu chuyện Lụt Hồng Thủy Babylon thuộc về Anh Hùng Ca Gilgamesh, và người ta nghĩ có lẽ nó có nguồn gốc từ huyền thoại rất cổ xưa, mang tên Atra-Hasis, khoảng vào năm 2000 TCN.

Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, p. 26 & *La Bible et sa culture, Ancien Testament*, sous la direction de Michel Quesnel et Philippe Gruson, Desclée de Brouwer, 2000, p. 66.

Hội, người tín hữu không còn cảm thấy bối rối về điều này nữa, bởi lẽ nếu Kinh Thánh có dùng lối văn huyền thoại, thì đó cũng chỉ là phương tiện để tác giả Kinh Thánh chuyển tải thông điệp niềm tin.

Mặt khác, cho dù câu chuyện Lụt Hồng Thủy trong Kinh Thánh rất gần với huyền thoại Babylon, thì Kinh Thánh vẫn giữ những điểm khác biệt căn bản trong cách diễn tả niềm tin của mình vào Thiên Chúa Duy Nhất. Chẳng hạn, theo huyền thoại Babylon, nguyên nhân dẫn đến Lụt Hồng Thủy là do các thần minh cảm thấy quá mệt mỏi, nhức óc bởi sự ồn ào náo động do con người gây ra và con người sinh sôi quá nhiều; vì thế các thần minh đã khiến xảy ra Lụt Hồng Thủy để tiêu diệt con người⁷¹. Với Kinh Thánh, Thiên Chúa rất công minh khi giáng cơn hồng thủy, nguyên nhân là do tội lỗi của con người, chính con người chịu trách nhiệm về Lụt Hồng Thủy. Cũng vậy, trong khi huyền thoại Babylon nói đến các thần minh, tức là đa thần, thì với Kinh Thánh, chỉ có một

⁷¹ Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, p. 26.

Thiên Chúa Duy Nhất, chính Ngài cứu ông Noê, và chính Ngài cho ngưng Hồng Thủy, bên cạnh Ngài không có thần nào khác.

10. Logic của bản văn Lụt Hồng Thủy

Trình thuật Lụt Hồng Thủy có những chi tiết mâu thuẫn, thiếu logic, điển hình về các con số.

✓ Về số cặp các con vật mà Noê đưa vào tàu được nhắc lại nhiều lần, nhưng không thống nhất, có chỗ thì nói là mỗi loài **một đôi**, chỗ khác lại nói đến **bảy đôi**.

✓ Lần thứ nhất, St 6,19-20, các sinh vật được đưa vào tàu là mỗi loài một đôi, Sách Thánh viết:

“Trong mọi sinh vật, mọi xác phàm, người sẽ đưa vào tàu **mỗi loại một đôi**, để giữ cho chúng sống với người; phải có một con đực và một con cái. Trong mỗi loại chim, mỗi loại gia súc, mỗi loại vật bò dưới đất, **mỗi loại một đôi** sẽ đến với người, để người giữ cho chúng sống” (St 6,19-20).

✓ Lần thứ hai, St 7,2-3, số con vật thanh sạch và loài chim là bảy đôi, loài không thanh sạch là một đôi:

“Trong mọi loài vật thanh sạch, người sẽ lấy **bầy đôi**, con đực và con cái, còn trong các loài vật không thanh sạch, thì một đôi, con đực và con cái, trong các loài chim trời cũng lấy **bầy đôi**, trống và mái, để giữ giống trên khắp mặt đất” (St 7,2-3).

✓ Lần thứ ba, ở St 7,8-9, cả loài vật thanh sạch và loài vật không thanh sạch, mỗi loại một đôi:

“Trong các loài vật thanh sạch và các loài vật không thanh sạch, trong các loài chim và mọi loài vật bò dưới đất, **cứ từng đôi**, đực và cái, đến với ông Nôê mà vào tàu, như Thiên Chúa đã truyền cho ông Nôê” (St 7,8-9).

Về số ngày diễn ra Lụt Hồng Thủy

Về số ngày Lụt Hồng Thủy kéo dài có hai nguồn: một nguồn là bốn mươi ngày bốn mươi đêm; còn nguồn kia là một trăm năm mươi ngày.

1) Lần thứ nhất, St 7,4, lần thứ hai, St 7,12; và lần thứ ba, St 7,17 con số của ngày lụt kéo dài là **“bốn mươi ngày bốn mươi đêm”**:

- “Bảy ngày nữa Ta sẽ đổ mưa xuống đất trong vòng bốn mươi ngày bốn mươi đêm, và Ta

sẽ xoá bỏ khỏi mặt đất mọi loài Ta đã làm ra” (St 7,4).

- “Mưa đổ xuống đất bốn mươi ngày bốn mươi đêm” (St 7,12).
- “Cơn hồng thủy kéo dài bốn mươi ngày trên mặt đất” (St 7,17).

2) Lần thứ tư, ở St 7,24, và lần thứ năm ở St 8,3-4, con số đã thay đổi, nó là **“một trăm năm mươi ngày”**:

- “Nước dâng lên trên mặt đất suốt một trăm năm mươi ngày” (St 7,24)
- “Nước từ từ rút khỏi mặt đất; hết một trăm năm mươi ngày thì nước xuống. Vào tháng bảy, ngày mười bảy tháng ấy, tàu đậu lại trên vùng núi Ararat” (St 8,3-4).

3) Cuối cùng, lần thứ sáu ở St 8,6-7, trở lại với con số **bốn mươi**:

“Hết bốn mươi ngày, ông Nôê mở cửa sổ ông đã làm trên tàu, và ông thả con quạ ra. Nó bay ra, lượn đi lượn lại cho đến khi nước khô trên mặt đất” (St 8,6-7).

✓ Những mâu thuẫn về con số trong câu chuyện Lụt Hồng Thủy khá rõ ràng. Không riêng gì trong câu chuyện Lụt Hồng Thủy, nhiều chỗ khác trong Kinh Thánh cũng có sự mâu thuẫn như trên. Rất có thể sự mâu thuẫn ở đây là do có những truyền thống khác nhau được ghép lại. Tuy nhiên ngày nay, cách giải thích về các truyền thống không còn sức thuyết phục, vì nó không giúp gì hơn về việc hiểu ý nghĩa hay mục đích khi tác giả Kinh Thánh đề lại sự mâu thuẫn rõ ràng này.

Vì thế, điều mà chúng ta có thể nói về đó là: sự mâu thuẫn về các con số trong trình thuật Lụt Hồng Thủy cho thấy tác giả Kinh Thánh không thật sự bận tâm về sự chính xác của số ngày diễn ra, tác giả chỉ nhằm cho thấy Lụt Hồng Thủy đã diễn ra rất nhiều ngày. Đây cũng là dấu cho thấy tác giả Kinh Thánh không nhằm ghi lại những thông tin khoa học hay lịch sử về biến cố Lụt Hồng Thủy. Vì thế đừng tìm ở trình thuật Lụt Hồng Thủy những thông tin cho ngành khảo cổ về nơi chôn, thời gian hay diễn biến để xác định về một trận đại hồng thủy nào đó đã xảy ra trong lịch sử. Đừng bắt bản

văn Kinh Thánh nói những điều mà bản văn Kinh Thánh không nhắm đến.

Câu chuyện Lụt Hồng Thủy không nhằm đưa ra những thông tin cho ngành khảo cổ, nhưng nó diễn tả một sự thật là nhân loại đã trải qua kinh nghiệm về Lụt Hồng Thủy; đó là kinh nghiệm rất thật về thân phận mong manh của kiếp người trước sức mạnh hủy diệt của thiên nhiên. Bên cạnh đó, câu chuyện Lụt Hồng Thủy còn là lời tuyên xưng niềm tin vào một Thiên Chúa duy nhất, Ngài đang vận hành thế giới trong công minh chính trực.

THÁP BABEN – CON NGƯỜI LÀM CHO DANH MÌNH LẦY LÙNG, TỘI TÀ THẦN

St 11,1-9

1. Câu chuyện tháp Baben đã xảy ra ở một nơi nào trên trái đất này chăng?

St 11,1-9 thuật lại câu chuyện về tháp Baben có vẻ như muốn xác định nơi xảy ra sự việc, vì câu mở đầu có nhắc đến một địa danh mang tên Sina như sau: “Thuở ấy, mọi người đều nói một thứ tiếng và dùng những từ như nhau. Trong khi di chuyển ở phía đông, họ tìm thấy một đồng bằng ở đất Sina và định cư tại đó.” (St 11,1-3).

Địa danh Sina được nhắc đến nhiều lần trong Cựu Ước. Các nhà chú giải thường cho rằng Sina

nằm ở miền Lưỡng Hà Địa. Việc xây những ngọn tháp cao là chuyện có thật ở miền Lưỡng Hà Địa. Đó là những ngọn tháp mang tên Ziggourat, trong đó ngọn tháp Ziggourat của Babylon có bảy tầng với chiều cao 90 mét; vào thế kỷ thứ VI TCN, ngọn tháp này vẫn đang dở dang chưa hoàn thành⁷². Những ngọn tháp Ziggourat ở Babylon được xây với mục đích tôn giáo; đó là nơi mà con người sẽ thiết lập mối tương quan với các thần minh, vì nơi cao là nơi gần trời hơn, các thần minh sẽ xuống đó với con người. Tuy nhiên các tài liệu miền Lưỡng Hà Địa không nói gì đến địa danh Sina, và các nhà chú giải thú nhận rằng không thể chắc chắn gì về tên của miền đất Sina cũng như về ranh giới của nó⁷³.

✓ Rất có thể câu chuyện tháp Baben trong Kinh Thánh lấy nguồn hứng từ những ngọn tháp

⁷² *Pyramides d'Égypte* – Wikipédia; *La Bible et sa culture, Ancien Testament*, sous la direction de Michel Quesnel et Philippe Gruson, Désclée de Brouwer, 2000, p. 76.

⁷³ Libronix Dignital Library System - Wenham, G. J. (2002). *Vol. 1: Word Biblical Commentary: Genesis 1-15. Word Biblical Commentary (103)*. Dallas: Word, Incorporated, Gn 11,2 & 10,10.

vùng Lưỡng Hà Địa. Tuy nhiên bản văn Kinh Thánh không có ý nhằm đến sự kiện cụ thể nào. Trong câu mở đầu chuyện tháp Baben có dùng từ “mọi người”: “Thuở ấy, **mọi người** đều nói một thứ tiếng và dùng những từ như nhau”, tiếng Hípri, dịch sát là “toàn cõi đất” (כָּל-הָאָרֶץ). Kiểu nói “toàn cõi đất” nhằm chỉ tất cả mọi người, mọi dân tộc trên trái đất.

Nói cách khác, trong câu chuyện tháp Baben, Kinh Thánh không nhắm đến một trường hợp cụ thể nào, nhưng nhằm diễn tả thực trạng chung của con người: con người mọi thời sẽ thấy hình ảnh mình trong câu chuyện tháp Baben.

2. Dự tính xây tháp Baben bao hàm tội phạm thượng

Trình thuật cho biết con người thời Baben dự định xây một ngọn tháp vĩ đại: “Họ nói: 'Nào! Ta hãy xây cho mình một thành phố và một tháp có đỉnh cao chọc trời'” (St 11,4). Theo kiểu nói Hípri thì ngọn tháp này không những nổi từ đất lên trời, mà đỉnh của ngọn tháp này còn xuyên vào các tầng trời, đỉnh của nó nằm trong các tầng trời.

Trong khi đó, với Kinh Thánh, con người ý thức rất rõ về khoảng cách vời vợi giữa trời và đất: (x. Đnl 30,12); và trời là nơi Thiên Chúa ngự, nó không hề thuộc lãnh vực của con người, Thánh vịnh gia viết: “Trời là trời của CHÚA, còn đất thì Chúa cho con cái loài người” (Tv 115,16). Vì thế, trong cái nhìn của Ítraen, dự tính về tháp Baben đã ẩn chứa tội phạm thượng⁷⁴; con người không muốn tôn trọng khoảng cách giữa Đấng Sáng Tạo và thụ tạo; nghĩa là con người từ chối nhìn nhận vị trí tối thượng của Thiên Chúa trên con người.

Mặt khác, dự tính xây tháp Baben là một dự tính hết sức táo bạo, bao hàm một sự ngạo mạn: con người từ chối chấp nhận giới hạn tất yếu của một loài thụ tạo, muốn bẻ gãy giới hạn cố hữu của thân phận con người. Đây không gì khác là tội của Ađam. Hẳn nhiên là con người ngày một tiến bộ, phát triển và Thiên Chúa chúc phúc cho điều đó; nhưng điều quan trọng là phải nhận biết đâu là giới hạn tất yếu của một thụ tạo là con người.

⁷⁴ Wenham, G. J. (2002). *Vol. 1: Word Biblical Commentary: Genesis 1-15. Word Biblical Commentary (238)*. Dallas: Word, Incorporated, Gn 11,4.

3. Mục đích của việc tháp Baben – tội tìm hư danh

✓ Mục đích mà con người xây tháp Baben là để tìm vinh danh con người, họ nói với nhau: “Ta phải làm cho danh ta lẫy lừng, để khỏi bị phân tán trên khắp mặt đất.” (St 11,4).

Con người thời Baben muốn thực hiện một công trình hết sức táo bạo, nhưng không hề nhằm phục vụ cuộc sống, mà chỉ nhằm làm vinh danh con người. Trong khi đó Kinh Thánh dạy rằng chỉ có một mình danh Thiên Chúa là cao cả mà con người phải tụng ca, Thánh vịnh gia viết: “Nào ca tụng thánh danh Đức Chúa, vì thánh danh Người cao cả vô song, và oai phong vượt quá đất trời” (Tv 148,13). Sách ngôn sứ Malakhi cũng cho biết lời của Thiên Chúa phán về danh của Ngài như sau: “Quả thật, từ đông sang tây, Danh Ta thật cao cả giữa chư dân; và ở khắp nơi, người ta dâng lễ hy sinh và lễ vật tinh tuyền kính Danh Ta, bởi vì Danh Ta thật cao cả giữa chư dân, - ĐỨC CHÚA các đạo binh phán” (Ml 1,11).

Như thế, con người tìm vinh danh mình trong việc xây tháp Baben chính là muốn trở thành đối

thủ của Thiên Chúa⁷⁵. Với Kitô hữu, điều đầu tiên mà Đức Giêsu dạy chúng ta trong Kinh Lạy Cha đó là: “Xin cho Danh Cha cả sáng” (Mt 6,9). Nghĩa là bổn phận trước hết của người Kitô hữu là lo tìm vinh danh Thiên Chúa chứ không phải tìm vinh danh cho mình hay cho bất cứ ai ngoài Thiên Chúa. Khi con người đi tìm vinh danh cho mình, thay vì tìm vinh danh Thiên Chúa, thì đó là tội tà thần.

4. Con người thời Baben không muốn phân tán trên mặt đất - tội hệ tại ở điều gì?

Bên cạnh việc tìm vinh danh mình, mục đích của việc xây tháp Baben còn là cách để họ khỏi bị phân tán trên khắp mặt đất (x. St 11,4). Đối lại, Thiên Chúa đã phá tan dự định của họ, Ngài nói: “Nào! Ta xuống và làm cho tiếng nói của chúng phải xáo trộn, khiến chúng không ai hiểu ai nữa’. Thế là ĐỨC CHÚA phân tán họ từ chỗ đó ra khắp nơi trên mặt đất, và họ phải thôi không xây thành phố nữa” (St 11,7-8).

⁷⁵ *La Bible et sa culture, Ancien Testament*, sous la direction de Michel Quesnel et Philippe Gruson, Desclée de Brouwer, 2000, p. 77.

✓ Việc Thiên Chúa phân tán họ đi khắp mặt đất cho thấy việc họ không muốn phân tán là điều không đẹp ý Chúa. Vậy, vì sao họ không muốn bị phân tán, và vì sao đây là điều xấu?

Có thể nói con người thời Baben muốn hợp lực để có một sức mạnh tập thể nhằm thực hiện những công trình vĩ đại. Trong khi con người chỉ muốn tập hợp thành một dân để thực hiện những công trình không nhằm phục vụ sự sống mà chỉ phục vụ cho hư danh, thì Thiên Chúa phân tán con người ra khắp mặt đất để phục vụ sự sống và thực hiện lời chúc phúc của Thiên Chúa trong buổi đầu sáng tạo: Hãy sinh sôi cho đầy mặt đất.

Vậy xem ra việc Thiên Chúa phân tán con người ra khắp mặt đất không hẳn là giáng phạt, mà nhằm sửa trị sai lầm của con người⁷⁶.

⁷⁶ *The New Interpreter's Bible (12 vols), vol I.* Nashvill: Abingdon Press, 1994, p. 413

5. Thất bại của Baben - bài học về thân phận thụ tạo của con người

Con người thời Baben có đủ điều kiện để thực hiện kế hoạch của họ: họ nói chung một ngôn ngữ; họ có khả năng tìm ra vật liệu: biết nung gạch, lấy gạch thay đá và lấy nhựa đen thay hồ. Bước đầu kế hoạch của con người thời Baben trong việc chiếm lấy lãnh vực thuộc về Thiên Chúa trên trời xem ra thành công. Mĩa mai thay, Thiên Chúa không cần trực tiếp phá hủy công trình, Ngài chỉ cần tước đi nơi họ khả năng nói chung một thứ tiếng, khả năng mà do chính Thiên Chúa ban cho con người, thì lập tức kế hoạch xây tháp Baben bị tan tành.

Sự thất bại của việc xây tháp Baben nhắc cho con người nhận ra rằng tài năng sức lực cùng những gì con người có, chỉ là tạm bợ. Nếu con người cậy tài cậy sức để chứng tỏ mình với người khác, và ngạo mạn với Thiên Chúa, thì con người đã lầm to. Một ngày nào đó, những ân huệ về tài năng sức lực mà con người có được sẽ rời khỏi họ như thể họ chưa hề có những thứ đó.

Sự thất bại của con người thời Baben cho thấy Thiên Chúa không để thế giới bị phó mặc cho những kế hoạch nguy hiểm của những kẻ độc tài, mưu mô chỉ biết tìm hư danh trên sinh mạng dân lành. Thiên Chúa vẫn đang vận hành thế giới, Ngài sẽ vạch đường thẳng trên những nét cong của lịch sử nhân loại.

6. Tìm vinh danh mình là căn bệnh của con người, của mọi người

✓ Việc con người muốn lưu danh mình qua những công trình xây dựng là hình thức quen thuộc của vua chúa dân ngoại thời Kinh Thánh, và Kim Tự Tháp của các vua Pharaon là một trong những bằng chứng⁷⁷. Các vua dân ngoại thời đó thường lấy tên mình để đặt cho những thành phố, chẳng hạn thành Alexandria ở Ai Cập, do vua Alexandre đại đế cho xây dựng và mang tên ông⁷⁸; thành Cesare do vua Herode Cả xây dựng để tôn vinh hoàng đế

⁷⁷ Marie Mannati, *Les Psaumes*, t. 2. Desclée De Brouwer, 1967, p. 139.

⁷⁸ *Alexandre* - Wikipedia.

Cesare Augusto⁷⁹. Việc làm rạng danh con người qua công trình, đó là nỗi trăn trối của dân ngoại, nỗi trăn trối thần thánh hóa vua chúa, thần thánh hóa con người. Thánh vịnh gia cho thấy đây là việc làm vô nghĩa và u mê của con người: “Tuy họ lấy tên mình mà đặt cho miền này xứ nọ, nhưng ba tác đất mới thật là nhà, nơi họ ở muôn đời muôn kiếp” (Tv 49,12).

Trong câu chuyện tháp Baben, không phải các vua, hay một nhóm quyền lực nào đó, mà là tất cả mọi người; nó là thực trạng của con người: con người muôn thuở muốn lưu danh mình nơi hậu thế. Người ta tập trung khả năng, nguồn lực nhằm thực hiện những chuyện hoành tráng nhưng rỗng tuếch, không ích gì cho cuộc sống mà chỉ vì hư danh.

✓ Hư danh là một hình thức của tội kiêu ngạo, và còn kiêu ngạo hơn nếu người ta nghĩ mình được “miễn nhiễm” căn bệnh hư danh. Hư danh là tội tà thần, và càng tà thần hơn nếu cho rằng những người tu hành hay những người lãnh đạo

⁷⁹ Cesare (còn gọi là *Caesarea Maritima*, hay *Caesarea Palaestinae*) - Wikipedia.

dân Chúa được “miễn nhiễm” căn bệnh hư danh. Vì như thế là chối bỏ thân phận Áđam nơi con người. Đức Phanxicô đã cho chúng ta cái nhìn trung thực và khiêm tốn về Giáo Hội, khi ngài nói đến căn bệnh “cạnh tranh và háo danh” ngay trong lòng Giáo Hội⁸⁰. Đức Giêsu còn cho biết người ta tìm hư danh ngay trong những việc lành đạo đức (x. Mt 6,1-6).

Chỉ những ai hiểu được thế nào là vô thường của cuộc đời, thế nào là phù du của kiếp người, thì mới can đảm tránh xa hư danh, không chạy theo hư danh mà chỉ nhằm phục vụ lợi ích của cộng đồng.

✓ Sợ dĩ con người cứ mãi loay hoay làm cho tên mình được khắc ghi nơi người đời, là vì họ chưa ý thức sự vô thường của cuộc đời. Với người Kitô hữu, việc tìm lưu danh nơi người đời là vì người ta không lưu tâm đến lời của Đức Giêsu: “Hãy mừng vì tên anh em đã được ghi trên trời” (Lc 10,20).

⁸⁰ Căn bệnh thứ bảy trong 15 căn bệnh của giáo triều Rôma cần chữa trị, Đức Phanxicô, ngày 22-12-2014.

Câu chuyện tháp Baben và thực trạng xã hội loài người tội lỗi

Chuyện tháp Baben là câu chuyện sau thời Noê, nghĩa là nhân loại đã trải qua cuộc thanh lọc, chỉ một mình gia đình ông Noê sống sót, và ông Noê được coi là người công chính và hoàn hảo. Vậy rồi thế hệ mới của thời Baben cũng không hơn gì thế hệ thời Noê.

Nếu có loại trừ tận gốc các tội nhân, thì từ trong cộng đồng đã được thanh lọc đó sẽ nảy sinh những sự dữ mới. Bởi lẽ, bao lâu còn làm người, tham sân si còn đeo bám, cho nên bao lâu còn con người, thì còn nảy sinh sự dữ và tội lỗi theo dòng thời gian. Vì thế con người mọi thời luôn cần đến ơn cứu độ của Thiên Chúa.

PHẦN III

VÌ SAO CHÚA GỌI NGƯỜI NÀY MÀ KHÔNG GỌI NGƯỜI KHÁC?

St 12–50

Tình thuật Baben khép lại phần đầu của sách Sáng Thế, St 1–11. Trong khi phần đầu của sách Sáng Thế là những tình thuật nói về nguồn gốc vũ trụ, nguồn gốc nhân loại; thì phần hai, St 12–50, nói về nguồn gốc của Ítraen, dân riêng của Chúa qua những tình thuật về các tổ phụ Ítraen. Chuỗi tình thuật về nguồn gốc Ítraen mở đầu với việc Thiên Chúa gọi Ápraham rời bỏ xứ sở để đến miền Đất Hứa, Canaan.

ÔN GỌI ÁPRAHAM

St 12,1-3

Khi Thiên Chúa gọi, Ápraham vẫn còn mang tên là Ápram và vợ ông là Sarai. Sau này, Thiên Chúa sẽ đổi tên ông thành Ápraham, và Sarai vợ ông được gọi là Sara.

1. Ôn gọi bắt ngờ giữa dòng đời bình thường và vẫn tiếp tục

Thiên Chúa ngỏ với Ápraham: “Hãy rời bỏ xứ sở, họ hàng và nhà cha ngươi, mà đi tới đất Ta sẽ chỉ cho ngươi. Ta sẽ làm cho ngươi thành một dân lớn, sẽ chúc phúc cho ngươi. Ta sẽ cho tên tuổi ngươi được lẫy lừng, và ngươi sẽ là một mối phúc lành. Ta sẽ chúc phúc cho những ai chúc phúc cho ngươi; ai nhục mạ ngươi, Ta sẽ nguyên rủa. Nhờ ngươi, mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc.” (St 12,1-3).

✓ Trong những lời Thiên Chúa nói với Ápraham, chỉ có câu đầu ở St 12,1 là điều mà Chúa lệnh cho Ápraham phải làm, hai câu còn lại, St 12,2-3 là những điều Thiên Chúa hứa sẽ làm cho Ápraham.

Câu mở đầu của mệnh lệnh Thiên Chúa để làm người ta nghĩ rằng Ápraham đang sống yên ổn ở quê hương là thành Ua, giữa họ hàng và gia đình, thì bất ngờ Thiên Chúa gọi ông đến miền đất mà ông không hề biết.

✓ Tuy nhiên, theo những gì được viết ở đoạn trước, thì khi Thiên Chúa gọi, Ápraham đã không còn ở tại quê nhà, St 11,31-32 viết: “Ông Tera đem theo con trai là Ápram, cháu nội là Lót, con ông Haran, con dâu là Xarai, vợ ông Ápram, con của ông; họ cùng với ông **ra khỏi Ua** của người Candê, để đi tới đất **Canaan**. Họ đến Kharan và ở lại đó. Ông Tera sống được hai trăm lẻ năm năm, rồi qua đời tại Kharan.” (St 11,31-32).

Như vậy, Ápraham đã theo cha mình là ông Tera rồi bỏ quê hương thành Ua, và đang ở Kharan

thì Thiên Chúa gọi ông. Lúc này, ông Tera cha của Ápraham đã qua đời, và Ápraham cũng không còn người thân nào khác ngoài Sarai vợ ông và người cháu là Lót. Vậy mà Thiên Chúa lại bảo Ápraham rời bỏ xứ sở, rời bỏ nhà của cha mình. Hơn nữa, miền đất mà Thiên Chúa hứa sẽ chỉ cho Ápraham là đất Canaan (x. St 12,5-7); và đây chính là miền đất mà ông Terac, cha của Ápraham đã có dự định đưa Ápraham đến. Có thể nói, dân du mục thời đó vẫn phiêu bạt đây đó, và cuộc phiêu bạt về đất Canaan là một trong những cuộc phiêu bạt bình thường của cuộc đời du mục thời đó.

Một đằng, bối cảnh cho thấy ơn gọi của Ápraham diễn ra rất phù hợp với hoàn cảnh và đời sống du mục của Ápraham; đằng khác, trình thuật gọi đến việc Thiên Chúa gọi Ápraham một cách bất ngờ. Sự kết hợp hai yếu tố trên cho thấy Thiên Chúa ngỏ lời với Ápraham giữa cuộc đời thường nhật của ông, Ápraham vẫn tiếp tục đời du mục phiêu bạt của mình. Tuy nhiên, lời mời gọi của Thiên Chúa vượt trên dự định của con người, nó thay đổi hoàn toàn ý nghĩa và dự định của cuộc sống Ápraham.

2. Đoạn tuyệt với nguồn gốc và quá khứ - đoạn tuyệt với tà thần

✓ Như vậy, cuộc ra đi của Ápraham không đơn thuần là sự ra đi về mặt địa lý và thể lý nhưng là một sự dứt bỏ tận căn về mặt tinh thần trong những gì liên quan đến nguồn gốc, và quá khứ. Chính vì thế, khi nhắc lại ơn gọi của Ápraham, Thiên Chúa cho biết chính tại thành Ua, là nơi Ngài đã gọi Ápraham, chứ không phải là Kharan: “Ta là ĐỨC CHÚA, Đấng đã đưa ngươi ra khỏi thành Ua của người Candê, để ban cho ngươi đất này làm sở hữu” (St 15,7).

✓ Để đến miền Đất Hứa, Ápraham phải rời bỏ ba mối tương quan từ xa đến gần: xứ sở, họ hàng và nhà thân phụ. Từ “họ hàng”, tiếng Hípri (מִלְחָה), còn có nghĩa “nơi sinh ra”⁸¹. Như vậy, về mặt địa lý, Ápraham sẽ rời bỏ quê hương, nơi sinh ra, và nhà thân phụ; về tương quan với con người, Ápraham sẽ rời bỏ dân tộc, họ hàng, và người ruột

⁸¹ Philippe Raymond, Dictionnaire d’Hebreu et D’Arameen Bibliques, Cerf, 1999; Speiser, E. A. (2008). *Genesis: Introduction, Translation, and Notes* (86). New Haven; London: Yale University Press; Gn 12,1.

thịt trong gia đình. Nghĩa là Ápraham bị tách ra khỏi nguồn gốc của mình.

✓ Vậy nguồn gốc và quá khứ của Ápraham là gì mà ông phải đoạn tuyệt mới có thể đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa? Về điều này, sách Giôsuê cho biết đó chính là việc thờ tà thần, và lời Thiên Chúa phán với Ítraen về điều này như sau: “Thuở xưa, khi còn ở bên kia Sông Cả, cha ông các ngươi, cho đến Terác là cha của Ápraham và của Nakho, đã phụng thờ các thần khác. Ta đã đem cha các ngươi là Ápraham từ bên kia Sông Cả mà dẫn đi khắp đất Canaan” (Gs 24,2-3).

Như vậy việc Thiên Chúa mời gọi Ápraham đoạn tuyệt với nguồn gốc, với quá khứ, đó chính là đoạn tuyệt với thói thờ tà thần mà cha ông của Ápraham đã thực hành.

3. Miền Đất Hứa – cuộc phiêu lưu của Ápraham

Thiên Chúa mời gọi Ápraham bỏ xứ sở để đến miền đất Ngài sẽ chỉ. Miền đất mà Chúa nói “Ta sẽ chỉ cho ngươi”, theo nghĩa của Hípri là “Ta sẽ

cho người thấy” (Ἰᾱ78). Nói cách khác, hiện giờ Ápraham không nhìn thấy miền Đất Hứa, nhưng Thiên Chúa nhìn thấy nó và Ngài sẽ cho ông thấy nó. Cuộc hành trình của Ápraham trở thành một cuộc phiêu lưu vì ông không biết miền đất ông sẽ đến. Tuy nhiên, đây không phải là cuộc hành trình trong vô định. Bởi lẽ nơi ông sẽ đến đã được xác định: đó là miền đất Thiên Chúa sẽ chỉ cho ông. Nghĩa là nơi Ápraham phải đến đã được xác định, nhưng hành trình để đến miền Đất Hứa thì chỉ có Chúa thấy và Ngài sẽ chỉ cho ông thấy đường đi ngày từng ngày trong suốt hành trình. Và như thế, cuộc hành trình về miền Đất Hứa chính là cuộc hành trình đức tin của Ápraham.

4. Điều Thiên Chúa làm cho Ápraham

Cùng với việc gọi Ápraham rời bỏ xứ sở, Thiên Chúa hứa sẽ làm cho ông trở thành một dân lớn, sẽ chúc phúc cho ông, làm cho tên tuổi ông lẫy lừng, bảo vệ ông và ông sẽ trở thành mối phúc cho mọi gia tộc trên mặt đất (x, St 12,2-3).

✓ Khi Thiên Chúa ngỏ lời với Ápraham, thì Ápraham đã cao tuổi, còn Sara vợ ông là người

hiếm muộn và đã quá tuổi sinh con. Chính trong bối cảnh khó tin này mà Thiên Chúa hứa sẽ làm cho Ápraham trở thành dân lớn.

✓ Thiên Chúa hứa sẽ làm cho tên tuổi Ápraham lẫy lừng, trong khi con người thời Baben muốn làm cho danh của họ nên lẫy lừng thì bị trừng phạt. Bởi lẽ, Ápraham không tìm vinh danh cho mình, ông chỉ tìm thực hiện thánh ý của Thiên Chúa, và chính Thiên Chúa sẽ làm cho danh của Ápraham lẫy lừng.

✓ Một khi Ápraham trở nên nghĩa thiết của Thiên Chúa, Thiên Chúa sẽ bảo bọc chở che: “Ta sẽ chúc phúc cho những ai chúc phúc cho ngươi; ai nhục mạ ngươi, Ta sẽ nguyên rửa” (St 12,3). Lời Thiên Chúa nói với Ápraham cho phép hiểu rằng, những ai trở nên bạn nghĩa thiết của Thiên Chúa, thì sẽ được Ngài bảo bọc chở che: những ai làm điều tốt cho người nghĩa thiết của Thiên Chúa sẽ được Thiên Chúa ban ơn, còn kẻ thù của người nghĩa thiết của Thiên Chúa sẽ bị coi là kẻ thù của Thiên Chúa. Như thế, những ai đang là kẻ thù của Thiên Chúa, thì chỉ việc quy hồi, trở nên nghĩa thiết với Thiên Chúa, chắc chắn họ cũng sẽ

được Thiên Chúa bảo bọc chở che như Ngài đã làm cho Ápraham.

✓ Ápraham mang trên mình lời hứa, và tất cả vẫn còn nằm trong lời hứa. Hành trình đức tin của Ápraham còn dài. Cả khi bà Sara qua đời, Ápraham vẫn chưa có mảnh đất chôn bà Sara. Ông đã phải mua lại của người bản xứ mảnh đất ở Ephron để chôn bà Sara (x. St 23,4). Thiên Chúa hứa sẽ ban cho dòng dõi ông “nhiều như sao trên bầu trời như cát ngoài bãi biển” (St 22,17), thì lúc sinh thời, Ápraham vẫn chưa nhìn thấy điều đó; rồi khi có đứa con thừa tự là Isaac, Thiên Chúa lại lệnh cho Ápraham mang Isaac đi hiến tế (x. St 22,1-19).

5. Hành trình đức tin của Ápraham – hành trình của chúng ta

✓ Như Ápraham xưa, chúng ta cũng được mời gọi: “Hãy rời bỏ xứ sở, họ hàng và nhà cha người” để đến miền đất Chúa hứa; đây không còn là miền Đất Hứa Canaan thời tổ phụ Ápraham mà là miền Đất Hứa trên quê trời như lời Đức Giêsu đã mạc khải qua bài giảng Trên Núi: “Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ. Phúc thay

ai hiền lành, vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp” (Mt 5,3-4). Chúng ta được mời gọi đoạn tuyệt với những gì thuộc về tham sân si, làm cản trở hành trình về nhà Cha trên trời của chúng ta. Cuộc đời này là một cuộc lữ hành về quê trời; trần gian là lữ quán, ai rồi cũng sẽ phải từ giã cõi trần này để về miền Đất Hứa trên quê trời.

✓ Như Ápraham xưa, chúng ta không thấy và không biết miền Đất Hứa trên quê trời như thế nào, và chúng ta bước đi trong ánh sáng đức tin. Chúng ta chưa hề biết quê trời, nhưng chúng ta lại mang trong lòng nỗi khắc khoải về quê trời; bởi lẽ về đất hứa trên quê trời là về với chính Thiên Chúa, và chính Thiên Chúa đặt vào lòng con người nỗi khát vọng hướng về Ngài. Tuy nhiên, tham sân si có thể làm lu mờ khát vọng về miền Đất Hứa của chúng ta.

6. Vì sao Chúa gọi người này mà không gọi người khác?

Người ta thường thắc mắc, vì sao Thiên Chúa chọn người này mà không chọn người khác? Có vẻ như Thiên Chúa thiên vị trong việc chọn gọi ai đó.

Thắc mắc trên thường phát xuất từ quan niệm sai lầm về ơn gọi.

✓ Tin Mừng Máthêu cho biết, người Do Thái tự hào họ là con cháu tổ phụ Ápraham; họ nghĩ mình là dân tuyển chọn, thì sẽ được đặc quyền “miễn nhiệm” mọi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, cho dù họ sống bất chính⁸². Gioan Tẩy Giả cho biết đó là suy nghĩ sai lầm, vì cho dù là con cháu Ápraham, nếu không sám hối, họ sẽ không thoát khỏi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa: “Đừng tưởng có thể bảo mình rằng: “Chúng ta đã có tổ phụ Ápraham.” Vì, tôi nói cho các anh hay, Thiên Chúa có thể làm cho những hòn đá này trở nên con cháu ông Ápraham” (Mt 3,9).

✓ Quan niệm sai lầm về ơn gọi vẫn còn trong thời đại hôm nay. Điều này được biểu lộ rõ ràng qua cái nhìn của Đức Giáo Hoàng Phanxicô khi Ngài nói về căn bệnh tưởng mình bất tử và miễn nhiệm, trong đó có đoạn viết: “Bệnh này thường

⁸² Hagner, D. A. (2002). *Vol. 33A: Word Biblical Commentary: Matthew 1-13. Word Biblical Commentary (52)*. Dallas: Word, Incorporated, Mt 3,9.

xuất phát từ bệnh quyền bính, từ mặc cảm là những người ưu tuyển, từ thái độ tự yêu mình, say mê nhìn hình ảnh của mình mà không nhìn thấy hình ảnh của Thiên Chúa đang được in nơi khuôn mặt của những người khác, đặc biệt là những người yếu đuối và túng thiếu nhất”⁸³.

Ghi nhận của Đức Giáo Hoàng Phanxicô khá hệ trọng, bởi lẽ khi người ta quên rằng anh em đồng loại cũng mang hình ảnh Thiên Chúa như mình, điều đó có nghĩa là người ta lầm tưởng việc tuyển chọn có thể làm họ trở nên khác anh em mình về cả căn tính làm người. Và đây là một hình thức tội tà thần: quên rằng mình cũng chỉ là con người như bao người khác.

✓ Có những nơi, hễ có dịp là người ta không tiếc lời ca ngợi tài đức của những người được chọn gọi; người ta còn ca ngợi cả bậc cha mẹ của những người này. Và càng ca ngợi tài năng và công đức của con người bao nhiêu, thì người ta càng đánh

⁸³ Căn bệnh thứ nhất trong *15 Căn Bệnh Của Giáo Triều Rôma Cần Chữa Trị*, Đức Phanxicô, ngày 22-12-2014.

mất ý nghĩa về ân huệ nhưng không của Thiên Chúa bấy nhiêu.

7. Qua Ápraham, muôn dân được chúc lành

Người Do Thái lắm tưởng ơn gọi cho họ đặc ân bảo đảm về ơn cứu độ, còn người thời nay lắm tưởng ơn gọi làm cho người ta trở thành người ưu tuyển, cao cả hơn người khác. Cả hai quan niệm sai lầm trên đều có điểm chung đó là người ta nghĩ rằng ơn gọi là một đặc quyền đặc lợi dành riêng cho người được tuyển chọn.

Trong khi đó Thiên Chúa gọi Ápraham là vì phúc lành cho muôn dân, Thiên Chúa phán với Ápraham: “Nhờ ngươi, mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc”. Phúc lành hứa ban cho Ápraham không hề dành riêng cho ông, cũng không giới hạn cho riêng dân Ítraen, nhưng qua ông mà mọi dân tộc trên mặt đất được hưởng phúc lành của Chúa. Trong Kinh Thánh, ơn gọi đúng nghĩa không bao giờ vì lợi ích vị kỷ của người được gọi. Ơn gọi đúng nghĩa là để phục vụ cộng đồng dân Chúa, Chúa gọi một người nào đó là vì toàn thể cộng đoàn; Chúa ban ơn cho người

này là vì tất cả những người còn lại của cộng đồng dân Chúa, của cộng đồng nhân loại.

✓ Trong khi nhiều người còn mãi bận tâm đến đặc ân, đặc quyền của sự tuyển chọn, của ơn gọi, thì từ thời Cựu Ước, các ngôn sứ đã kêu gọi dân Chúa ý thức về vai trò của “Số Sót”. “Số Sót” của dân Chúa là nhóm người đã trải qua cuộc thanh luyện của lưu đày. “Số Sót” sẽ không còn ngông nghênh ngạo mạn nữa, nhưng khiêm nhu, và cậy trông vào một mình Thiên Chúa (x. Xp 3,12-13; Is 11,4)⁸⁴.

⁸⁴ Số sót: עניי / עני: Xp 3,12; anawim / עניי: Is 11,4; Am 2,7.

HIẾN TẾ CỦA ÁPRAHAM, St 22,1-19

1. Lệnh hiến tế Isaac

Trình thuật Ápraham hiến tế Isaac mở đầu như sau: “Sau các việc đó, Thiên Chúa thử lòng ông Ápraham. Người gọi ông: 'Ápraham!' Ông thưa: 'Dạ, con đây!' Người phán: 'Hãy đem con của ngươi, đưa con một yêu dấu của ngươi là Ixaác, hãy đi đến xứ Môrigia mà dâng nó làm lễ toàn thiêu ở đây, trên một ngọn núi Ta sẽ chỉ cho’” (St 22,1-2).

✓ Đầu câu chuyện, độc giả được báo cho biết Thiên Chúa thử Ápraham; nghĩa là Thiên Chúa sẽ không để Ápraham phải hiến tế Isaac; nhưng Ápraham không hề biết đó là thử. Vậy vì sao Thiên Chúa lại muốn thử Ápraham? Ngài thử Ápraham để làm gì?

Người ta thường nghĩ Thiên Chúa muốn huấn luyện niềm tin của Ápraham. Tuy nhiên, bản văn cho thấy đây không đơn thuần là việc huấn luyện Ápraham, nhưng là dịp để Thiên Chúa thấy rõ về Ápraham, điều này được biểu lộ qua lời Thiên Chúa nói với Ápraham sau khi đã thử ông: “Bây giờ **Ta biết ngươi là kẻ kính sợ Thiên Chúa**: đối với Ta, con của ngươi, con một của ngươi, ngươi cũng chẳng tiếc!” (St 22,12).

✓ Trong mệnh lệnh Chúa truyền với Ápraham, Isaac được nhắc đến ba lần với ba cách khác nhau: “con của người”, “đứa con yêu dấu của người” và cuối cùng là tên gọi “Isaac”. Không phải Thiên Chúa muốn xoáy vào nỗi đau của Ápraham khi nhắc đi nhắc lại về Isaac; trái lại điều đó cho chính Ápraham thấy rằng Thiên Chúa biết rõ Isaac quan trọng thế nào đối với Ápraham, Ngài biết rõ mức độ nghiêm trọng về điều mà Ngài đòi hỏi Ápraham. Hiên tể mà Thiên Chúa đòi là hiến lễ toàn thiêu: Ápraham sẽ phải giết con của mình, rồi cho lên đồng củi để thiêu trọn vẹn.

Isaac là đứa con mà Thiên Chúa ban cho Ápraham, khi cả hai ông bà đã già, và bà Sara lại

là người hiếm muộn. Isaac là người con mà Thiên Chúa hứa với Ápraham về việc ban cho dòng dõi ông thành một dân (x. St 17,15-16). Isaac là người con của lời hứa, là tất cả tương lai của Ápraham. Lần thứ nhất, để đáp lại lời Thiên Chúa gọi rời khỏi thành Ua đến miền đất hứa, Ápraham đã phải từ bỏ tất cả quá khứ; nay Thiên Chúa đòi Ápraham hiến tế Isaac, là Ngài đòi Ápraham từ bỏ cả tương lai phía trước, tương lai mà chính Thiên Chúa đã hứa với Ápraham.

Xem ra Thiên Chúa mâu thuẫn với chính Ngài khi yêu cầu Ápraham hiến tế Isaac; dường như Thiên Chúa không giữ lời đã hứa với Ápraham!

2. Ápraham sẵn sàng thi hành lệnh của Thiên Chúa

Cách Ápraham đáp lại lệnh của Thiên Chúa được miêu tả như sau: “Sáng hôm sau, ông Ápraham dậy sớm, thắng lừa, đem theo hai đầy tớ và con ông là Ixaác, ông bỏ củi dùng để đốt lễ toàn thiêu, rồi lên đường đi tới nơi Thiên Chúa bảo” (St 22,3).

Hành động “dậy sớm” và chuẩn bị mọi thứ cho cuộc hành trình đến nơi hiến tế, cho thấy sự mau mắn của Ápraham trước mệnh lệnh của Thiên Chúa.

Ápraham mang theo hai đầy tớ, nhưng từ đầu đến cuối hành trình, hai người đầy tớ chẳng làm gì cả, trong khi đó Ápraham làm tất cả, từ việc thắng lừa cho đến việc bỏ củi. Khi đến điểm dừng sau ba ngày đường, hai người đầy tớ chỉ có việc đứng chờ Ápraham trở lại; và vẫn Ápraham là người làm tất cả: ông chặt củi lên vai Isaac, cầm lửa và dao để đến nơi hiến tế, một mình Ápraham tự tay dựng bàn thờ, chặt củi và trói Isaac rồi đặt trên đồng củi: “Ông Ápraham lấy củi dùng để đốt lễ toàn thiêu đặt lên vai Ixaác, con ông. Ông cầm lửa và dao trong tay, rồi cả hai cùng đi. [...] Tới nơi Thiên Chúa đã chỉ, ông Ápraham dựng bàn thờ tại đó, xếp củi lên, trói Ixaác con ông lại, và đặt lên bàn thờ, trên đồng củi. Rồi ông Ápraham đưa tay ra cầm lấy dao để sát tế con mình” (St 22,6.9-10).

Tất cả những hình ảnh trên cho thấy sự sẵn sàng của Ápraham trước mệnh lệnh của Thiên Chúa;

đồng thời làm nổi bật hình ảnh Ápraham tự mình thực hiện cuộc hiến tế, đây chính là cuộc hiến tế của Ápraham: Ápraham hiến tế con mình là hiến tế chính cuộc sống và tương lai của ông.

3. Phải chăng Ápraham muốn giấu Isaac khi bảo “Thiên Chúa sẽ liệu”?

Từng hành động của Ápraham cho thấy ông không hề tỏ ra chút do dự trong việc hiến tế Isaac.

Tuy nhiên, trong lời dặn dò của Ápraham với hai đầy tớ lại rất mập mờ, ông nói: “Các anh hãy ở lại đây với con lừa. **Còn ta và đứa trẻ, chúng ta** phải đi tới đằng kia, mà thờ lạy, rồi **chúng tôi** sẽ về lại với các anh” (St 22,5; bản dịch của Cha Nguyễn Thế Thuấn). Ápraham biết là ông sẽ dâng Isaac làm lễ vật toàn thiêu, và chỉ còn một mình ông trở lại, vậy mà ông lại nói: “**chúng tôi sẽ trở lại** với các anh”!

Cũng vậy, khi Isaac hỏi về lễ vật toàn thiêu, Ápraham đã không nói rõ Isaac sẽ là con chiên hiến tế, thay vào đó ông trả lời là Thiên Chúa sẽ liệu; Sách Thánh kể, Isaac hỏi Ápraham, Cha cậu rằng:

“Có lửa, có củi đây, còn chiên để làm lễ toàn thiêu đâu?”, và Ông Ápraham đáp: “Chiên làm lễ toàn thiêu, chính Thiên Chúa sẽ liệu, con ạ” (St 22,8).

Phải chăng Ápraham đang dối lòng mình, không muốn nói sự thật về việc hiến tế Isaac. Hay cách nói của Ápraham còn diễn tả một điều gì khác chăng?

Để trả lời vấn đề này, chúng ta nên tìm hiểu ý nghĩa của cụm từ “Thiên Chúa sẽ liệu”.

4. Thiên Chúa sẽ liệu – điều này có ý nghĩa gì?

✓ Cụm từ “Chính Thiên Chúa sẽ liệu...”, tiếng Hípri dịch sát sẽ có nghĩa là “Chính Thiên Chúa sẽ thấy” (יֵרָאֵה יְהוָה). Cũng vậy, địa danh mà Ápraham đặt tên là “Đức Chúa sẽ liệu” (St 22,14), dịch sát sẽ là “Nơi Đức Chúa sẽ thấy”, và “Trên Núi Đức Chúa sẽ thấy”. Động từ thấy còn được nhắc đến hai lần ở chỗ khác liên quan hành động của Ápraham, đó là việc Ápraham “**thấy**” nơi hiến tế từ đằng xa (x. St 22,4), rồi Ápraham “**thấy**” con cừu đực bị mắc vào bụi cây, và ông đã bắt nó làm lễ toàn thiêu thay cho Isaac (St 22,13).

✓ Kiểu nói “Thiên Chúa sẽ thấy” gọi lại lời của Thiên Chúa trong lần đầu Ngài gọi Ápraham và bảo ông đi đến miền đất “Ta sẽ cho người thấy” (St 12,1). Ápraham đã vâng lệnh Chúa ra đi, dù ông không thấy, không biết miền đất hứa, nhưng ông ra đi vì tin rằng chính Thiên Chúa nhìn thấy mảnh đất hứa đó thay cho ông. Lần này cũng vậy, hiện tại Ápraham không nhìn thấy tương lai, mà chỉ nhìn “thấy” nơi hiến tế đang gần kề. Quãng thời gian của ba ngày đường cũng là quãng thời gian mà Ápraham sống trong cơn hấp hối của cuộc hiến tế. Hiện tại, tương lai bị bao trùm bởi bóng đêm của thử thách và không lối thoát. Nhưng Ápraham tin chắc Thiên Chúa đã nhìn thấy phía trước tương lai của ông, Ngài sẽ lo liệu điều gì tốt nhất cho ông.

Cuối cùng, đúng như điều Ápraham đã tin: Thiên Chúa đã liệu sẵn chiên hiến tế, Ngài cho ông thấy con cừu đực bị mắc sừng trong bụi cây, ông đã bắt con cừu làm lễ toàn thiêu thay cho Isaac.

✓ Sở dĩ Ápraham đi đến cùng niềm tin của mình trong việc hiến tế Isaac, là vì Ápraham tin vào sự trung tín của Thiên Chúa. Bởi lẽ, nếu Thiên

Chúa trung tín với lời Ngài đã hứa, và Ngài đã hứa với Ápraham về dòng dõi xuất thân từ Isaac, thì khi ra lệnh hiến tế Isaac, chắc chắn Thiên Chúa sẽ liệu cách để giải cứu Isaac.

5. Niềm tin vững vàng của Ápraham và câu trả lời cho Isaac

✓ Với niềm tin vững vàng của Ápraham, thì việc Ápraham không trả lời trực tiếp cho Isaac về con chiên hiến tế, không có nghĩa là Ápraham né tránh sự thật. Trái lại, qua kiểu nói “Chiên làm lễ toàn thiêu, chính Thiên Chúa sẽ liệu”, Ápraham bộc lộ niềm tin vững vàng rằng Thiên Chúa sẽ lo liệu cho ông có chiên làm lễ toàn thiêu thay cho việc hiến tế Isaac.

✓ Cũng có thể nói thêm rằng Ápraham truyền lại cho Isaac điều mà chính ông đang tin⁸⁵; Ápraham đang đưa Isaac tháp nhập làm một với ông trong niềm tin vào Thiên Chúa. Cử chỉ Ápraham chất lên vai Isaac củi dùng cho việc hiến tế diễn tả phần nào

⁸⁵ *The New Interpreter's Bible (12 vols), vol I.* Nashville: Abingdon Press, 1994, p. 496.

việc Ápraham đang đưa Isaac tháp nhập vào lòng tin và vâng phục của ông đối với Thiên Chúa trong việc hiến tế.

✓ Theo Targum, tức là cách người Do Thái đọc Kinh Thánh từ Hípri sang tiếng Aram, họ vừa dịch vừa giải thích, thì hình ảnh Isaac tháp nhập và nên một với Ápraham trong niềm tin rất được nhấn mạnh. Theo đó, ở St 22, sau câu 10, Targum thêm như sau: “Isaac cất tiếng và nói với Ápraham cha cậu: 'Thưa cha, xin trời con cho kỹ để con không dùng chân mà đá cha khiến cho lễ vật không còn giá trị...'”⁸⁶.

6. Ápraham nghĩ gì khi nói với hai đầy tớ: “Chúng tôi sẽ trở lại”?

Trở lại lời dặn dò của Ápraham với hai đầy tớ: “**chúng tôi** làm việc thờ phượng, rồi **chúng tôi** sẽ trở lại với các anh” (St 22,5). Đây là ý nghĩa về điều Ápraham nói khi mà ông biết rõ mình sẽ phải hiến tế Isaac?

⁸⁶ Etienne Charpentier, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2006 (1^{er} 1980), p. 37.

✓ Cũng như cách Ápraham trả lời Isaac diễn tả sự xác tín vào sự quan phòng của Thiên Chúa, thì ở đây, lời của Ápraham nói với hai đầy tớ biểu lộ niềm tin của Ápraham rằng Thiên Chúa sẽ liệu cách nào đó, để Ápraham có lại Isaac, và cả hai sẽ cùng trở về. Mặt khác kiểu nói “chúng tôi sẽ trở về với các anh” còn diễn tả phần nào sự liên kết chặt chẽ giữa Ápraham và Isaac trong hành trình hiến tế: cái chết của Isaac cũng chính là cái chết của Ápraham, và sự sống của Isaac cũng là sự sống của Ápraham, ra đi hay trở về đều là số phận chung của cả hai cha con Ápraham và Isaac.

✓ Hình ảnh về sự liên kết nên một giữa Ápraham và Isaac khá nổi bật trong hành trình tiến về nơi hiến tế. Lần thứ nhất, sau hành trình dài ba ngày đường, Ápraham và Isaac tiến về nơi hiến tế, và bản văn ghi: “Rồi cả hai cùng đi” (St 22,6). Lần thứ hai, sau khi Ápraham đã trả lời một cách xác tín rằng “Thiên Chúa sẽ liệu”, bản văn lại viết: “Rồi cả hai cùng đi” (St 22,8); thêm vào đó còn có cụm từ “chúng tôi làm việc thờ phượng” và “chúng tôi sẽ trở lại” (St 22,5). Những kiểu nói trên làm nổi bật sự nên một giữa

Isaac và Ápraham trong việc hiến tế này. Sự nên một trong hành động hiến tế diễn tả phần nào việc Ápraham hiến tế Isaac chính là hiến tế chính cuộc sống và tương lai của ông cho Thiên Chúa.

7. Thành ngữ “Ngày thứ ba”

✓ Hành trình đến nơi hiến tế của Ápraham là ba ngày đường, đây cũng là quãng thời gian Ápraham trải qua cơn hấp hối của cuộc hiến tế. “Ngày thứ ba” cũng là thời điểm kết thúc cuộc thử thách dành cho Ápraham khi sứ thần Thiên Chúa bảo Ápraham dừng tay không sát tế Isaac nữa, vì Thiên Chúa đã biết rõ về Ápraham. Thành ngữ “Sau ba ngày” (hoặc “Ngày thứ ba”) trong câu chuyện Ápraham hiến tế, sẽ là thành ngữ đầu tiên của chuỗi thành ngữ “Sau ba ngày” trong những đoạn Kinh Thánh khác, với ý tưởng, đó là ngày mà Thiên Chúa sẽ ra tay giải cứu những tín hữu của Ngài⁸⁷ (chẳng hạn: Gn 2,1; Hs 6,2; 1Cr 15,3-4).

⁸⁷ Gérard Billon & Philippe Gruson, *Pour Lire l'Ancien Testament*. Paris: Cerf, 2007, p. 46.

8. Một Thiên Chúa không thể hiểu nổi

✓ Câu chuyện Ápraham hiến tế Isaac đã khiến nhiều người thời nay bối rối, bởi lẽ việc Thiên Chúa yêu cầu người cha hiến tế chính con yêu của mình là một điều tàn nhẫn, không thể chấp nhận nổi. Theo nhà phân tâm học Alice Miller (Psychoanalyst), Isaac bị coi như một đồ vật, bị tước mất nhân tính khi bị trở thành một vật hiến tế trong tay cha mình; bà cho rằng câu chuyện Ápraham hiến tế Isaac có thể là cái cớ để người ta biện minh cho sự lạm dụng trẻ em⁸⁸. Không riêng gì các nhà phân tâm học, một số rabbi cũng nhận thấy mệnh lệnh về việc cha giết con là điều khó chấp nhận, và họ cho rằng đó không phải là mệnh lệnh đến từ Thiên Chúa⁸⁹.

✓ Trước luồng tư tưởng này, nhiều nhà chú giải đã tìm cách giải thích bản văn theo hướng giảm bớt tính khốc liệt của mệnh lệnh Thiên Chúa. Họ cho rằng, các nước chung quanh Ítraen thời

⁸⁸ *The New Interpreter's Bible (12 vols), vol I.* Nashvill: Abingdon Press, 1994, p. 499.

⁸⁹ *La Bible et sa culture, Ancien Testament*, sous la direction de Michel Quesnel et Philippe Gruson, Désclée de Brouwer, 2000, p. 96.

Cựu Ước có thói tục hiến tế con trẻ cho các thần minh, và Ítraen thường xuyên bị cám dỗ chạy theo thói tục này; các công trình khảo cổ cũng ghi nhận về thói tục này ở Ítraen. Trong khi đó, Kinh Thánh cho biết, lề luật cấm Ítraen không được thực hành việc hiến tế con trẻ (Đnl 18,10), các ngôn sứ cũng như sách Các Vua đã nhiều lần án gay gắt việc thói tục ghê tởm này (x. Gr 7,31; 2V 16,3; 21,6). Theo chiều hướng này, một số nhà chú giải cho rằng, qua việc Thiên Chúa yêu cầu Ápraham hiến tế Isaac, rồi sau đó bảo ông dừng tay, Kinh Thánh muốn khẳng định rằng Thiên Chúa không chấp nhận việc hiến tế con người.

Cách giải thích trên về câu chuyện hiến tế của Ápraham có thể né tránh khỏi phản ứng cho rằng việc Thiên Chúa ra lệnh cho người cha hiến tế con mình là điều trái luân thường đạo lý. Tuy nhiên cách giải thích trên lại vô tình đánh mất thông điệp sâu xa của bản văn Kinh Thánh, mà nhờ đó, dân Chúa thời lưu đày Babylon đã có thể giữ vững niềm tin⁹⁰.

⁹⁰ *La Bible et sa culture, Ancien Testament*, sous la direction de Michel Quesnel et Philippe Gruson, Desclée de Brouwer, 2000, p. 100.

✓ Lưu đày là một trong những giai đoạn bi thảm nhất của lịch sử dân Chúa, họ bị mất tất cả và có thể mất luôn cả niềm tin. Bên bờ vực của sự diệt vong, dân lưu đày không còn nhìn thấy một lối thoát nào cho tương lai của dân tộc. Họ cảm thấy dường như Thiên Chúa đã quên dân riêng của Ngài, quên lời hứa xưa với các tổ phụ Ítraen. Lúc này họ quay về mẫu gương đức tin của tổ phụ Ápraham: như Ápraham đã vững tin vào sự tín trung của Thiên Chúa, khi tất cả dường như chẳng còn gì để tin; cũng vậy dân lưu đày phải tin rằng Thiên Chúa sẽ liệu cho tương lai của dân Ngài, Ngài sẽ giải cứu dân Ngài. Mẫu gương Ápraham giúp dân Chúa vượt qua thách đố, giữ vững niềm tin và hy vọng. Cuối cùng thì dân Chúa đã nhìn thấy phép lạ của ngày hồi hương.

✓ Đối diện với những mất mát quá lớn, những mất mát làm đảo lộn cuộc sống và dường như khép kín tương lai của mình, những lúc đó, chúng ta có thể nghĩ đến việc Thiên Chúa đòi Ápraham hiến tế Isaac. Mỗi chúng ta có một “Isaac” riêng của mình mà Thiên Chúa đòi chúng ta hiến tế; và Thiên Chúa hiểu rõ những thứ đó quan trọng thế nào đối

với mình, như Ngài biết rõ Isaac là đứa con yêu quý nhất của Ápraham. Và nếu chúng ta vững tin vào sự trung tín của Thiên Chúa, thì “Ngài sẽ liệu” cho tương lai của chúng ta một lối thoát kỳ diệu mà chúng ta không dám nghĩ tới.

✓ Trong câu chuyện, không thấy chi tiết nào nói về việc Ápraham khẩn nguyện hay nài xin Thiên Chúa điều gì; trái lại, câu chuyện làm nổi bật sự phó thác và lòng tin tuyệt đối của Ápraham. Cũng có thể Ápraham đang sống với tội cùng của nỗi đau, ông không còn gì để nói ngoài lòng tin, và chính vì lòng tin của Ápraham mà Thiên Chúa đã ra tay giải cứu ông.

9. Hình ảnh về Thiên Chúa mà con người muốn “nắn ra”

✓ Câu chuyện hiến tế của Ápraham đặt lại vấn đề về hình ảnh Thiên Chúa mà con người nắn ra. Con người thường muốn một Thiên Chúa phù hợp với lý tưởng mà con người đặt ra, một Thiên Chúa dễ hiểu, rõ ràng và tất cả đều có thể giải thích được. Nói cách khác, người ta muốn tạo ra một Thiên Chúa theo hình ảnh của một con người lý tưởng.

Trong khi đó, qua câu chuyện hiến tế của Ápraham, Kinh Thánh cho thấy một Thiên Chúa mà rất nhiều khi con người không thể hiểu nổi đường lối của Ngài. Đó là khi con người đối diện với đau khổ, đối diện với huyền nhiệm của sự dữ. Và chúng ta được mời gọi bước theo Ápraham trong niềm tin phó thác và hoàn toàn tín nhiệm vào Thiên Chúa.

✓ Với Kitô hữu, huyền nhiệm sự dữ đưa họ tháp nhập vào mầu nhiệm Thập Giá, và họ cậy trông tuyệt đối vào sự can thiệp của Thiên Chúa, một sự can thiệp vượt cả điều họ mong chờ. Về điều này, chúng ta trở lại với lời khẳng định trong thư Do Thái (thư Hípri): “Khi còn sống kiếp phàm nhân, Đức Giêsu đã lớn tiếng kêu van khóc lóc mà dâng lời khẩn nguyện nài xin lên Đấng có quyền năng cứu Người khỏi chết. Người đã được nhậm lời” (Dt 5,7). Điều mà Chúa Cha đã cứu Đức Giêsu không phải là giải thoát khỏi cái chết trên Thập Giá, nhưng là cho Đức Giêsu Phục Sinh. Thiên Chúa ra tay không theo cách chúng ta chờ, nhưng vượt trên những gì chúng ta có thể nghĩ tới.

PHỤ CHƯƠng

CUỘC VẬT LỘN HUYỀN BÍ CỦA GIACÓP

1. Từ Giacóp đến tên gọi của dân Ítraen

✓ Khi Kinh Thánh nhắc đến tên các tổ phụ Ítraen, thì đó sẽ là Ápraham, Isaac và Giacóp; chẳng hạn Thiên Chúa phán với Môsê từ giữa bụi cây rực lửa: “Ta là Thiên Chúa của cha ngươi, Thiên Chúa của Ápraham, Thiên Chúa của Ixaác, Thiên Chúa của Giacóp” (Xh 3,6); sách Đệ Nhị Luật nhắc lại lời Thiên Chúa phán với dân Ítraen như sau: “Hãy vào và chiếm hữu đất mà ĐỨC CHÚA đã thề với cha ông các ngươi, là Ápraham, Ixaác và Giacóp” (Đnl 1,8).

Giacóp là người cuối cùng trong ba tổ phụ Ítraen, ông được Thiên Chúa đổi tên là Ítraen. Trước Giacóp, Thiên Chúa cũng đã đổi tên cho Ápram thành Ápraham; trong khi đó, không có sự thay đổi tên cho Isaac. Người ta thường nhấn mạnh đến ý nghĩa của việc Thiên Chúa đổi tên cho người được chọn. Tuy nhiên, không hẳn tất cả những người được chọn đều phải có sự đổi tên, chẳng hạn Môsê, người được Thiên Chúa trao sứ mạng đặc biệt trong việc đưa dân Chúa ra khỏi Ai Cập, nhưng ông vẫn được gọi tên cũ là Môsê.

Với dân Ítraen, biến cố Thiên Chúa đổi tên cho Giacóp sẽ được nhắc nhớ mãi, bởi vì tên Ítraen mà Thiên Chúa đặt cho Giacóp sẽ trở thành tên của dân Ítraen. Có thể nói, dân Ítraen đang được sinh ra khi mà Thiên Chúa ban cho Giacóp tên gọi Ítraen⁹¹. Sự kiện Giacóp được đổi tên gắn liền với câu chuyện về cuộc vật lộn huyền bí giữa Giacóp và Thiên Chúa.

⁹¹ Mills, M. (1999). *Genesis: A study guide to the book of Genesis (Ge 32:22)*. Dallas: 3E Ministries.

2. Cuộc vật lộn huyền bí của Giacóp với Thiên Chúa

✓ Bối cảnh câu chuyện về cuộc vật lộn giữa Giacóp và Thiên Chúa là cuộc trở về quê hương Canaan của Giacóp, điều này được nhắc đến ngay chương trước, ở St 31,1-54. Sau hai mươi năm tha phương kể từ khi Giacóp chạy trốn Êxau, đến sống nơi quê mẹ, trong nhà ông Laban, anh của bà Rebeca ở Kharan, miền Luỡng Hà Địa (x. St 29,1-6; 31,38). Trong cuộc trở về này, Giacóp rất sợ gặp lại Êxau, vì chuyện năm xưa Jacop cướp lời chúc phúc mà lẽ ra Isaac sẽ chúc phúc cho Êxau. Nỗi sợ hãi của Giacóp biểu lộ trong lời cầu nguyện của ông với Thiên Chúa: “Xin giải thoát con khỏi tay anh con, khỏi tay anh Êxau, vì con sợ anh ấy, sợ anh ấy đến đánh chúng con, đánh cả mẹ lẫn con” (St 32,12). Chính trong bối cảnh đầy lo sợ gặp lại Êxau mà Giacóp đã trải qua một cuộc vật lộn huyền bí với Thiên Chúa. Cuộc vật lộn diễn ra vào đêm tối trước khi Giacóp gặp mặt Êxau, tại Yabboq, một địa danh nằm ở phía bên kia sông Giođan, thuộc nước Giođan hiện nay.

✓ Câu chuyện Giacóp vật lộn với Thiên Chúa như sau: “Thấy không thắng được ông, **người đó** bèn đánh vào khớp xương hông của ông, và khớp xương hông của ông Giacóp bị trật đang khi ông vật lộn với **người đó**. **Người đó** nói: 'Buông ta ra, vì đã rạng đông rồi.' Nhưng ông đáp: 'Tôi sẽ không buông ngài ra, nếu ngài không **chúc phúc** cho tôi.' **Người đó** hỏi ông: 'Tên ngươi là gì?' Ông đáp: 'Tên tôi là Giacóp.' **Người đó** nói: 'Người ta sẽ không gọi tên ngươi là Giacóp nữa, **nhưng là Ítraen**, vì ngươi đã đấu với Thiên Chúa và với người ta, và ngươi đã thắng.' Ông Giacóp hỏi: 'Xin cho tôi biết tên ngài.' **Người đó** nói: 'Sao ngươi lại hỏi tên ta?' Và **người đó chúc phúc** cho ông tại đây.” (St 32,26-30).

✓ Trong suốt cuộc vật lộn của Giacóp, trình thuật không hề cho biết về danh tánh của người đang vật lộn với Giacóp, mà chỉ gọi là “người đó”. Tuy nhiên, dường như càng lúc Giacóp càng nhận ra người đó thuộc thể giới thần linh, nên ông nhất quyết đòi người đó chúc phúc cho ông. Khi người đó đã rời đi, Giacóp nhận ra đó chính là Thiên Chúa; điều này được diễn qua câu sau đây:

“Ông Giacóp đặt tên cho nơi đó là Ponuên, 'vì -ông nói- **tôi đã thấy Thiên Chúa mặt đối mặt**, mà tôi đã được tha mạng” (St 32,31).

3. Cuộc vật lộn của Giacóp – cuộc chiến của mỗi chúng ta

✓ Khi Giacóp đang trong nỗi sợ hãi kinh hoàng vì phải đối diện với Êxau, thì Thiên Chúa xuất hiện với ông như một kẻ thù trong cuộc vật lộn suốt đêm. Cũng vậy, khi chúng ta phải đương đầu với những thử thách trong cuộc sống, lúc đó chúng ta cảm thấy Thiên Chúa xuất hiện như một người làm khổ chúng ta. Cuộc vật lộn thiêng liêng của chúng ta là cuộc vật lộn giữa ý Chúa và ý con người; giữa một bên là niềm tin vào Thiên Chúa tình yêu và một bên là nghi ngờ Thiên Chúa vì những biến cố thử thách xảy đến với chúng ta.

Những cuộc vật lộn trong đời thường lại là những cuộc vật lộn với chính Thiên Chúa; và như thế, cuộc đời phạm trần này của chúng ta đang từng ngày được tháp nhập vào thế giới thánh thiêng của Thiên Chúa.

“Như Giacóp xưa, chúng ta vật lộn trong đêm tối của niềm tin; và cũng như Giacóp, chúng ta sẽ một thân một mình trong cuộc chiến với Thiên Chúa. Nhưng khi phía chân trời hừng đông ló rạng, cuộc chiến sẽ đến hồi kết thúc; chỉ cần chúng ta kiên trì nhẫn nại trong niềm tin, chúng ta sẽ nhận lãnh được phúc lành bình an của Thiên Chúa.

GIACÓP, NGƯỜI MƯU MÔ – NGƯỜI CHÚA CHỌN!

1. Giacóp – con người mưu mô

Giacóp nổi tiếng là con người lừa đảo. Giacóp đã dụ anh mình là Êxau nhường quyền trưởng nam cho mình bằng bát cháo đậu khi Êxau đang háu đói (St 25,29-34). Rồi theo sự sắp xếp của bà mẹ Rebeca, Giacóp đã lừa Isaac, cha mình, để cướp đoạt lời chúc phúc mà lẽ ra ông Isaac sẽ chúc phúc cho Êxau (St 27,1-45). Ông Isaac đã nói với Êxau về Giacóp như sau: “Em con đã dùng mưu gian mà đến, và đoạt lời chúc của con” (St 27,35).

✓ Giacóp là con người gian mưu, vậy mà ông vẫn là tổ phụ của mười hai chi tộc Ítraen. Điều này khiến nhiều người không khỏi thắc mắc về việc tuyển chọn người của Thiên Chúa.

Trước những thắc mắc trên, người ta thường tìm cách để biện minh cho những hành động của Giacóp. Họ cho rằng những lừa đảo và ham muốn không tốt đẹp đó, giờ đây có thể có vai trò tích cực vì chúng trở thành phương tiện phục vụ cho kế hoạch và dự định của Thiên Chúa⁹².

Thoạt nghe, giải thích trên có vẻ hấp dẫn, tuy nhiên cách giải thích này có nguy cơ trở thành lối biện minh cho những hành động gian mưu và lừa dối của Giacóp và bà mẹ Rebeca. Thay vì tìm cách “hợp thức hóa” những hành động sai trái trên, có lẽ nên chấp nhận sự thật rằng những hành động sai trái của Giacóp là điều không đáng có, tuy nhiên Thiên Chúa chấp nhận hành động qua những con người như họ là⁹³, với tính cách của riêng họ, cả điểm tốt lẫn điểm xấu, điểm yếu lẫn điểm mạnh.

⁹² *La Bible et sa culture, Ancien Testament*, sous la direction de Michel Quesnel et Philippe Gruson, Désclée de Brouwer, 2000, p. 111. & *The New Interpreter's Bible (12 vols)*, vol I. Nashville: Abingdon Press, 1994, p. 537.

⁹³ *The New Interpreter's Bible (12 vols)*, vol I. Nashville: Abingdon Press, 1994, p. 538.

Việc Thiên Chúa chấp nhận hành động qua những con người như họ là, giúp hiểu phần nào về sự chiếu cố của Thiên Chúa đối với thân phận mỏng giòn của con người.

2. Phải chăng “tiêu chuẩn” của Thiên Chúa là thích chọn em hơn chọn người anh?

✓ Khi Êxau và Giacóp còn trong bụng mẹ, bà Rebeca đã nhận được lời tiên báo về sự thắng thế của Giacóp trên người anh song sinh Êxau như sau: “Có hai dân tộc trong lòng ngươi, hai dân từ dạ ngươi sinh ra và sẽ chia rẽ nhau. Dân này sẽ mạnh hơn dân kia, đứa lớn sẽ làm tôi đứa bé.” (St 25,23). Việc Thiên Chúa chọn người em là Giacóp thay vì chọn người anh cả Êxau là một trong những câu chuyện điển hình mà từ đó các nhà chú giải đưa đến kết luận rằng: việc Thiên Chúa chọn người em thay vì người anh là đề tài quen thuộc trong Kinh Thánh. Các nhà chú giải cũng đưa ra ví dụ tương tự qua việc Thiên Chúa chọn Isaac thay vì chọn Ismael là người con lớn của Ápraham.

✓ Những ghi nhận trên xem ra chí lý; bởi lẽ, trong khi con người thời đó rất coi trọng người con

cả, thì việc Thiên Chúa chọn người con thứ cho thấy, Thiên Chúa không theo tiêu chuẩn của con người. Tuy nhiên, nếu người ta quá nhấn mạnh vào điều này, đến nỗi cho rằng việc chọn người em như là tiêu chuẩn của Thiên Chúa, thì vô tình người ta đã đóng khung, đã giới hạn tiêu chuẩn của Thiên Chúa trong việc chọn người.

Mặt khác, nếu xét theo một khía nào đó, trong việc Isaac được chọn thay vì Ismael, chưa hẳn Kinh Thánh đã muốn đề cao sự việc Isaac là em mà được chọn. Trái lại, Isaac là người con của chính thất, đứa con của lời hứa (x. St 17,18-19).

3. Phải chăng Thiên Chúa thích chọn người yếu kém hơn là người tài năng?

✓ Bên cạnh việc nhấn mạnh Thiên Chúa thích chọn người em thay vì chọn người anh, người ta cũng nhấn mạnh nhiều đến việc Thiên Chúa thích chọn những người yếu kém, khiêm khuyết. Người ta đưa ra dẫn chứng như Môsê không có tài ăn nói (Xh 4,10), Giêrêmia là người nhút nhát, không biết ăn nói (Gr 1,6).

Điều đáng nói là việc nhấn mạnh này đôi khi khiến người ta ngầm hiểu rằng Kitô giáo cổ vũ việc chuộng những người yếu kém. Trong khi đó, khi các ngôn sứ nói về những người nghèo của Thiên Chúa, thì đó không phải là những người nghèo về tài năng hay vật chất, mà trước hết, đó là người khiêm nhường, không cậy vào tài sức riêng của mình, không cho mình hơn người để khinh khi người khác; trái lại họ nhận biết mình là thân phận thụ tạo, và chỉ cậy trông vào một mình Thiên Chúa (x. Xp 3,11-13).

Thật ra trong Kinh Thánh, những người được chọn không hẳn không có tài năng. Chẳng hạn, Đavít người được Thiên Chúa tuyển chọn qua việc xức dầu của Samuen, Kinh Thánh cho biết từ bé Đavít đã là một cậu bé khôi ngô, Sách Thánh viết: “Cậu có mái tóc hung, đôi mắt đẹp và khuôn mặt xinh xắn” (1Sm 16,12). Còn Môsê, ông thưa với Thiên Chúa rằng ông không biết ăn nói, vậy nhưng sau đó, chính ông là người trực tiếp thương thuyết với Pharaon nhiều lần (x. Xh 7,26; 8,16; 9,1.13). Môsê còn là người nghĩa hiệp, sẵn sàng ra tay cứu giúp người bị áp bức; một mình, ông đã đánh lại

nhóm người chăn chiên bắt nạt các cô gái, bên bờ giếng ở miền Madian (x. Xh 2,11-15).

✓ Khi Kinh Thánh cho thấy những người được Thiên Chúa gọi thường có những khiếm khuyết, và những giới hạn, điều đó nhằm nhấn mạnh về ân huệ nhưng không của Thiên Chúa. Mặt khác, điều đó cho thấy một sự thật rằng: không ai là người hoàn hảo, dù Chúa có chọn ai đi nữa, thì người đó cũng có những khuyết điểm riêng của họ. Càng là người được chọn, càng phải ý thức con người là công cụ Thiên Chúa dùng, người được chọn không có nghĩa là người ở trên anh em đồng loại của mình.

oOo

MƯỜI HAI CHI TỘC ÍTRAEN – VAI TRÒ CỦA GIUĐA VÀ GIUSE

1. Mười hai người con trai của Giacóp - mười hai chi tộc Ítraen

✓ Giacóp có hai người vợ Lêa và Rakhen, họ là hai chị em. Giacóp yêu Rakhen, chấp nhận ở rể bảy năm để cưới, nhưng ông Laban, cha của Rakhen và cũng là bác của Giacóp, đã lừa để Giacóp cưới người chị là Lêa. Giacóp phải chấp nhận ở rể thêm bảy năm nữa để được cưới Rakhen. Rakhen là người vợ yêu của Giacóp, nhưng mãi vẫn chưa có con, trong khi Lêa lại sinh liên tiếp cho Giacóp những đứa con. Từ đây diễn ra cuộc chạy đua sinh con giữa hai bà vợ của Giacóp. Cả hai bà vợ đã dâng người tớ gái của mình cho Giacóp để khi người tớ gái có con, những đứa con đó sẽ thuộc về bà chủ Rakhen và Lêa. Sau cùng, Rakhen cũng sinh được cho Giacóp hai người con trai.

Từ hai bà vợ và hai người tớ gái của hai bà vợ, Giacóp có tất cả là mười hai người con trai và một người con gái là Đina, con của bà Lêa. Thứ tự của mười hai người con trai, được ông Giacóp nhắc tên trước khi qua đời, theo tuần tự như sau: Ruben, Simêon, Lêvi, Giuđa, Zabulon, Issakhar, Đan, Gad, Asher, Neptali, Giuse và Benjamin (x. St 49,1-28).

✓ Mười hai người con của Giacóp sẽ là ông tổ của mười hai chi tộc Ítraen. Tuy nhiên, hai người con của Giuse được coi là hai chi tộc và được nhận hai phần đất; còn chi tộc Lêvi không có phần đất được chia, vì họ chuyên lo về phụng vụ, nên được hưởng những lễ phẩm dâng cho Chúa (x. Gs 13,14); về điều này sách Giôsuê viết: “Đó là vì con cái ông Giuse chia làm hai chi tộc (תְּרֵי עָשָׂר): Monase và Épraim; còn các người Lê-vi thì không nhận được vùng đất trong xứ, ngoại trừ các thành để ở, cùng với đồng cỏ cho súc vật và của cải thuộc về họ” (Gs 14,4).

Như thế, có vẻ như là Ítraen có mười ba chi tộc, tuy nhiên truyền thống Kinh Thánh vẫn gọi là mười hai chi tộc, Tân Ước ghi lại lời Đức Giêsu như sau: “khi Con Người ngự toà vinh hiển, anh

em cũng sẽ được ngự trên mười hai tòa mà xét xử mười hai chi tộc Ítraen” (Mt 19,28).

2. Chi tộc Giuda và lời hứa về Đấng Cứu Tinh

✓ Trong mười hai người con của Giacóp, Giuse là người con mà Giacóp yêu quý và nổi bật giữa các anh em vì tài năng và địa vị có được ở Ai Cập. Tuy nhiên chi tộc xuất thân từ Giuda mới là chi tộc mang lời hứa về đấng Mêsia, và Giacóp đã nói về Giuda như sau: “**Vương trượng** sẽ không rời khỏi Giuda, gậy chỉ huy sẽ không lìa đầu gối nó, **cho tới khi người làm chủ vương trượng đến**, người mà muôn dân phải vâng phục.” (St 49,10).

Giuda có ba người con trai, người con đầu cưới cô Tamar làm vợ, nhưng chết mà chưa có con. Theo luật thế huynh được ghi trong sách Đệ Nhị Luật (x. Đnl 25,5-10; Mt 22,24), người con thứ hai của Giuda đã lấy Tamar, nhưng người này đã cố ý không để Tamar có con với mình, vì thế đã bị Chúa phạt chết. Sau khi mất hai người con trai, Giuda không muốn trao người con trai út cho Tamar nữa. Vì thế Tamar đã giả làm gái điếm để đến với Giuda và mang thai, nhằm có con nối dõi cho người chồng quá cố của mình (x. St 38,1-30).

Một trong hai người con sinh đôi từ bà Tamar sẽ là ông tổ của vua Đavít (R 4,17-22). Như thế bà Tamar là tổ mẫu của dòng dõi Đavít, dòng dõi mang lời hứa về Đấng Mêsia (x. 2Sm 7,1-17).

✓ Trong bản gia phả của Đức Giêsu ở Mt 1,1-17, bà Tamar là người phụ nữ đầu tiên được nêu tên cùng với ba phụ nữ khác nữa là bà Rakhab, bà Rut, và bà vợ của Urya. Những tổ mẫu này đều là người có đời sống hôn nhân, mà theo cái nhìn của con người thời đó, các cuộc hôn nhân này bị coi thường và không có gì để tự hào: Tamar sinh con với cha chồng là ông Giuđa, vì Giuđa chưa thi hành trọn vẹn luật thế huynh cho Tamar. Bà Rakhab là người được nhắc đến trong sách Giôsuê, đó là một kỹ nữ dân ngoại; bà Rút là người dân ngoại, chồng chết và không con, bà có con với ông Boz, là người họ hàng của nhà chồng để có con nối dõi cho người chồng quá cố; còn bà vợ Urya là người mà vua Đavít đã cưới sau khi đã ngoại tình với bà, rồi tìm cách giết chồng bà để che giấu tội và hợp thức hóa đứa con sinh ra từ cuộc ngoại tình của ông.

✓ Với những tổ mẫu như thế, rõ ràng gia phả của đấng Mêsia, cũng chính là gia phả của Đức

Giêsu, xem ra không có gì vẻ vang, vinh hạnh. Đấng Mêsia, Con Thiên Chúa làm người, đã không ngại sinh ra với một gia phả bị coi thường dưới cái nhìn của người đời. Điều này đặt chúng ta đối diện với nỗi trạng tự mãn cũng như tự ti về gia phả của mỗi chúng ta. Nếu chúng ta tự mãn về thân thể dòng tộc của mình, e rằng chúng ta khó để đón nhận hồng ân của Thiên Chúa qua sự tự hạ của Đức Giêsu, Con Thiên Chúa; còn nếu chúng ta tự ti về nguồn gốc sinh thành của mình, có lẽ chúng ta chưa chiêm ngắm đủ về tình yêu Thiên Chúa dành cho chúng ta qua mầu nhiệm nhập thể của Ngài trong một dòng tộc không lấy gì vinh hạnh cho lắm về mặt luân lý.

3. Giuse và mười người con của Giacóp, đều là nạn nhân chăng?

✓ Khi nói về Giuse, người bị bán sang Ai Cập, người ta thường nghĩ đến hình ảnh về một Giuse là nạn nhân của sự ghen tuông của những người anh cùng cha khác mẹ, và chịu bao khổ nhục bất công ở Ai Cập. Tuy nhiên, trong gia đình của ông Giacóp, Giuse không đơn thuần là một nạn nhân, và các anh của Giuse không hẳn chỉ là thủ phạm; bởi lẽ, những người con của ông Giacóp đã phải chịu tổn

thương vì sự thiên vị mà ông Giacóp đã dành cho Giuse. Đã vậy, Giuse còn hay mách tội của các anh cho ông Giacóp, Sách Thánh viết: “Cậu mách cha tiếng đồn không hay về họ. Ông Ítraen yêu Giuse hơn tất cả các con, vì ông đã già mới sinh được cậu, và ông may cho cậu một áo chùng dài tay. Các anh cậu thấy cha yêu cậu hơn tất cả các anh, thì sinh lòng ghét cậu và không thể nói năng tử tế với cậu.” (St 37,2-4).

Nói cách khác, nếu Giuse là nạn nhân của sự ghen tuông của các anh, thì những người anh của Giuse là nạn nhân của sự thiên vị của người cha là Giacóp.

✓ Giuse bị bán sang Ai Cập lại là cơ may cho ông trở thành tể tướng, và là người cứu gia đình Giacóp khỏi nạn đói; cả dân Ai Cập cũng như các dân nước xung quanh nhờ Giuse mà thoát khỏi nạn đói. Qua đó, câu chuyện cho thấy quyền năng và hoạt động của Thiên Chúa trên cuộc đời Giuse, ngang qua những hành động của con người, và bắt chấp những bạo lực của con người giáng xuống Giuse. Chính Giuse đã xác tín về điều này như sau: “Các anh đã định làm điều ác cho tôi, nhưng

Thiên Chúa lại định cho nó thành điều tốt, để thực hiện điều xảy ra hôm nay, là cứu sống một dân đông đảo” (St 50,20). Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là Thiên Chúa cần những hành động bạo lực của các anh của Giuse để thực hiện chương trình của Ngài trên Giuse; trái lại, con người phải chịu trách nhiệm về những bạo lực mình làm cho người khác. Nhưng vận mạng của mỗi người không nằm trong tay người đời, nhưng là ở trong tay Thiên Chúa, và Thiên Chúa sẽ vạch đường thẳng trên nét cong của cuộc đời chúng ta.

✓ Với sự bảo bọc của Giuse, gia đình ông Giacóp đã đến định cư ở Ai Cập, tuy nhiên cuộc ra đi này đã đưa dòng dõi Ápraham đi xa miền Đất Hứa Canaan! Trước khi qua đời, Giacóp đòi các con ông phải đưa thi hài ông về chôn cất ở đất Canaan, miền Ephron. Cũng vậy, khi biết mình sắp chết, Giuse nói với con cái Ítraen: “Thế nào Thiên Chúa cũng sẽ viếng thăm anh em, bây giờ anh em sẽ đưa hài cốt tôi lên khỏi đây”. Với lời của Giuse, cuộc xuất hành đã được báo trước ở đây. Phần tiếp theo, sách Xuất Hành sẽ nói về cuộc trở về Đất Hứa của Ítraen dưới sự dẫn dắt của Môsê theo lệnh của Thiên Chúa.

MỤC LỤC

Phần I: Thiên Chúa là ai? Con người là ai? 7

Thiên Chúa là Đấng sáng tạo duy nhất chứ không phải thứ nhất, có thật vậy không?.....9	
Lời Chúa là lời tạo dựng, có thật vậy không? ... 27	
Vũ trụ tốt đẹp - Mỗi thụ tạo là tuyệt tác của Thiên Chúa	38
“Con người là hình ảnh Thiên Chúa”, nghĩa là gì?.....	48
Con người được trao quyền làm chủ vũ trụ, có thật vậy không?	64
Adam được dựng nên từ bụi đất.....	75
Eva được dựng nên từ xương sườn của Adam.	85

Phần II: Tôi gánh tội Adam

hay tôi đang là Adam? 97

Tội Adam - tội tà thần.....	99
Án phạt của Thiên Chúa.....	114

Lễ vật Cain có gì bất xứng chăng?	124
Lụt hồng thủy	137
Câu chuyện con trai Thiên Chúa lấy con gái loài người.....	138
Câu chuyện Lụt Hồng Thủy.....	141
Tháp Baben - Con người làm cho danh mình lẫy lừng, tội tà thần	167

**Phần III: Vì sao Chúa gọi người này
mà không gọi người khác? 179**

Ôn gọi Ápraham	181
Hiến tế của Ápraham, St 22,1-19	194

Phụ chương: Cuộc vật lộn huyền bí của Giacóp 211

Giacóp, người mưu mô – người Chúa chọn!..	217
Mười hai chi tộc Ítraen – vai trò của Giuđa và Giuse -	223

TÔI GÁNH TỘI ADAM HAY TÔI ĐANG LÀ ADAM?

Sách Sáng Thế

Tác giả: Sr. Cảnh Tuyết, O.P.

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1953J (số cũ 210) Nguyễn Ái Quốc, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

Chịu trách nhiệm xuất bản: GD - TBT. Bùi Thị Lâm Ngọc

Chịu trách nhiệm bản thảo: PGD Trương Văn Tuấn

Biên tập : Ngô Thị Huyền

Thực hiện : Dòng Thánh Phaolô Thiện Bản

Sửa bản in : Ngô Thị Huyền

Liên kết xuất bản:



Nhà sách ĐỨC BÀ HÒA BÌNH
DÒNG THÁNH PHAOLÔ THIỆN BẢN
I- Công Xã Paris - Quận I - TP. HCM
(028) 38 250 745 - 09 38 03 71 75
ducbahoabinhbooks-osp.com

In 1.000 bản, khổ 12 x 18 cm. In tại Công ty CP in TM Trần Châu Phúc,
509 Tân Hoà Đông, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP. HCM.

Số xác nhận ĐKXB: 641-2022/CXBIPH/ 2-18/ĐoN,

Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận ngày 02/03/2022.

Số QĐXB: 135/QĐB-ĐoN, do NXB Đồng Nai cấp ngày 09/03/2022.

Mã ISBN: 978-604-332-946-9. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2022.